

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài :

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG
VIỆT**

Giảng viên hướng dẫn : TS. Phạm Thị Bích Vân

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Mai Oanh

MSSV : 2254010107

Khoá học : 2022-2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài :

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT**

Giảng viên hướng dẫn : TS. Phạm Thị Bích Vân

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Mai Oanh

MSSV : 2254010107

Khoá học : 2022-2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN
TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: NGUYỄN THỊ MAI OANH
- Mã số sinh viên: 2254010107
- Ngành học: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Chính quy
- Khóa học: 2022-2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tài công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

Số liệu được lấy từ các chứng từ, sổ sách thực tế của năm 2025 tại phòng kế toán của công ty TNHH Dịch vụ và Đào tạo kế toán Lộc Phát.

4. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

Chương 3. Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

5. Giảng viên hướng dẫn

Tiến sĩ Phạm Thị Bích Vân – Giảng viên trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.1. Khái niệm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.2.1.1. Nội dung.....	3
1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ	3
1.2.1.3. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán	4
1.2.1.4. Chứng từ sử dụng	6
1.2.1.5. Tài khoản sử dụng.....	7
1.2.1.6. Phương pháp hạch toán	7
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.2.1. Nội dung.....	10
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	10
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	11
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	11
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	12
1.2.3.1. Nội dung.....	12
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	13
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán	13

1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	15
1.2.4.1. Nội dung.....	15
1.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	15
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.4.4. Phương pháp hạch toán.....	16
1.3. Kế toán chi phí.....	18
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán	18
1.3.1.1. Nội dung.....	18
1.3.1.2. Các phương pháp tính giá xuất kho	18
1.3.1.3. Chứng từ sử dụng.....	20
1.3.1.4. Tài khoản sử dụng.....	20
1.3.1.5. Phương pháp hạch toán.....	20
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.....	23
1.3.2.1. Nội dung.....	23
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng.....	23
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.....	23
1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.....	23
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	26
1.3.3.1. Nội dung.....	26
1.3.3.2. Chứng từ sử dụng.....	26
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.....	26
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.....	26
1.3.4. Kế toán chi phí khác	29
1.3.4.1. Nội dung.....	29
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng.....	29
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.....	30

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán	30
1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31
1.3.5.1. Nội dung.....	31
1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.....	32
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.....	33
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán	33
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	34
1.4.1. Nội dung.....	34
1.4.2. Chứng từ sử dụng.....	34
1.4.3. Tài khoản sử dụng.....	35
1.4.4. Phương pháp hạch toán	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT.....	37
2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt	37
2.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt	37
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	38
2.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt	38
2.2.1. Chức năng nhiệm vụ.	38
2.2.2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.	39
2.3. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kế toán tại Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt	40
2.3.1. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.....	40
2.3.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty.....	41
2.3.3 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty	42
2.3.4 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty.....	44

2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty	45
2.4 Thực tế phần hành kế toán doanh thu tại Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt.....	48
2.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48
2.4.1.1. Nội dung.....	48
2.4.1.2. Tài khoản sử dụng.....	48
2.4.1.3. Chứng từ sử dụng	49
2.4.1.4. Sổ sách sử dụng.....	49
2.4.1.5. Quy trình ghi sổ.....	49
2.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	67
2.4.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	67
2.4.3.1. Nội dung.....	67
2.4.3.2. Tài khoản sử dụng.....	67
2.4.3.3. Chứng từ sử dụng	67
2.4.3.4. Sổ sách sử dụng.....	67
2.4.3.5. Quy trình ghi sổ.....	67
2.4.4. Kế toán thu nhập khác.....	72
2.4.5. Kế toán giá vốn hàng bán	73
2.4.5.1. Nội dung.....	73
2.4.5.2. Tài khoản sử dụng	73
2.4.5.3. Chứng từ sử dụng	73
2.4.5.4. Sổ sách sử dụng.....	73
2.4.5.5. Quy trình ghi sổ.....	73
2.4.6. Kế toán chi phí tài chính.....	80
2.4.6.1. Nội dung.....	80
2.4.6.2. Tài khoản sử dụng.....	80

2.4.6.3. Chứng từ sử dụng.....	80
2.4.6.4. Sổ sách sử dụng.....	80
2.4.6.5. Quy trình ghi sổ.....	80
2.4.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	85
2.4.7.1. Nội dung.....	85
2.4.7.2. Tài khoản sử dụng.....	85
2.4.7.3. Chứng từ sử dụng.....	85
2.4.7.4. Sổ sách sử dụng.....	86
2.4.7.5. Quy trình ghi sổ.....	86
2.4.8. Kế toán chi phí khác	99
2.4.9. Kế toán chi phí thuế TNDN.....	100
2.4.9.1. Nội dung.....	100
2.4.9.2. Tài khoản sử dụng.....	100
2.4.9.3. Chứng từ sử dụng.....	100
2.4.9.4. Quy trình ghi sổ.....	100
2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt.....	106
2.5.1. Nội dung.....	106
2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	106
2.5.3. Chứng từ sử dụng.....	106
2.5.4. Sổ sách sử dụng.....	106
2.5.5. Quy trình ghi sổ.....	106
CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT	112
3.1. Nhận xét công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	112

3.1.1. Ưu điểm.....	112
3.1.2. Hạn chế.....	113
3.2. Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt	117
KẾT LUẬN.....	122
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	123

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.....	9
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu thông qua đại lý	9
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa.....	11
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại.....	12
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	14
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.....	17
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán tài khoản 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên	22
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	25
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	28
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán chi phí khác.....	31
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN.....	34
Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	36
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	40
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán	42
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức kế toán áp dụng tại công ty	43
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính.....	45
Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	67
Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán giá vốn.....	73
Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	86

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện đăng nhập phần mềm kế toán Smart Pro	46
Hình 2.2. Giao diện phần mềm kế toán Smart Pro.....	46
Hình 2.3. Hóa đơn GTGT số 7.....	51
Hình 2.4. Giao diện hạch toán nghiệp vụ phát sinh.....	52
Hình 2.5. Giao diện chứng từ bán ra.....	53
Hình 2.6. Giao diện nhập hóa đơn GTGT số 7 trên phần mềm	53
Hình 2.7. Giấy báo có hóa đơn GTGT số 7	54
Hình 2.8. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 27/02/2025.....	54
Hình 2.9. Hóa đơn GTGT số 29.....	56
Hình 2.10. Giao diện nhập hóa đơn GTGT số 29 trên phần mềm	57
Hình 2.11. Giấy báo có hóa đơn GTGT số 29	57
Hình 2.12. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 28/11/2025.....	58
Hình 2.13. Hóa đơn GTGT số 24.....	59
Hình 2.14. Giao diện nhập hóa đơn GTGT số 24 trên phần mềm	60
Hình 2.16. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30/10/2025.....	61
Hình 2.17. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 31/12/2025.....	68
Hình 2.18. Giao diện nhập lãi tiền gửi trên phần mềm	69
Hình 2.19. Màn hình xử lý đơn giá xuất kho.....	74
Hình 2.20. Màn hình xuất kho giá vốn hàng bán ra trong tháng.....	75
Hình 2.21. Phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT số 7.....	75
Hình 2.22. Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 29	76
Hình 2.23. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30/9/2025.....	81
Hình 2.24. Giao diện nhập phí chuyển khoản trên phần mềm.....	82
Hình 2.25. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 20/1/2025.....	87
Hình 2.26. Giao diện hạch toán phí môn bài trên phần mềm.....	88

Hình 2.27. Phiếu kế toán	88
Hình 2.28. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30/12/2025.....	89
Hình 2.29. Màn hình hạch toán phí quản lý tài khoản.....	90
Hình 2.30. Màn hình hạch toán lương tháng 1	93
Hình 2.31. Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTNLD.....	95
Hình 2.32. Màn hình hạch toán các khoản trích theo lương	96
Hình 2.33. Phiếu kế toán tháng 1/2025	96
Hình 2.38. Giao diện kết chuyển số dư cuối kỳ	107
Hình 2.39. Màn hình thực hiện các bút toán kết chuyển	107
Hình 2.40. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B01a-DNN)(TT133/2016/TT-BTC).....	111
Hình 3.1. Màn hình hoàn thiện hạch toán phí chuyển khoản.....	119
Hình 3.2. Màn hình hoàn thiện hạch toán lương tháng 1	120
Hình 3.3. Màn hình hoàn thiện hạch toán các khoản trích theo lương	121

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Sổ nhật ký chung.....	63
Bảng 2.2. Sổ cái TK 511.....	64
Bảng 2.3. Sổ chi tiết TK 5111.....	65
Bảng 2.4. Sổ chi tiết TK 5113.....	66
Bảng 2.5. Sổ nhật ký chung.....	70
Bảng 2.6. Sổ cái TK 515.....	71
Bảng 2.7. Sổ chi tiết TK 515.....	72
Bảng 2.8. Sổ nhật ký chung.....	77
Bảng 2.9. Sổ cái TK 632.....	78
Bảng 2.10. Sổ chi tiết TK 632.....	79
Bảng 2.11. Sổ nhật ký chung.....	83
Bảng 2.12. Sổ cái TK 635.....	84
Bảng 2.13. Sổ chi tiết TK 635.....	85
Bảng 2.14. Bảng chấm công nhân viên văn phòng tháng 01/2025.....	91
Bảng 2.15. Bảng tính và thanh toán tiền lương tháng 01/2025.....	92
Bảng 2.16. Sổ nhật ký chung.....	97
Bảng 2.17. Sổ cái TK 642.....	98
Bảng 2.18. Sổ chi tiết TK 6422.....	99
Bảng 2.19. Sổ nhật ký chung.....	109
Bảng 2.20. Sổ cái TK 911.....	110

DANH MỤC VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TK	Tài khoản
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTNLĐ	Bảo hiểm tai nạn lao động
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XNK	Xuất nhập khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
CCDV	Công cụ dụng cụ
GVHB	Giá vốn hàng bán
CKTM	Chiết khấu thương mại
SP,HH	Sản phẩm, hàng hóa
TSCĐ	Tài sản cố định
NSNN	Ngân sách nhà nước

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt”, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và hướng dẫn tận tình từ quý thầy cô, đơn vị thực tập cùng gia đình và bạn bè.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến quý thầy cô Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã tận tình giảng dạy và truyền đạt những kiến thức quý báu cho em trong suốt quá trình học tập tại trường.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn TS. Phạm Thị Bích Vân đã tận tình hướng dẫn, góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những ý kiến đóng góp quý báu của cô đã giúp em hoàn thiện đề tài một cách tốt nhất.

Em xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám đốc cùng các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp số liệu và nhiệt tình giúp đỡ em trong thời gian thực tập tại công ty.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thành khóa luận với tất cả sự nỗ lực của bản thân, tuy nhiên do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên đề tài khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy cô để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt, công tác kế toán giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp thông tin kinh tế – tài chính phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và ra quyết định của doanh nghiệp. Thông qua hệ thống kế toán, doanh nghiệp có thể kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Thông qua các thông tin kế toán, nhà quản lý có thể theo dõi tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí của doanh nghiệp, từ đó kịp thời đưa ra các quyết định quản lý phù hợp. Đồng thời, công tác kế toán còn góp phần đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và thuế, hạn chế rủi ro và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn là những nội dung cốt lõi, phản ánh trực tiếp hiệu quả hoạt động và sự sống còn của một thực thể kinh tế. Doanh thu được xem là nguồn lực quan trọng để bù đắp chi phí và tái đầu tư; trong khi đó, chi phí lại là yếu tố cần được tối ưu hóa để gia tăng lợi nhuận. Việc xác định đúng đắn, chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng sẽ giúp ban lãnh đạo có cái nhìn khách quan về thế mạnh, điểm yếu của đơn vị, từ đó đưa ra các giải pháp chiến lược nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, trong thời gian thực tập tại đơn vị, em đã tập trung nghiên cứu và lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điềm Sáng Việt” cho khóa luận tốt nghiệp này.

Mục tiêu của đề tài

Tổng hợp, ghi nhận tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua đó đánh giá phân tích thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó đưa ra những nhận xét, góp ý đề xuất để hoàn thiện hơn việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu của đề tài

Gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

Chương 3: Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu là toàn bộ giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp nhận được trong một kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thông thường như bán hàng, cung cấp dịch vụ và các hoạt động khác, làm gia tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Chi phí là các khoản làm giảm lợi ích kinh tế của doanh nghiệp trong kỳ kế toán, được ghi nhận khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính..., không phụ thuộc vào thời điểm doanh nghiệp đã thanh toán tiền hay chưa.

Xác định kết quả kinh doanh là quá trình kế toán thực hiện tổng hợp doanh thu và chi phí trong kỳ, từ đó xác định phần chênh lệch giữa doanh thu thuần và chi phí để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu và kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu phản ánh trực tiếp hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, có ảnh hưởng quyết định đến sự tồn tại và phát triển lâu dài. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vị trí then chốt trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp.

Để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần đảm bảo tạo ra lợi nhuận và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Trường hợp doanh thu không đủ bù đắp chi phí hoặc mức lợi nhuận quá thấp sẽ làm suy giảm nguồn lực tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Do đó, việc theo dõi và phân tích kịp thời tình hình doanh thu và chi phí là yêu cầu cần thiết nhằm phát hiện sớm các vấn đề và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về các khoản thu, chi phát sinh trong kỳ. Các thông tin này phản

ảnh mức độ làm tăng hoặc giảm lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thông qua các khoản doanh thu, chi phí và nghĩa vụ tài chính, từ đó ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu.

Thông qua việc ghi nhận và tổng hợp chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán giúp xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh. Đây là cơ sở quan trọng để nhà quản trị đánh giá hiệu quả hoạt động, nhận diện những điểm mạnh, hạn chế, cũng như các rủi ro còn tồn tại. Từ đó, doanh nghiệp có thể xây dựng các giải pháp cải thiện, hoạch định chiến lược và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Xuất phát từ vai trò quan trọng nêu trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổ chức lập, kiểm tra, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo đúng quy định hiện hành.
- Ghi nhận đầy đủ, chính xác và kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí phát sinh theo từng hoạt động của doanh nghiệp.
- Theo dõi và quản lý chặt chẽ các khoản phải thu của khách hàng, đảm bảo phản ánh đúng tình hình công nợ.
- Tổng hợp và cung cấp thông tin kế toán một cách nhanh chóng, trung thực và hợp lý, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và yêu cầu quản lý.
- Xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng hoạt động, đồng thời giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Thực hiện phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác quản lý tài chính.

1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Nội dung

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận các khoản doanh thu phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu sau:

- Doanh thu bán hàng hóa phản ánh doanh thu từ việc tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, hàng hóa mua vào để bán lại, cũng như hoạt động chuyển nhượng bất động sản đầu tư.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu từ việc thực hiện các dịch vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng, có thể hoàn thành trong một hoặc nhiều kỳ kế toán, như dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo hình thức thuê hoạt động, hoặc doanh thu từ hợp đồng xây dựng,...
- Các khoản doanh thu khác bao gồm các khoản thu nhập phát sinh ngoài hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ chính.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ

Theo điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC về tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Đối với doanh thu bán hàng

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu từ hoạt động bán hàng khi đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như một chủ sở hữu hoặc quyền kiểm soát đối với hàng hóa đã bán;
- Doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy; trường hợp hợp đồng có quy định về việc trả lại hàng hóa, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện liên quan đến quyền trả lại không còn hiệu lực;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; đối với các hợp đồng có điều khoản cho phép khách hàng trả lại dịch vụ, doanh thu chỉ được ghi nhận khi điều kiện này không còn tồn tại;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo;
- Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí cần thiết để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán

❖ Phương thức bán hàng

Doanh nghiệp thường sẽ áp dụng kết hợp các phương thức trong năm phương thức tiêu thụ dưới đây, tùy theo tình hình, quy mô của mình:

- Phương thức tiêu thụ trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm, hàng hóa khi giao cho khách hàng được chính thức xem như là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.
- (-) Bán buôn: Là phương thức bán hàng qua lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: Bán buôn qua kho và bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng.

+ Bán buôn hàng hóa qua kho: Là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ Bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: Là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà xuất bán thẳng cho bên mua.

(-) Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là quá trình trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức bán hàng qua đại lý (ký gửi): Là phương thức mà bên chủ của hàng hóa (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức là nhận hoa hồng, hoặc chênh lệch giá. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

- Phương thức trả góp, trả chậm: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần và chấp nhận thanh toán trả dần cho các kỳ tiếp. Một phần người mua sẽ thanh toán ngay tại thời điểm mua hàng, phần còn lại người mua chấp nhận thanh toán trả dần cho các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Số tiền trả ở các kỳ tiếp theo không thường bằng nhau, trong đó bao gồm doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

- Phương thức hàng đổi hàng: Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy nhưng mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa được cung ứng trên thị trường.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp.

❖ Phương thức thanh toán

Sau khi giao hàng cho bên mua và chấp nhận thanh toán thì bên bán có thể nhận tiền hàng theo nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm và thoả thuận giữa hai bên mà lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.

- Phương thức thanh toán trả ngay:

+ Thanh toán bằng tiền mặt: Là phương thức thanh toán mà người mua thanh toán trực tiếp với người bán bằng tiền mặt khi bên bán chuyển giao hàng hóa thì bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp ngay cho bên bán theo giá đã tho thuận tại cùng một thời điểm. Hình thức giúp doanh nghiệp giảm rủi ro không thu được tiền, tăng dòng tiền và đơn giản hóa quy trình kế toán.

+ Thanh toán bằng chuyển khoản: Là phương thức thanh toán mà doanh nghiệp nhận tiền từ khách hàng thông qua các dịch vụ của ngân hàng.

- Phương thức thanh toán trả sau:

+ Khách hàng đã nhận hàng hóa và chấp nhận thanh toán nhưng chưa trả tiền ngay, thời điểm thu tiền không trùng với thời điểm giao hàng. Khách hàng có thể trả chậm bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho công ty. Việc thanh toán này sẽ được thực hiện dựa theo điều kiện, thỏa thuận của hai bên. Khách hàng có thể trả chậm bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho công ty.

+ Thanh toán trả góp: Là hình thức mua hàng mà ở đó người mua hàng không cần phải trả toàn bộ số tiền trong một lần trả mà có thể thanh toán theo kỳ hạn. Số tiền trả nợ của mỗi kỳ theo thỏa thuận (hợp đồng) và số lãi được tính dựa trên số dư nợ gốc và thời hạn thực tế của kỳ hạn trả nợ.

1.2.1.4. Chứng từ sử dụng

Bảng báo giá

Đơn đặt hàng

Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.

Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Biên bản giao nhận hàng hóa, nghiệm thu dịch vụ

Phiếu xuất kho.

Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có....

1.2.1.5. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ tài chính, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- **Tài khoản 5111 – “Doanh thu bán hàng hóa”:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

- **Tài khoản 5112 – “Doanh thu bán thành phẩm”:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

- **Tài khoản 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

- **Tài khoản 5118 – “Doanh thu khác”:** Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

1.2.1.6. Phương pháp hạch toán

 **Kết cấu tài khoản:**

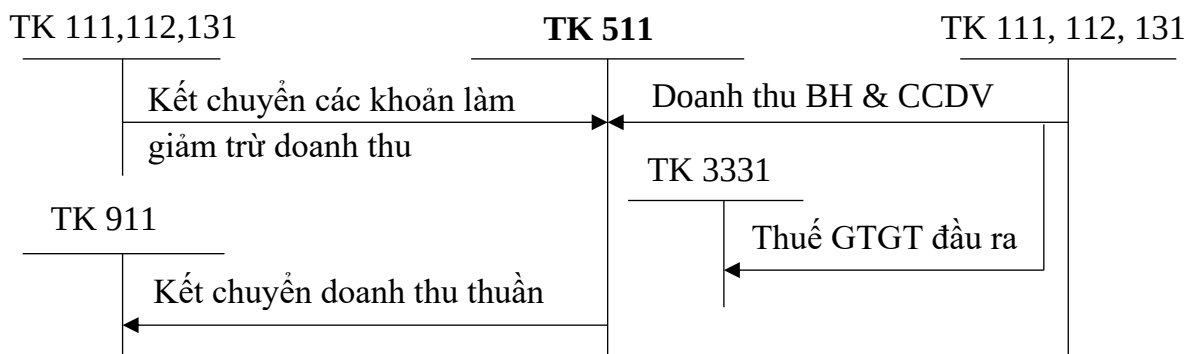
Nợ	TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Có
-----------	--	-----------

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT).
 - Các khoản giảm trừ doanh thu
 - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tập hợp doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT và CCDV của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

** Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ*

Sơ đồ hạch toán:

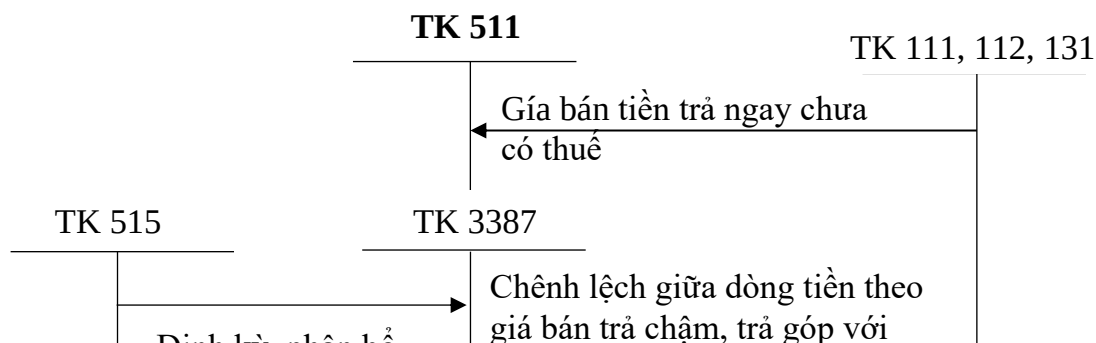
- Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trực tiếp:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

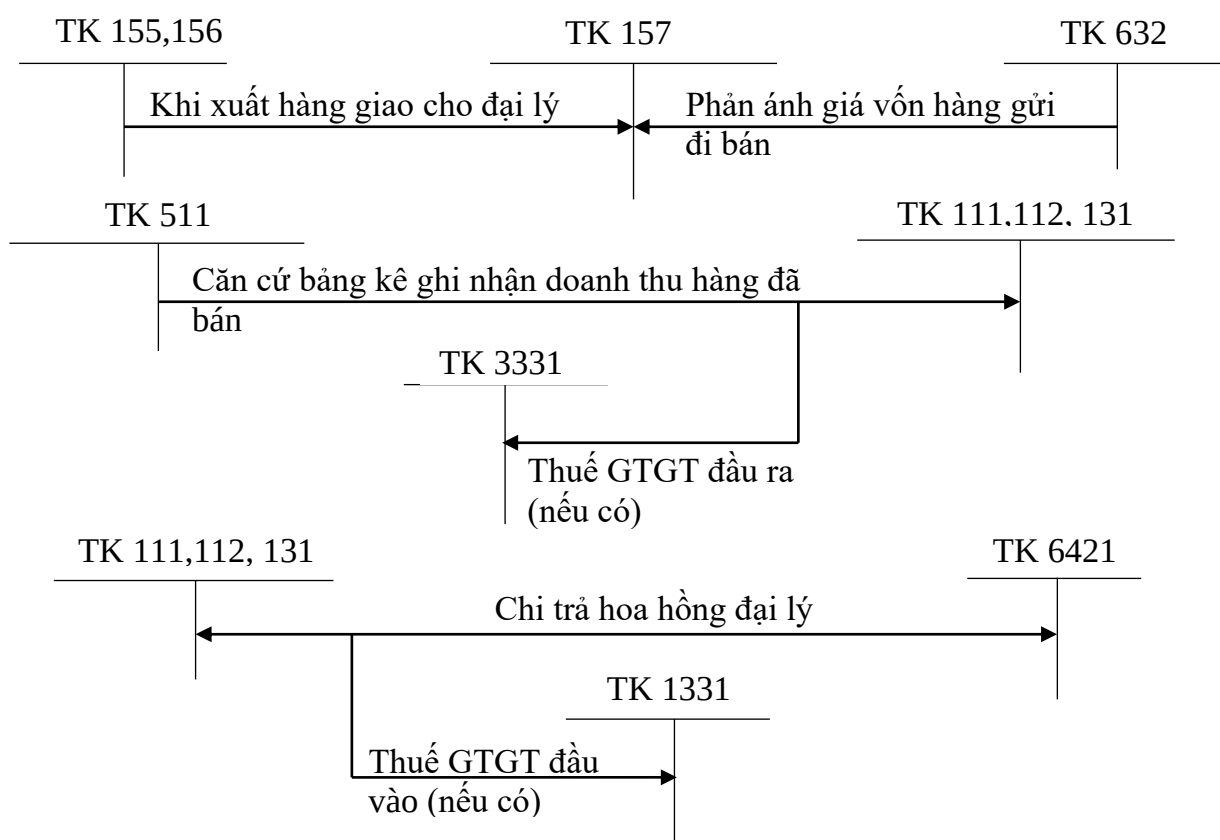
Sơ đồ kế toán DTBH và CCDV

- Trường hợp bán hàng trả chậm, trả góp:



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

-Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý:



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu thông qua đại lý

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Nội dung

Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

Chiết khấu thương mại: Xảy ra khi mua hàng với số lượng lớn hoặc mua đạt được một doanh số nào đó, người mua được giảm giá so với giá niêm yết và được quy định rõ trong hợp đồng.

Giảm giá hàng bán: Xảy ra khi hàng hóa, sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng, quy cách hoặc bị hư hỏng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế. Việc giảm giá có thể xuất phát từ các nguyên nhân như hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc không đúng tiêu chuẩn đã cam kết.

Hàng bán bị trả lại: Là hàng bán bị trả lại trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp hàng hóa sai quy cách, phẩm chất kích cỡ... so với hợp đồng kinh tế

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.

Chiết khấu thương mại

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại

Giảm giá hàng bán

- Biên bản giảm giá hàng bán
- Hóa đơn GTGT với nội dung giảm giá hàng bán

Hàng bán bị trả lại

- Biên bản trả lại hàng bán
- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ kèm theo: Phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ

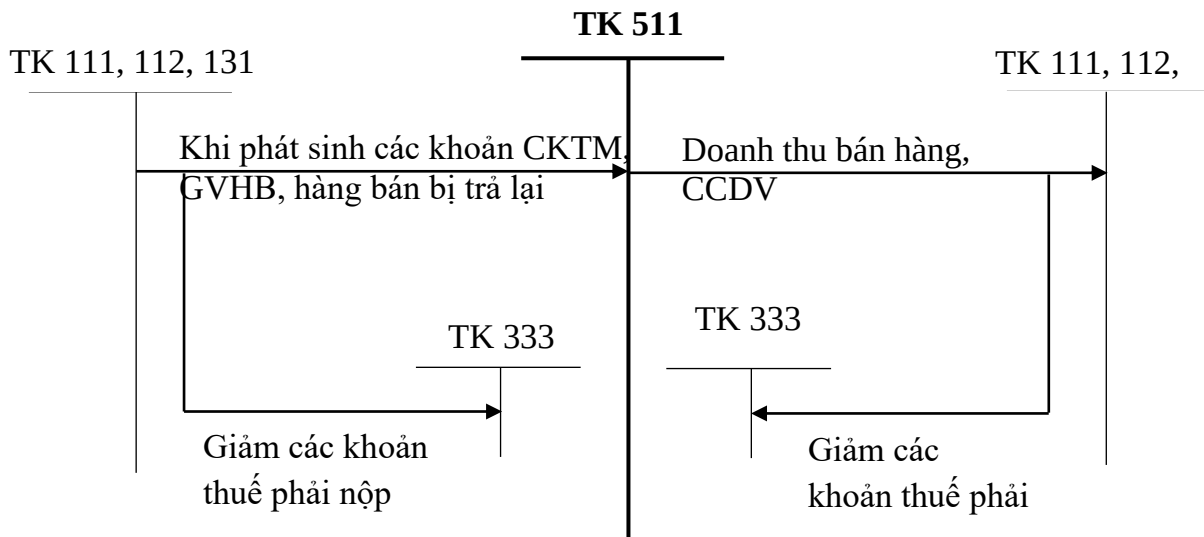
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC

Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

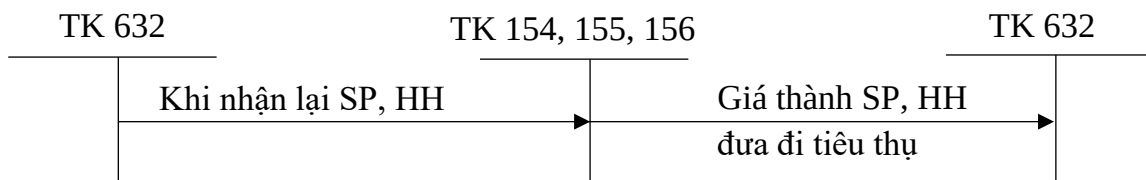
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ hạch toán



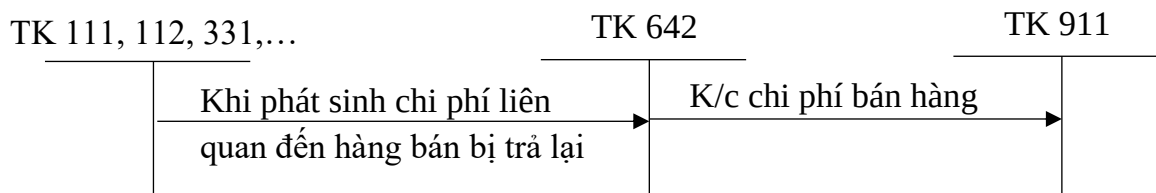
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa:



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa

- Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại:



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Nội dung

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

Hợp đồng tài chính

Bảng sao kê tiền gửi ngân hàng

Phiếu thu, Giấy báo có

Sổ phụ ngân hàng

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 58 của thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

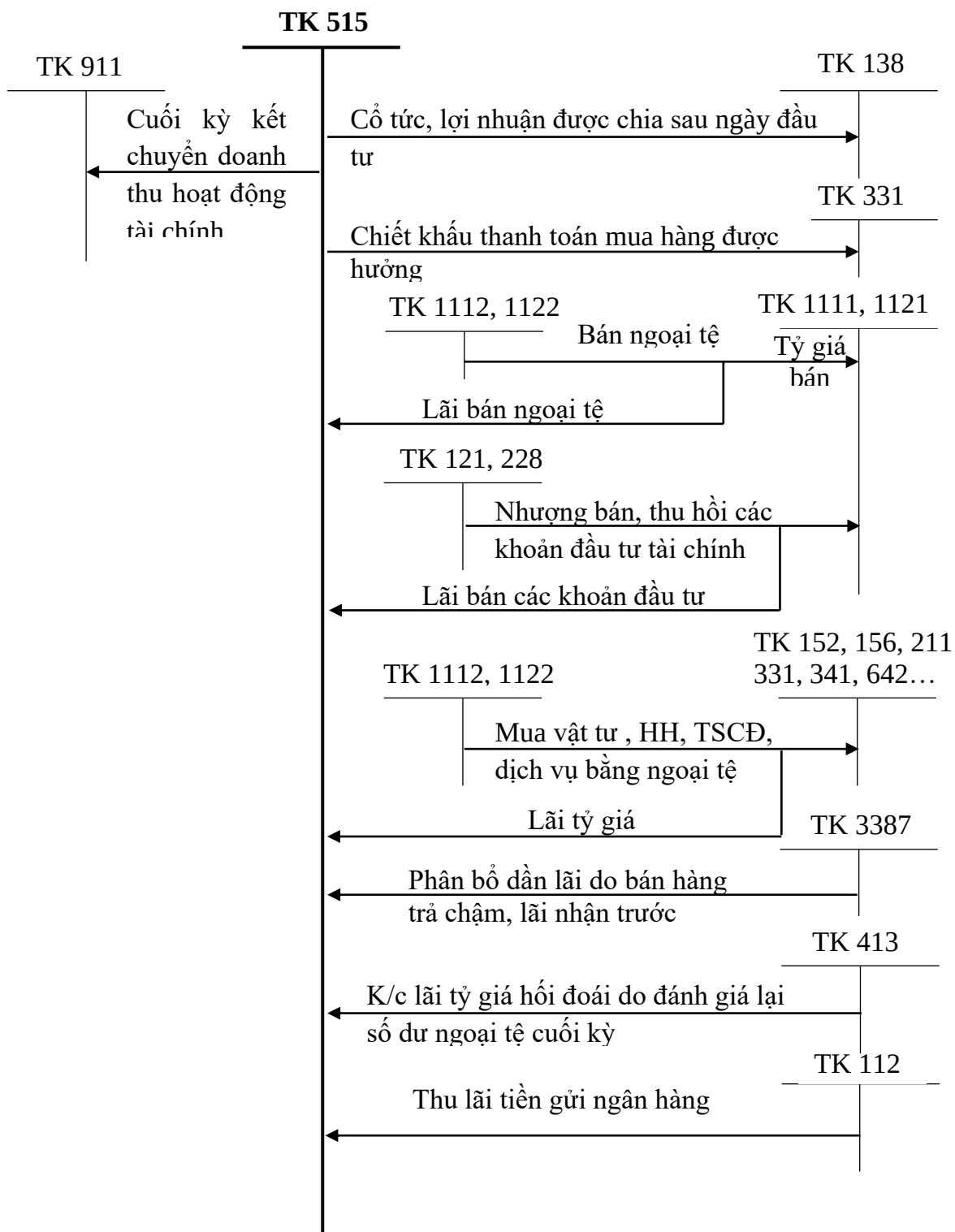
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.	

**Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Nội dung

Theo quy định tại Điều 65 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định nguyên tắc kế toán đối với kế toán thu nhập khác như sau:

Kế toán thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập phát sinh ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;
- Chênh lệch tăng giữa giá trị hợp lý của tài sản nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) so với chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Khoản lãi do đánh giá lại tài sản: như vật tư, hàng hóa, tài sản cố định khi đem đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết hoặc các hình thức đầu tư khác;
- Các khoản thuế được hoàn hoặc giảm: bao gồm thuế xuất khẩu, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã nộp nhưng sau đó được hoàn hoặc giảm;
- Khoản thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng của khách hàng;
- Khoản bồi thường từ bên thứ ba: nhằm bù đắp tổn thất tài sản, như tiền bảo hiểm, tiền hỗ trợ di dời hoặc các khoản tương tự;
- Thu hồi các khoản nợ khó đòi đã được xử lý xóa sổ trước đó;
- Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến hoạt động tiêu thụ nhưng không tính vào doanh thu;
- Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền hoặc hiện vật từ các tổ chức, cá nhân;
- Giá trị hàng khuyến mại không phải hoàn trả cho nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài những nội dung nêu trên.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Phiếu thu, Giấy báo có

Biên bản thanh lý TSCĐ

Hợp đồng kinh tế

Biên bản vi phạm hợp đồng

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711 – “Thu nhập khác”.

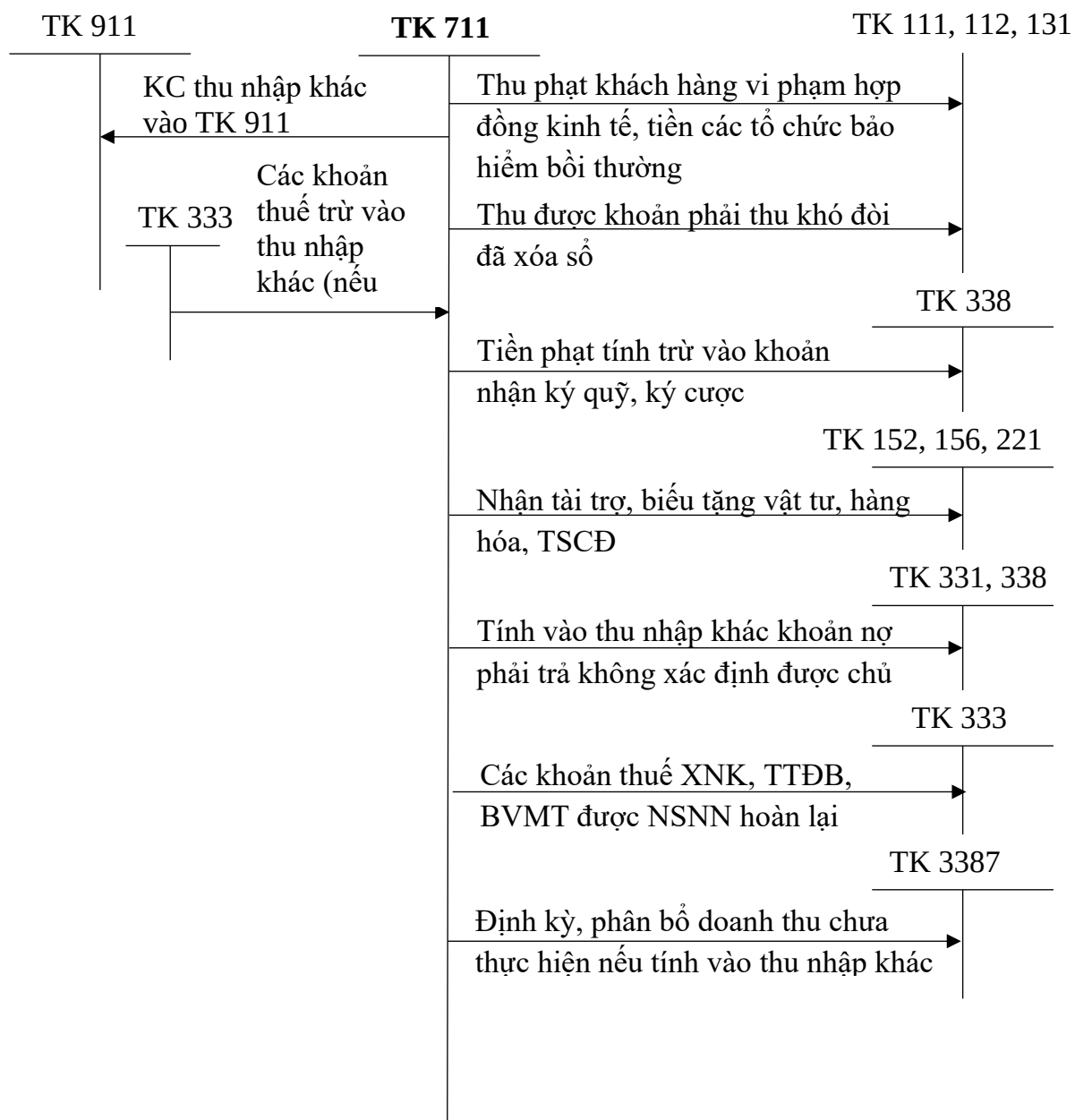
1.2.4.4. Phương pháp hạch toán

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	

**Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Nội dung

Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí để tạo ra sản phẩm hay là giá trị của sản phẩm được tiêu thụ trong một kỳ sản xuất cụ thể. GVHB liên quan đến quá trình bán hàng. Quá trình này bao gồm giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý của doanh nghiệp.

1.3.1.2. Các phương pháp tính giá xuất kho

Khi xác định giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ, doanh nghiệp áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ:

Khi áp dụng phương pháp này, cuối kỳ kế toán, kế toán doanh nghiệp căn cứ trên số hàng tồn đầu kỳ và tập hợp các lần nhập hàng trong kỳ của từng loại hàng tồn kho để tính giá hàng xuất kho của hàng hóa trong kỳ.

Công thức bình quân gia quyền cuối kỳ:

$= \frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ}}{\text{đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{nhập trong kỳ}}$

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	Số lượng hàng i tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng i nhập trong kỳ
---	---------------------------------------	----------	--

Trị giá hàng xuất trong kỳ	=	Số lượng xuất trong kỳ	X	Đơn giá bình quân
---------------------------------------	----------	-----------------------------------	----------	--------------------------

Phương pháp bình quân gia quyền tức thời:

Phương pháp này tính lại giá bình quân ngay sau mỗi lần nhập hoặc xuất kho. Điều đó có nghĩa là đơn giá xuất kho luôn được cập nhật theo thời gian thực (do phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn), phản ánh chính xác biến động về giá và số lượng của hàng hóa.

Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập thường xuyên và yêu cầu cao về độ chính xác trong ghi nhận chi phí hàng tồn kho.

Công thức bình quân gia quyền tức thời:

Đơn giá thực tế bình quân HTK i sau lần nhập thứ n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

Giá thực tế hàng tồn i sau lần nhập thứ n	=	Số lượng xuất kho i sau xuất dùng	X	Đơn giá thực tế hàng i sau lần nhập thứ n
--	----------	--	----------	--

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở

thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Mỗi phương pháp tính giá trị hàng tồn kho đều có những ưu, nhược điểm nhất định. Mức độ chính xác và độ tin cậy của mỗi phương pháp tùy thuộc vào yêu cầu quản lý, trình độ, năng lực nghiệp vụ và trình độ trang bị công cụ tính toán, phương tiện xử lý thông tin của doanh nghiệp. Đồng thời cũng tùy thuộc vào yêu cầu bảo quản, tính phức tạp về chủng loại, quy cách và sự biến động của vật tư, hàng hóa ở doanh nghiệp.

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho

Hóa đơn GTGT

Bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn kho

Biên bản giao nhận hàng hóa

1.3.1.4. Tài khoản sử dụng

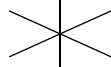
Theo Điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”.

1.3.1.5. Phương pháp hạch toán

Kết cấu tài khoản

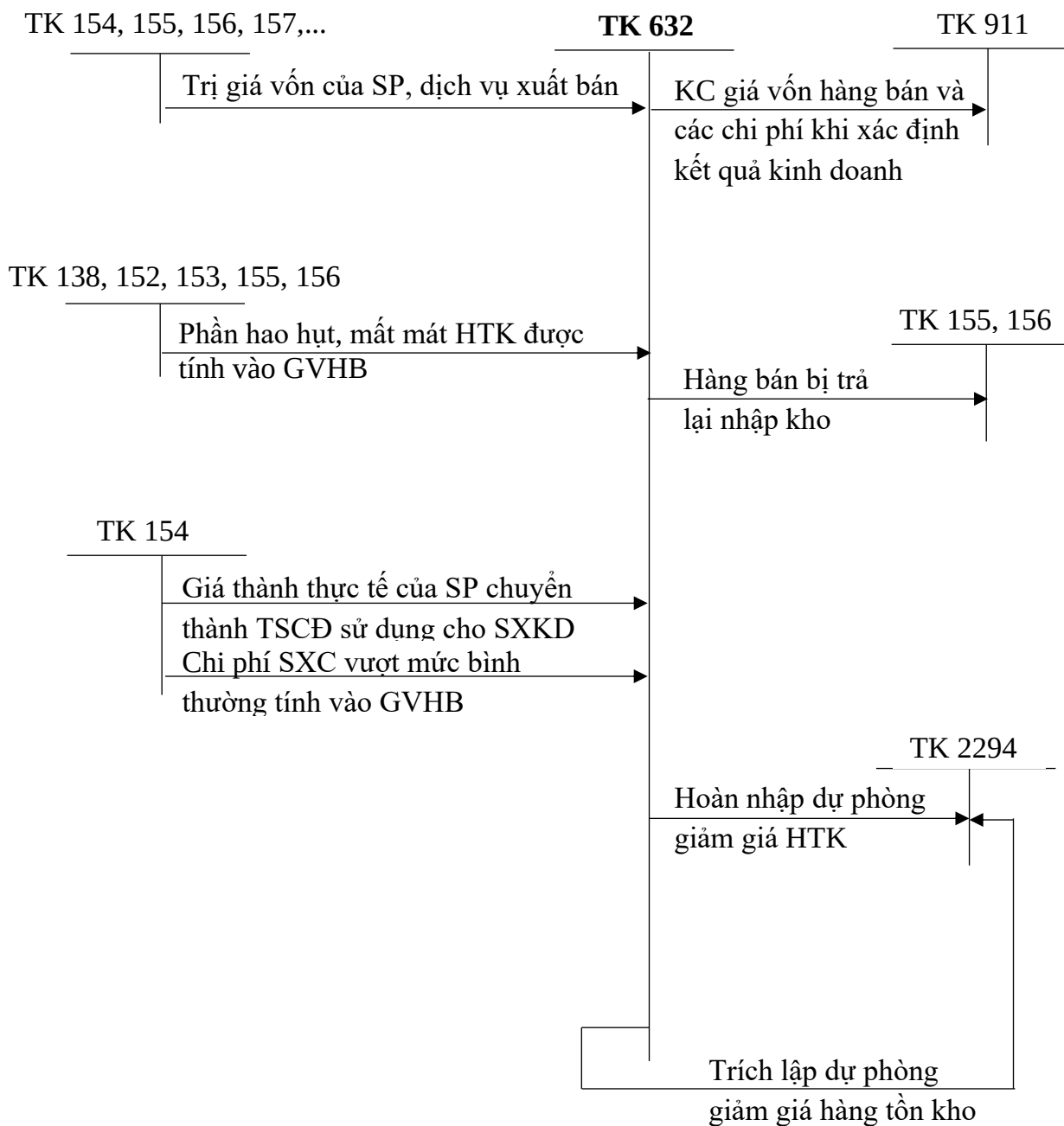
Nợ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	Có
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí NVL, CPNC vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh: + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ; + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ; + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ; + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá; + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán	- lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại; - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh); - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; - Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại; - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
--	--



Sơ đồ hạch toán

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán tài khoản 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

1.3.2.1. Nội dung

Theo quy định tại Điều 63 Thông tư 133/2016/TT-BTC, tài khoản 635 (chi phí tài chính) trong doanh nghiệp nhỏ và vừa phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

Kế toán chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong kỳ, bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, lỗ từ hoạt động đầu tư, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư và những chi phí tài chính khác có liên quan.

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

Giấy báo nợ

Giấy thông báo trả tiền lãi

Bảng tính lãi vay

Bảng sao kê giao dịch ngân hàng

Phiếu chi, các chứng từ liên quan khác..

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016, để phản ánh chi phí hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”.

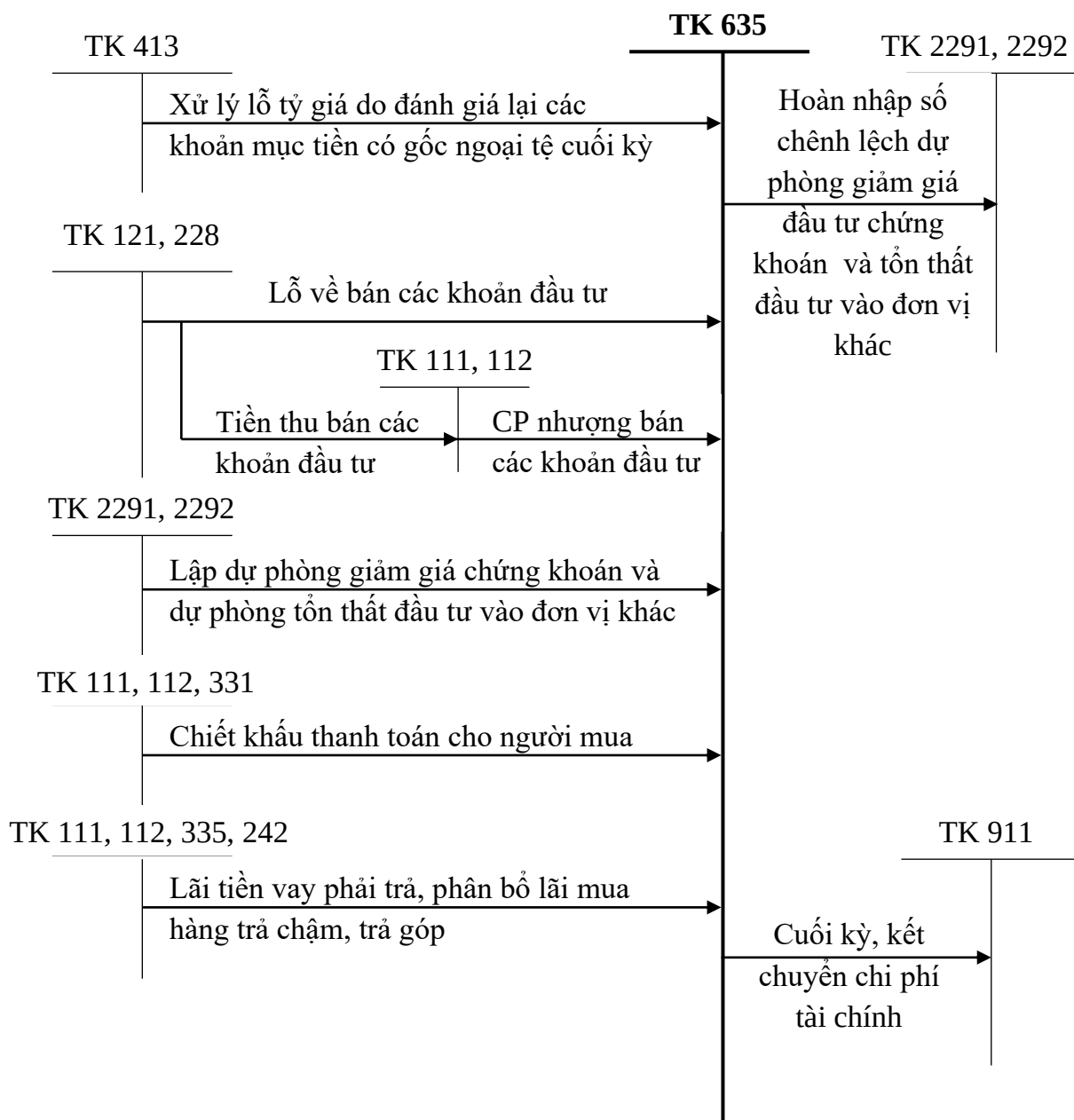
1.3.2.4. Phương pháp hạch toán

 **Kết cấu tài khoản**

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán , kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
---	---

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ*

 Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh là các khoản chi phát sinh trong quá trình bán hàng, tiêu thụ sản phẩm và quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, bảo hành, tiền lương nhân viên, chi phí công cụ dụng cụ, tài sản, chi phí thuê, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí khác có liên quan.

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

Phiếu chi, Giấy báo nợ; Hóa đơn GTGT.

Bảng tính lương và các chứng từ liên quan đến tiền lương

Bảng phân bổ CCDC

Bảng tính khấu hao TSCĐ

Bảng kê thanh toán tạm ứng

Hợp đồng thuê văn phòng, xe

Các chứng từ khác có liên quan

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 – “Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp”.

TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” gồm 2 tài khoản cấp 2:

TK 6421- Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán

Kết cấu tài khoản

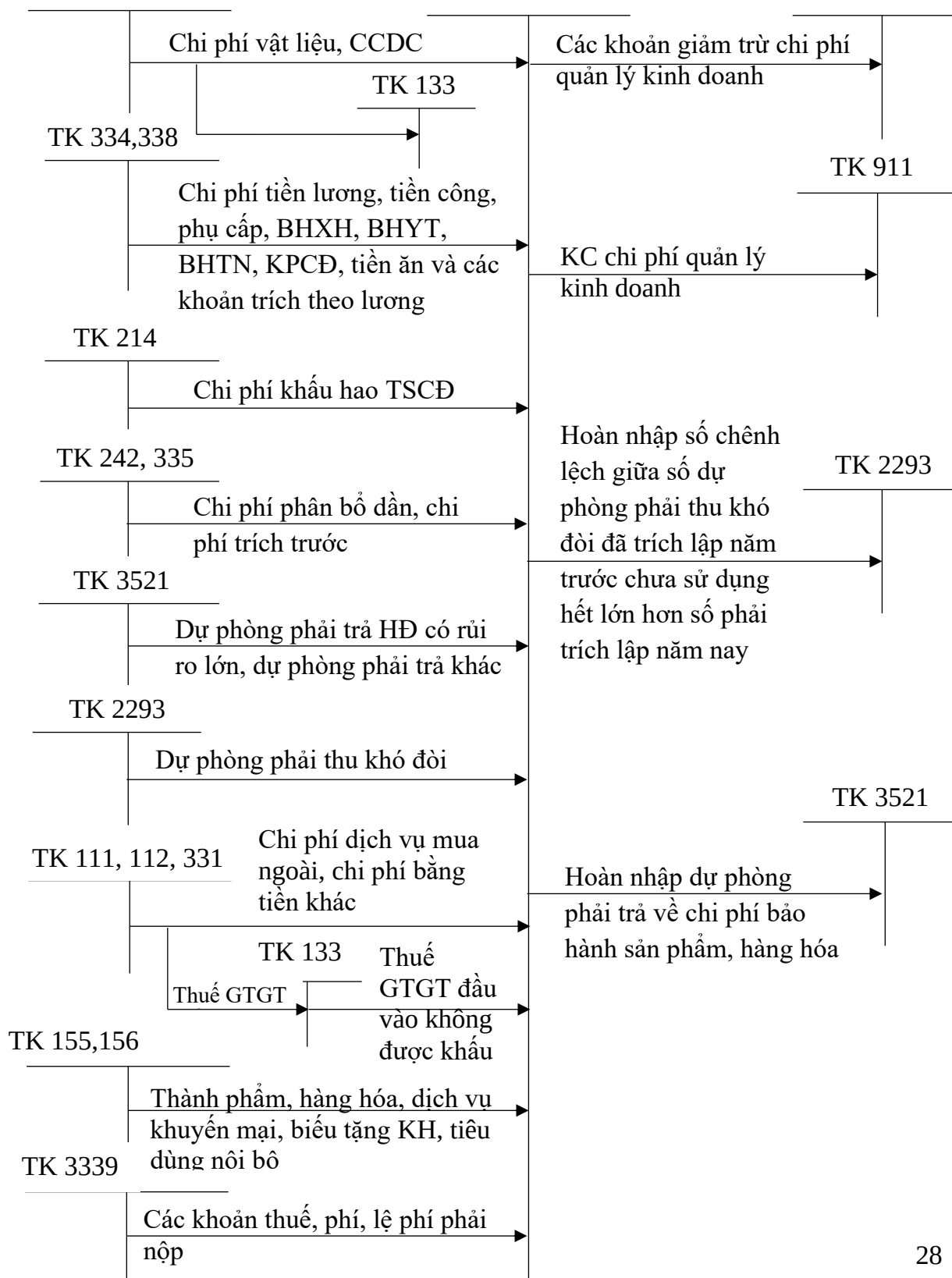
Nợ**TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh****Có**

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
	- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ*

 Sơ đồ hạch toán

TK 111, 112, 152, 153, 242, 331 **.11. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh** TK 642 TK 111, 112



1.3.4. Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Nội dung

Theo quy định tại Điều 66 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về nguyên tắc kế toán đối với tài khoản 811 (chi phí khác) như sau:

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Phiếu chi/Giấy báo nợ

Biên bản giao nhận TSCĐ

Biên bản thanh lý TSCĐ

Biên bản đánh giá lại TSCĐ

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Hợp đồng kinh tế

Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước

Biên bản vi phạm hợp đồng, nộp thuế, nộp phạt...

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 20/08/2016, để phản ánh chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 – “Chi phí khác”.

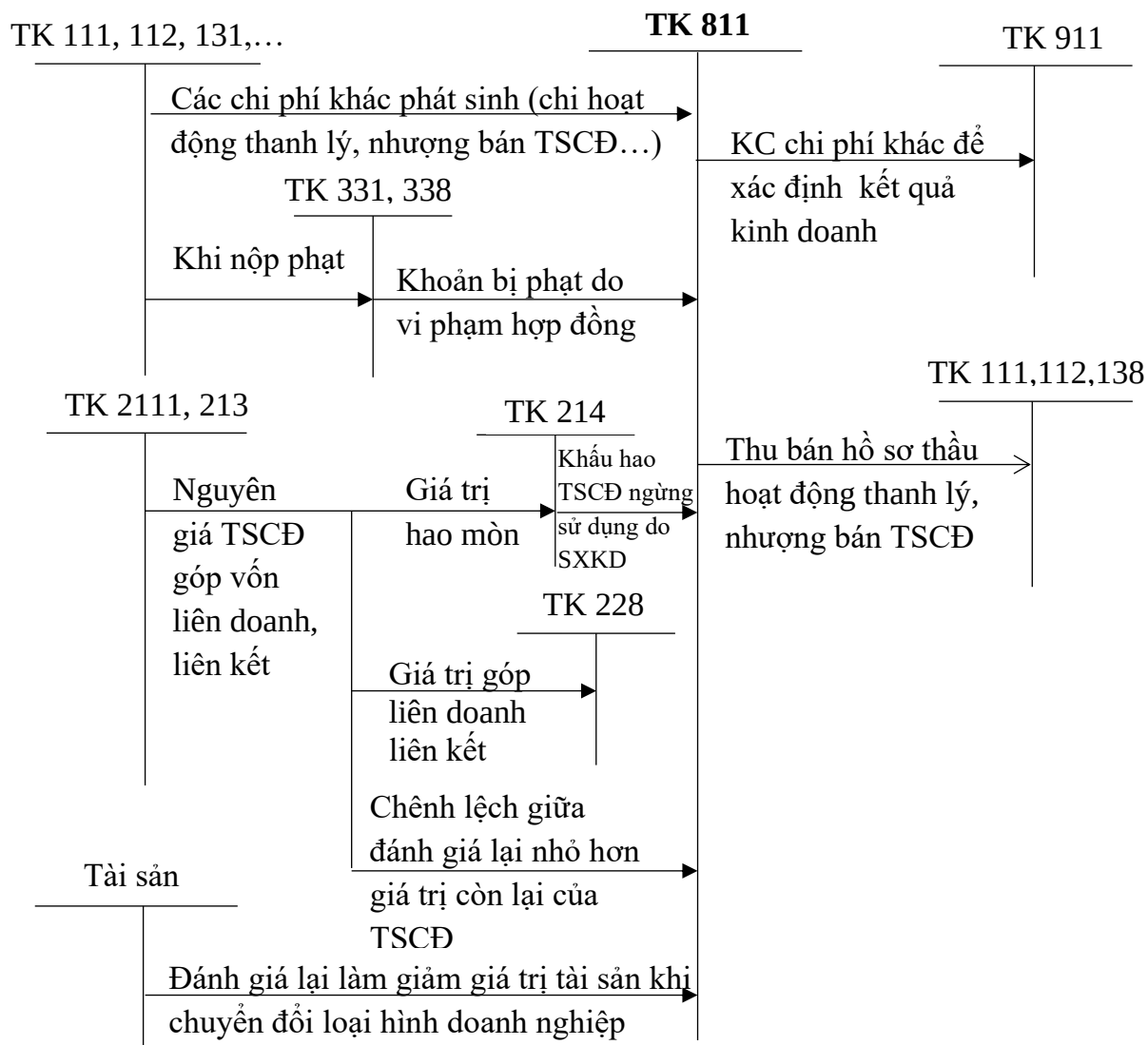
1.3.4.4. Phương pháp hạch toán

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811 – Chi phí khác	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	X	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.*

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1. Nội dung

Theo quy định tại Điều 67 Thông tư 133/2016/TT-BTC, nguyên tắc kế toán đối với tài khoản 821 như sau:

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp của năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm phát hiện sai sót.

Đối với các sai sót trọng yếu, kế toán điều chỉnh hồi tố.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng

Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước

Biên lai nộp thuế

Phiếu chi, Ủy nhiệm chi

Báo cáo kết quả HĐKD theo mẫu 03-1A/TNDN

Tờ khai quyết toán thuế TNDN

Tờ khai điều chỉnh thuế TNDN

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2026/TT-BTC ngày 26/08/2016, để phản ánh chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

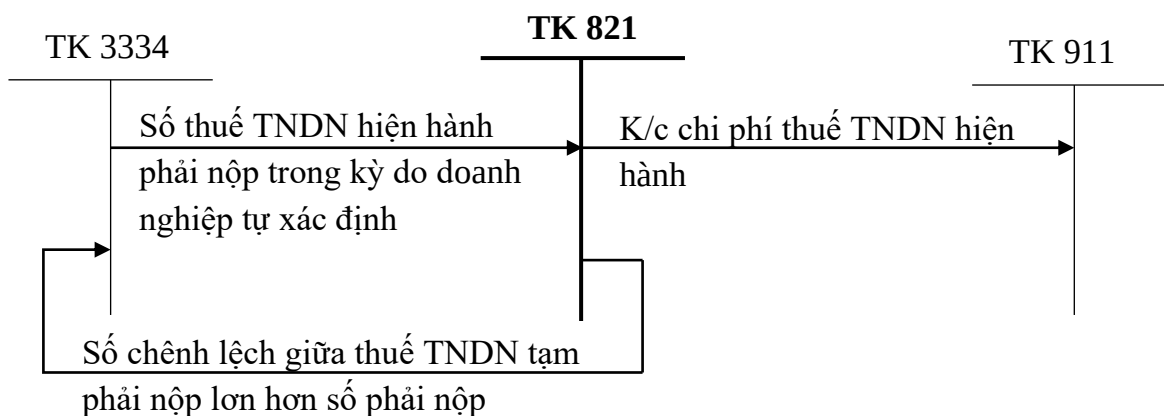
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 821 – Chi phí thuế TNDN	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm. - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.	- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.	

**Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ*

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Nội dung

Kế toán xác định kết quả kinh doanh được sử dụng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, trong đó kết quả kinh doanh bao gồm kết quả từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác; cụ thể :

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là phần chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán cùng các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết quả hoạt động tài chính được xác định bằng chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính
- Kết quả hoạt động khác là phần chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác, sau khi đã tính đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Xác định kết quả kinh doanh được tính theo công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.4.2. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

Phiếu kết chuyển

1.4.3. Tài khoản sử dụng

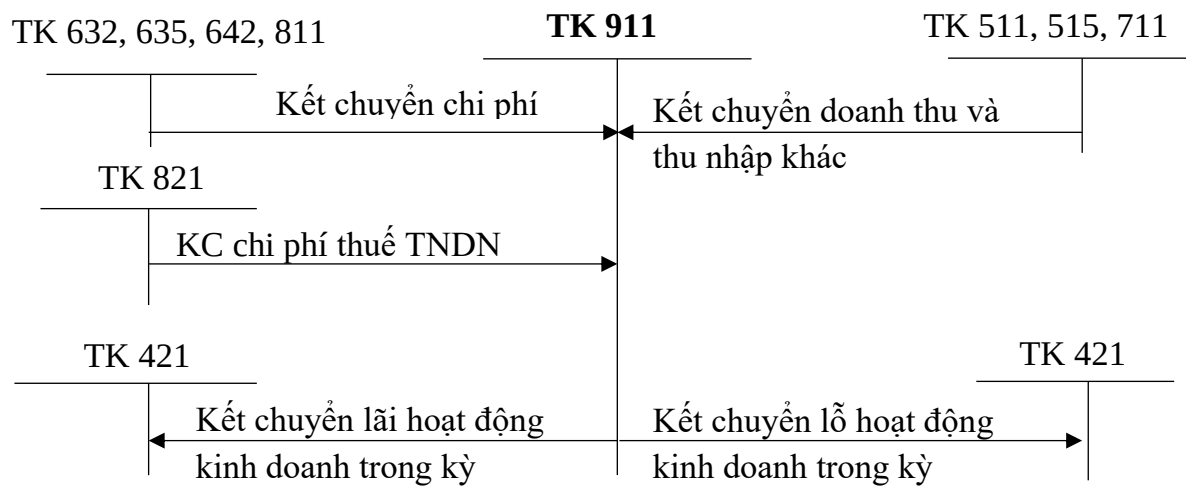
Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016, để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.4.4. Phương pháp hạch toán

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

2.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

Tên tiếng Việt: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

Tên giao dịch quốc tế: DIEM SANG VIET TRADE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Mã số thuế: 0402039504

Biểu tượng của công ty:



Địa chỉ trụ sở: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Người đại diện pháp luật: Lưu Thanh Huy

Ngày cấp giấy phép: 14/05/2020

Ngày hoạt động : 14/05/2020

Cơ quan thuế: Thuế cơ sở 3 thành phố Đà Nẵng

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài Nhà nước

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt được Đăng ký tại Thuế cơ sở 3 thành phố Đà Nẵng, do ông Lưu Thanh Huy làm đại diện pháp luật, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/05/2020.

Việc ra đời của Công ty xuất phát từ tâm huyết của các sáng lập viên với mong muốn xây dựng một đơn vị chuyên nghiệp, cung cấp các giải pháp thiết bị công nghệ và dịch vụ kỹ thuật tối ưu tại khu vực miền Trung.

Từ những ngày đầu thành lập với quy mô nhân sự còn hạn chế, đến nay Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao. Trải qua hơn 4 năm hoạt động, đơn vị không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, đối tác và cải thiện chất lượng dịch vụ, trở thành một trong những điểm sáng tin cậy trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị công nghệ và dịch vụ kỹ thuật.

Với tên gọi "Điểm Sáng Việt", Công ty cam kết mang đến những sản phẩm công nghệ chất lượng cao và dịch vụ tận tâm. Phương châm của đơn vị là lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự thành công, đồng thời không ngừng đổi mới để thích nghi với sự phát triển của kỷ nguyên số.

2.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

2.2.1. Chức năng nhiệm vụ.

Tổ chức lưu thông và phân phối hàng hóa: Thực hiện chức năng thương mại thông qua việc thiết lập chuỗi cung ứng, mua sắm và phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị viễn thông từ các nhà sản xuất uy tín đến tay người tiêu dùng. Công ty đóng vai trò là cầu nối quan trọng, đảm bảo sự lưu thông hàng hóa diễn ra liên tục và ổn định trên thị trường.

Kỹ thuật và Sửa chữa: Tiếp nhận và xử lý các lỗi phần cứng, phần mềm của máy tính, thiết bị viễn thông và điện tử gia dụng. Cung cấp dịch vụ sửa chữa tại chỗ hoặc tại địa điểm khách hàng yêu cầu, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định trở lại.

Tư vấn Giải pháp: Thực hiện khảo sát hiện trạng và thiết kế bản vẽ kỹ thuật cho các hệ thống như: mạng LAN/Wifi, camera an ninh, hệ thống điện lạnh và điện dân dụng. Đưa

ra các gói giải pháp tối ưu về chi phí và công năng dựa trên mặt bằng thực tế của khách hàng.

Bảo hành và Hậu mãi: Theo dõi lịch trình bảo trì định kỳ và thực hiện các chính sách đổi trả, sửa chữa miễn phí theo cam kết của nhà sản xuất. Duy trì kênh liên lạc để hỗ trợ kỹ thuật nhanh chóng cho khách hàng sau khi đã hoàn tất việc mua hàng hoặc lắp đặt.

2.2.2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Sáng Việt được thành lập với ngành nghề kinh doanh chính là "Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh", do Thuế cơ sở 3 thành phố Đà Nẵng quản lý. Bên cạnh đó công ty còn kinh doanh:

Sửa chữa máy móc, thiết bị : Sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa, tủ lạnh, máy tính và các thiết bị điện tử liên quan.

Lắp đặt hệ thống điện:dây cáp mạng, cáp quang...

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Kiểm tra.xử lý rò rỉ khí gas, sửa chữa cái tạo hệ thống nước sạch....

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Hoàn thiện công trình xây dựng

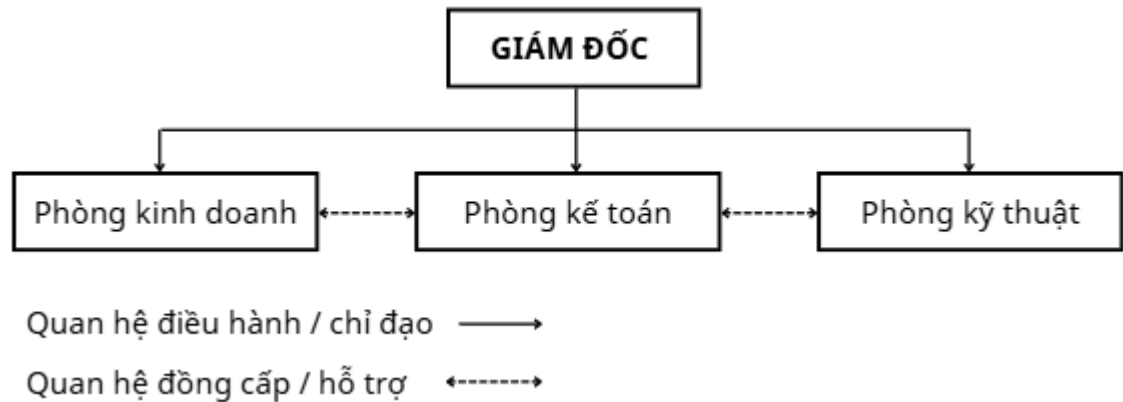
Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm bao gồm các sản phẩm như màn hình, card đồ họa, ổ cứng và các phần mềm ứng dụng như phần mềm diệt vi-rút, phần mềm Microsoft Office...

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông bao gồm các thiết bị thu phát vô tuyến và các linh kiện, phụ kiện như chuột, bàn phím, loa và các thiết bị liên quan khác.

2.3. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kế toán tại Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

2.3.1. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.

Dưới đây là sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

Giám đốc

Giám đốc là người đứng đầu doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời là người đại diện theo pháp luật và đại diện cho quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty.

Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh; quản lý, điều hành các hoạt động hàng ngày của công ty; quyết định các vấn đề liên quan đến tài chính, nhân sự; tuyển dụng lao động và ban hành các quy chế quản lý phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Phòng Kinh doanh :

Là bộ phận giữ vai trò chủ chốt trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, phát triển và phân phối sản phẩm, dịch vụ của công ty. Phòng Kinh doanh thực hiện việc lập kế hoạch phát triển doanh thu, lợi nhuận; tìm kiếm, mở rộng thị trường; đồng thời xây dựng và duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Phòng Kế toán:

Công ty không tổ chức bộ phận kế toán nội bộ mà sử dụng dịch vụ kế toán thuê ngoài, ký hợp đồng với Công ty Dịch vụ Kế toán Lộc Phát. Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện công tác hạch toán kế toán, lập và nộp các báo cáo thuế, báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành.

Phòng Kỹ thuật :

Là bộ phận chịu trách nhiệm thiết lập, vận hành và quản lý toàn bộ hệ thống kỹ thuật của doanh nghiệp. Phòng Kỹ thuật thực hiện các công việc như lập kế hoạch kỹ thuật, kiểm tra sơ bộ, tiến hành kiểm định, kiểm tra và đánh giá chất lượng kỹ thuật của thiết bị, sản phẩm. Đồng thời, bộ phận này có nhiệm vụ ghi chép, tổng hợp và báo cáo đầy đủ các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện công việc, đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

2.3.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty.

a. Đặc điểm

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt không tổ chức bộ máy kế toán nội bộ hoàn chỉnh mà thuê dịch vụ kế toán bên ngoài để hỗ trợ và thực hiện công tác kế toán của công ty.

Hình thức thuê dịch vụ kế toán giúp công ty tiết kiệm chi phí, đồng thời vẫn đảm bảo việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đúng theo quy định hiện hành.

Quy trình giao nhận chứng từ được thực hiện như sau:

Công ty chuyển các đơn đặt hàng, hóa đơn và chứng từ liên quan cho đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán thông qua Zalo và email.

Kế toán dịch vụ tiếp nhận chứng từ, tiến hành hạch toán, nhập liệu và lập các báo cáo kế toán.

Đối với các hợp đồng và chứng từ quan trọng, sau khi xử lý, kế toán dịch vụ sẽ đóng tập và bàn giao lại cho công ty để lưu trữ, bảo quản.

b. Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Điểm Sáng Việt được tổ chức theo mô hình kế toán thuê ngoài, gồm:



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán

c. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán

Kế toán quỹ

Thực hiện thu, chi tiền mặt theo các chứng từ hợp lệ.

Ghi chép và theo dõi sổ quỹ tiền mặt, đảm bảo số liệu chính xác và đầy đủ.

Phối hợp với kế toán dịch vụ trong việc cung cấp chứng từ liên quan đến các khoản thu, chi.

Kế toán dịch vụ

Công ty TNHH Dịch vụ và Đào tạo Kế toán Lộc Phát là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện công tác kế toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

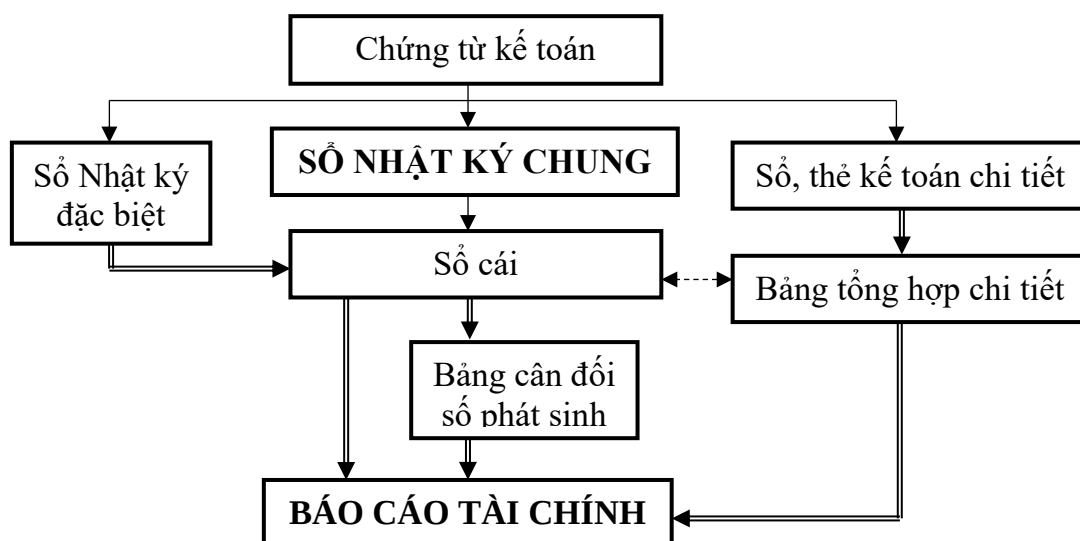
Thu thập, tập hợp, lưu trữ và nhập liệu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm kế toán.

Lập các chứng từ kế toán như: phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho,... tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đặc biệt là các khoản thuế phải nộp.

Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế và các báo cáo kế toán theo quy định của pháp luật.

2.3.3 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức kế toán áp dụng tại công ty

Chú thích:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, cuối quý =====→
- Kiểm tra, đối chiếu ←-----→

❖ Trình tự lưu chuyển chứng từ

Hàng ngày, kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian, căn cứ ghi sổ là các chứng từ liên quan đã được kiểm tra.

Sau khi ghi sổ Nhật ký chung, kế toán căn cứ vào các nghiệp vụ đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Trong trường hợp DN mở sổ, thẻ chi tiết thì kế toán phải thực hiện đồng thời:

- Ghi sổ Nhật ký chung.
- Ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Trong trường hợp doanh nghiệp mở sổ Nhật ký đặc biệt:

- Hàng ngày, kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ.

- Định kỳ: kế toán loại trừ 1 số nghiệp vụ trùng lặp do được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt. Sau đó tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt lấy số liệu để ghi vào sổ Cái. Việc này thường làm định kỳ 3, 5, 10... ngày hoặc cuối tháng tùy thuộc vào khối lượng nghiệp vụ phát sinh.

Cuối kỳ kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính. Trình tự thực hiện như sau:

- Sau khi tiến hành cộng số liệu trên Sổ Cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Khi đã hoàn tất việc kiểm tra và đảm bảo số liệu khớp đúng, thông tin từ Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được tổng hợp từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) sẽ được sử dụng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải trùng khớp với tổng số phát sinh Nợ và Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc trên sổ Nhật ký chung kết hợp với các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ các khoản ghi trùng) trong cùng một kỳ kế toán.

2.3.4 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng (VND).

Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng theo thông tư 45/2013/TT-BTC

Cách tính lương: Chấm công và tính lương theo tháng, trả lương vào cuối tháng; các khoản BHXH, BHYT, BHTN được trích nộp theo tỷ lệ quy định của Nhà nước trong từng năm.

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa được ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

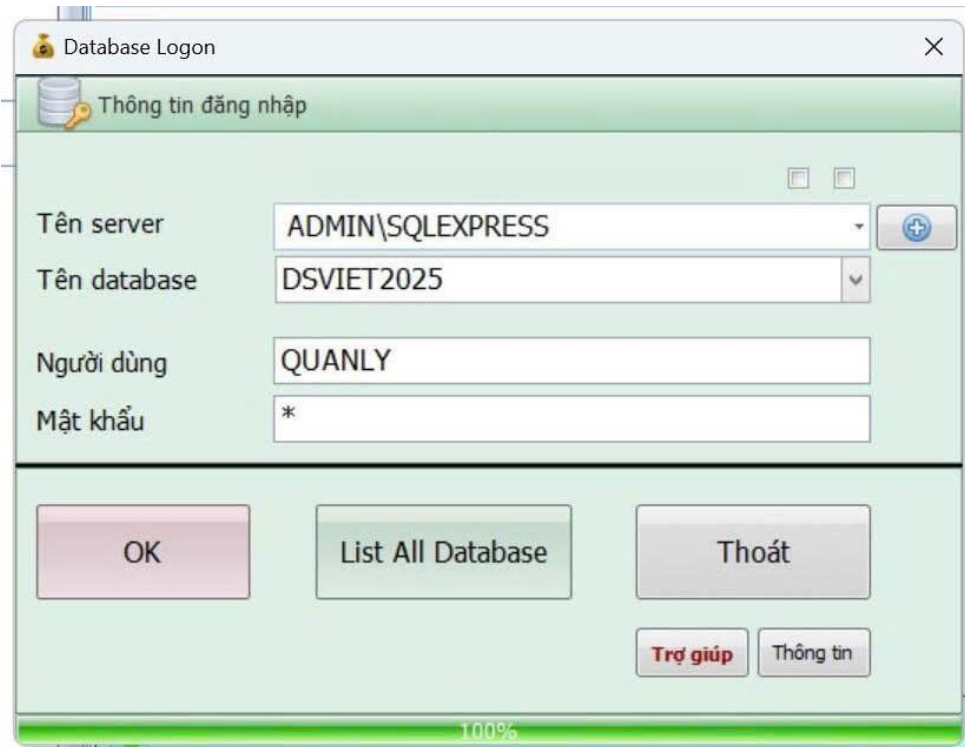
Công ty kinh doanh dưới hình thức là một cửa hàng.

2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty

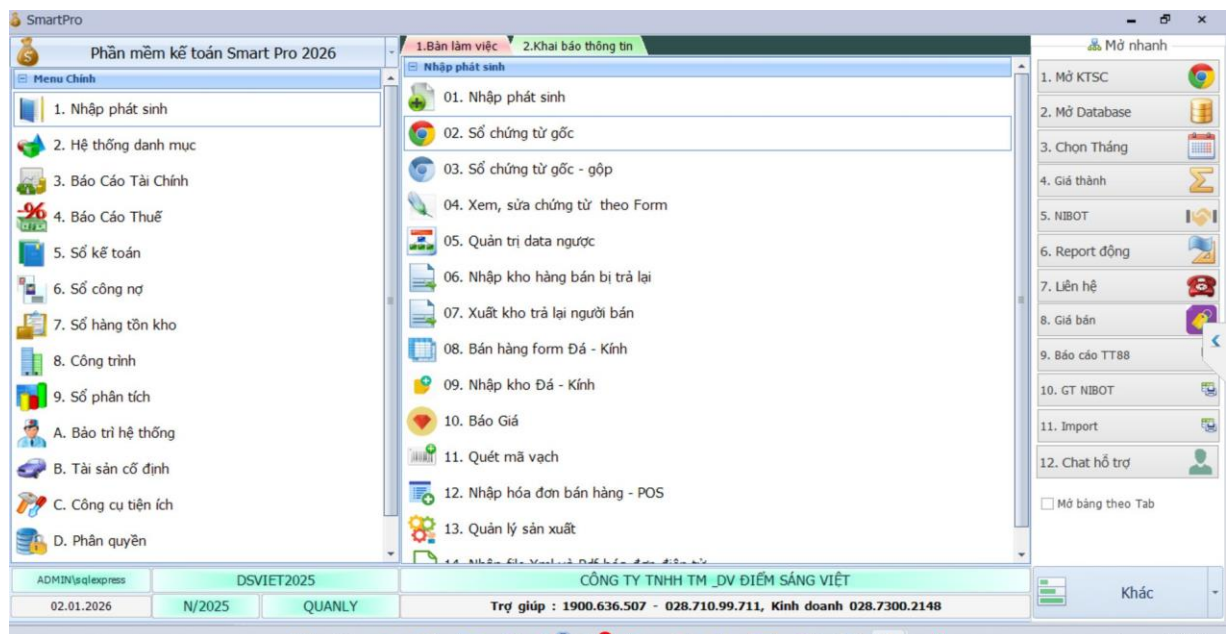
Hiện nay, Công ty Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt đang sử dụng phần mềm kế toán Smart Pro 2026 để phục vụ công tác kế toán và quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Việc ứng dụng phần mềm kế toán giúp công ty nâng cao hiệu quả xử lý thông tin, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về kế toán – tài chính.



Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



Hình 2.1. Giao diện đăng nhập phần mềm kế toán Smart Pro



Hình 2.2. Giao diện phần mềm kế toán Smart Pro

Công việc ghi sổ kế toán hằng ngày được tiến hành thông qua phần mềm kế toán Smart Pro như sau:

Hằng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế, kế toán dựa vào các chứng từ như: hóa đơn GTGT đầu vào, hóa đơn GTGT đầu ra, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi và sao kê ngân hàng để làm căn cứ hạch toán. Trên cơ sở đó, kế toán xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có và nhập dữ liệu vào phần mềm Smart Pro theo từng phân hệ tương ứng đã được thiết kế sẵn. Sau khi nhập liệu, phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào các sổ tổng hợp và sổ chi tiết có liên quan.

Vào thời điểm cuối kỳ hoặc cuối năm tài chính, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí, đồng thời khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính. Hệ thống phần mềm sẽ tự động đối chiếu số liệu giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và trung thực của dữ liệu. Sau đó, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu giữa sổ sách và báo cáo tài chính, in ra giấy để trình ký duyệt. Cuối cùng, toàn bộ hồ sơ được lưu trữ kèm theo chứng từ gốc theo đúng quy định hiện hành.

Các phân hệ phần mềm:

Nhập phát sinh: Là phân hệ trung tâm, dùng để ghi nhận toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như mua hàng, bán hàng, thu – chi tiền và các bút toán tổng hợp. Dữ liệu nhập vào là cơ sở để phần mềm tự động cập nhật sổ sách và báo cáo.

Hệ thống danh mục: Quản lý các danh mục dùng chung như tài khoản kế toán, khách hàng, nhà cung cấp, hàng hóa, kho, nhân viên... giúp đảm bảo dữ liệu thống nhất và hạn chế sai sót khi hạch toán.

Báo cáo tài chính: Tự động lập các báo cáo tài chính theo quy định gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo thuế: Hỗ trợ theo dõi và lập các báo cáo liên quan đến thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, phục vụ công tác kê khai và quyết toán thuế.

Sổ kế toán: Tự động lập sổ nhật ký chung, sổ cái và các sổ chi tiết, giúp kế toán kiểm tra, đối chiếu và quản lý số liệu thuận tiện.

Sổ công nợ: Theo dõi chi tiết công nợ phải thu và phải trả theo từng đối tượng, hóa đơn và thời hạn thanh toán.

Sổ hàng tồn kho: Quản lý tình hình nhập – xuất – tồn hàng hóa, theo dõi số lượng, giá trị tồn kho và xác định giá vốn hàng bán.

Công trình: Theo dõi doanh thu, chi phí theo từng công trình hoặc hợp đồng, hỗ trợ đánh giá hiệu quả từng dự án.

Sổ phân tích: Cung cấp các báo cáo phân tích doanh thu, chi phí và lợi nhuận theo nhiều tiêu thức phục vụ công tác quản lý.

Tài sản cố định: Quản lý tăng, giảm tài sản cố định và tính, phân bổ khấu hao theo quy định, đảm bảo phản ánh đúng giá trị tài sản.

2.4 Thực tế phân hành kế toán doanh thu tại Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

2.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.4.1.1. Nội dung

Doanh thu bán hàng: ghi nhận từ hoạt động kinh doanh máy tính, linh kiện, thiết bị viễn thông và các thiết bị công nghệ liên quan. Đặc điểm của loại doanh thu này là tần suất phát sinh lớn, số lượng hóa đơn nhiều và đơn giá có sự biến động theo thị trường.

Doanh thu được ghi nhận ngay khi bàn giao thiết bị cho khách hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: tại công ty phát sinh từ các hoạt động sửa chữa, bảo trì thiết bị, lắp đặt hệ thống điện, camera, phần mềm và các dịch vụ kỹ thuật khác. Loại doanh thu này thường gắn liền với chi phí nhân công, chi phí vật tư và linh kiện thay thế, đồng thời có thời gian thực hiện dịch vụ khác nhau tùy theo từng hợp đồng.

2.4.1.2. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ và theo dõi doanh thu theo từng tài khoản chi tiết cấp 1

Sử dụng tài khoản 5111 “ Doanh thu bán hàng hóa “

Sử dụng tài khoản 5113 “ Doanh thu cung cấp dịch vụ “

Các tài khoản khác có liên quan : TK 1111; TK 1121; TK 131; TK 33311

2.4.1.3. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Phiếu thu, giấy báo có

2.4.1.4. Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 511

Sổ chi tiết tài khoản 5111

Sổ chi tiết tài khoản 5113

2.4.1.5. Quy trình ghi sổ

Sau khi khách hàng tìm hiểu và đồng ý mua hàng, bộ phận kinh doanh tiếp nhận và xác nhận đơn đặt hàng. Đơn hàng có thể thể hiện dưới dạng hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc thỏa thuận mua bán giữa hai bên. Căn cứ vào đơn hàng đã được duyệt, bộ phận kho tiến hành xuất hàng và giao cho khách.

Việc giao nhận đảm bảo đúng số lượng, chủng loại, thời gian và có đầy đủ chứng từ xác nhận. Sau khi giao hàng xong, kế toán bán hàng thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng. Kế toán sử dụng phần mềm VIN-HOA DON để nhập thông tin như khách hàng, hàng hóa, số lượng, đơn giá và thuế.

Khi đã kiểm tra chính xác, kế toán tiến hành ký số và phát hành hóa đơn điện tử. Hóa đơn sau đó được gửi cho khách qua email hoặc hệ thống tra cứu theo đúng quy định. Quy trình này giúp doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đầy đủ và đúng thời điểm. Đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về kế toán và thuế.

❖ Doanh thu bán hàng

Nghiệp vụ minh họa 1: Ngày 25/02/2025, xuất hóa đơn GTGT số 7, ký hiệu 1C25TDL bán hàng cho trường tiểu học Lê Lai. Hàng hóa gồm:

Loa Microlab B27 (9 cái)

Giá trị chưa thuế GTGT: 5.072.760 đồng ; Thuế GTGT(%): 507.240 đồng

Tổng tiền thanh toán: 5.580.000

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Bước 1: Truy cập vào <https://hddt.vin-hoadon.com/account/login>

Bước 2: Đăng nhập (phụ lục 3)

Bước 3: Tạo hóa đơn

Bước 4: Điền các thông tin trên hóa đơn (phụ lục 4)

➤ **Hóa đơn GTGT số 7**



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 25 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã CQT: 0021B41A90BB4C4316BE989B16D939A61D

Ký hiệu (Serial No): 1C25TDL

Số (No.): 7

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

Mã số thuế (Tax code): 0402039504

Địa chỉ (Address): 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0918368139

Email: diemsangviet504@gmail.com

Fax:

Website:

Số tài khoản (A/C No): 040095603469 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín _ CN Đà Nẵng



Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI

Địa chỉ (Address): 87 Ngũ hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400260210

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

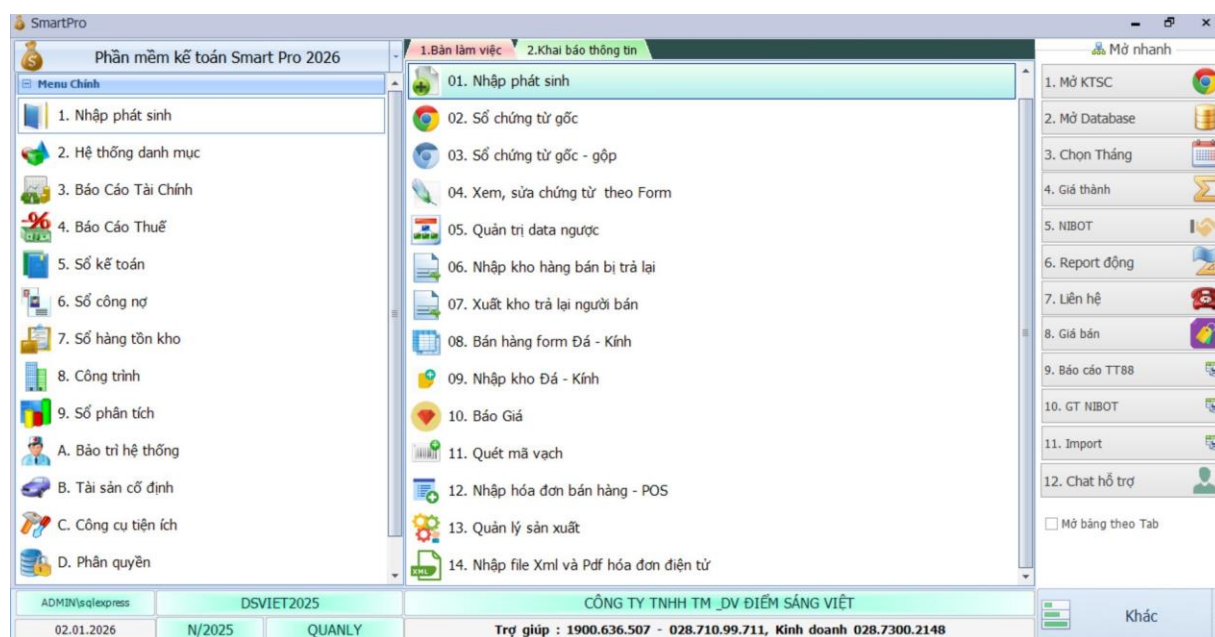
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế GTGT (Amount before VAT)	Thuế suất GTGT(%) (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Amount after VAT)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Loa Microlab B27	Cái	9	563.640	5.072.760	10%	507.240	5.580.000
Tổng hợp (Summary)		Thuế suất (VAT rate)		Trị giá chưa thuế GTGT (Amount before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)		Giá trị thanh toán (Total amount)
Tổng tiền không tính thuế GTGT:		/						
Tổng tiền không chịu thuế GTGT:		/						
Tổng tiền chịu thuế suất:		0%						
Tổng tiền chịu thuế suất:		5%						
Tổng tiền chịu thuế suất:		8%						
Tổng tiền chịu thuế suất:		10%		5.072.760		507.240		5.580.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):				5.072.760		507.240		5.580.000
Tổng số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng								
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)				Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)				
				Signature valid Được ký bởi: CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT Ngày ký: 25 / 02 / 2025				

Hình 2.3. Hóa đơn GTGT số 7

- Sau khi giao hàng hóa cho khách hàng chấp nhận thanh toán và thanh toán ngay. Dựa vào hóa đơn GTGT kế toán hạch toán nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm kế toán. Kế toán sử dụng tài khoản 5111 để hạch toán doanh thu bán hàng hóa và các tài khoản liên quan khác như: 131, 1121, 33311.

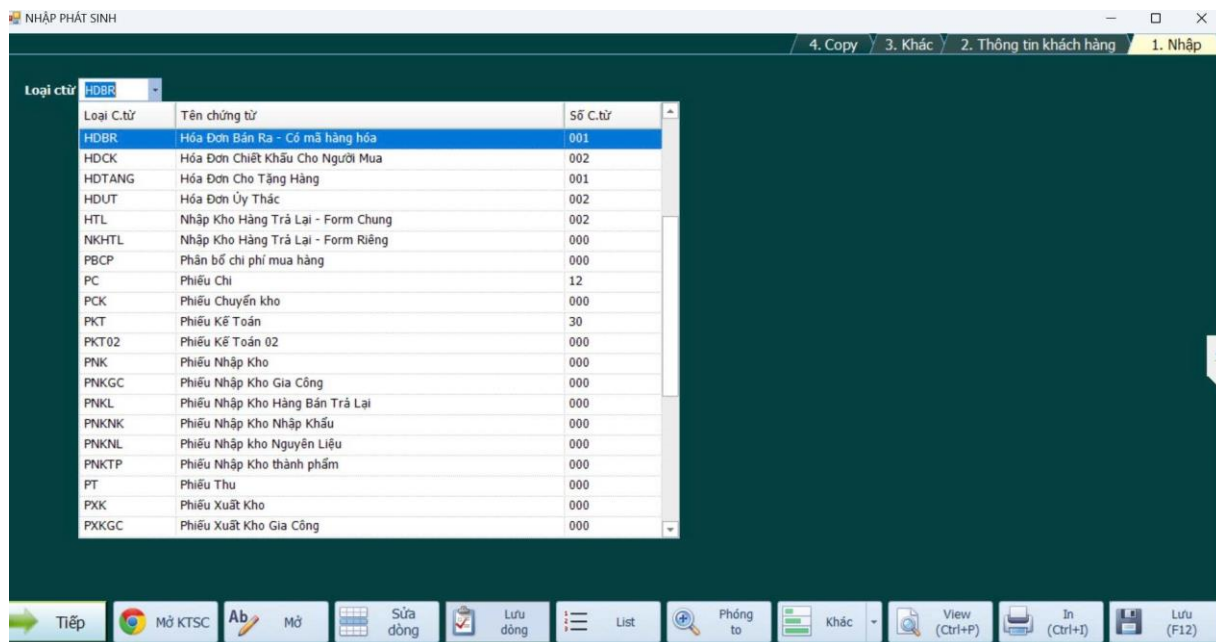
- Kế toán dựa vào hóa đơn số 7 hạch toán nghiệp vụ phát sinh lên phần mềm. Vào phần mềm Kế toán Smart Pro chọn:

- Bước 1: Vào phân hệ “Nhập phát sinh” ➔ “01. Nhập phát sinh”



Hình 2.4. Giao diện hạch toán nghiệp vụ phát sinh

- Bước 2: Điền “HDBR” rồi nhấn Enter ➔ Tích vào và điền Nợ TK 131; Có TK 5111 ➔ Kế toán nhập những thông tin trên hóa đơn vào phần mềm (số chứng từ, ngày ghi sổ, tên khách hàng, diễn giải, số lượng, đơn giá, thuế GTGT đầu ra,...)



Hình 2.5. Giao diện chứng từ bán ra

Hình 2.6. Giao diện nhập hóa đơn GTGT số 7 trên phần mềm

- Bước 3: Chọn lưu để lưu nghiệp vụ
- Lưu ý: Mỗi sản phẩm có một mã riêng, chúng ta tiến hành hạch toán chi tiết từng sản phẩm vào phần mềm.

➤ Phiếu thu

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT

Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo Thông tư số:
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016
của Bộ trưởng BTC)

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Họ và tên người nộp tiền: TRƯỜNG TIÊU HỌC LÊ LAI

Địa chỉ: 87 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do nộp: Bán hàng Loa Microlab B27

Số tiền: 5.580.000 VND

Bằng chữ: Năm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng

Kèm theo: Hóa đơn GTGT số 7

Số: 7

Nợ: 1121

Có: 131

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng

Hình 2.7. Giấy báo có hóa đơn GTGT số 7

➤ Sổ phụ tiền gửi

18	08/02/2025 13:18:38	08/02/2025	FT25039L2CCD	Rút tiền CKN 711672	10,000,000	15,617,6
19	08/02/2025 13:18:38	08/02/2025	FT25039L2CCD	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400	15,602,279
20	19/02/2025 10:14:36	19/02/2025	FT25050804W1	Rút tiền CKN 584479	15,000,000	602,279
21	19/02/2025 10:14:36	19/02/2025	FT25050804W1	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400	586,879
22	27/02/2025 11:10:30	27/02/2025	FT25058SRM18\BNK	Trường Tiêu học Lê Lai 2570110303315465Thanh toán cho số chung tu: M250227 1072636 0165001	5,580,000	6,166,879
23	27/02/2025 16:14:01	27/02/2025	FEE.C250227 040095603469	PHI T02/2025-040095603469-ALERT(7),IB, QLTk	115,500	6,051,379
24	01/03/2025 00:26:09	28/02/2025	040095603469-20250228	CHI LAI TK TIEN GUI 040095603469	1,013	6,052,392
25	01/03/2025 09:40:26	01/03/2025	FT25060C53TH	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400	6,036,992
26	01/03/2025 09:40:26	01/03/2025	FT25060C53TH	Rút tiền CKN 679068	6,000,000	36,992
27	06/03/2025 15:12:27	06/03/2025	FT25065V1T0T\BNK	Trường Trung học cơ sở Lê Lợi 2570110303721631Thanh toán cho số chung tu: M250305 1006435 0165119	16,000,000	16,036,992
28	06/03/2025 16:18:06	06/03/2025	FT250657RJ38	Rút tiền CKN 373662	16,000,000	36,992

Hình 2.8. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 27/02/2025

Nghiệp vụ minh họa 2: Ngày 21/11/2025, xuất hóa đơn GTGT số 29, ký hiệu 1C25TDL bán hàng cho Trường Tiểu học Trần Quang Diệu. Hàng hóa gồm:

Smart Tivi TCL 4K 55 inch 55P638 (1 cái)

Máy ĐHKK Samsung AR09TYHQASiNSV (2 bộ)

Giá trị chưa thuế GTGT: 27.296.296 đồng ; Thuế GTGT (8%): 2.183.704 đồng

Tổng tiền thanh toán: 29.480.000 đồng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Công ty vào phần mềm vin để tạo hóa đơn, các bước tạo hóa đơn tương tự như hóa đơn GTGT số 7. (phụ lục 5)

➤ **Hóa đơn GTGT số 29**



Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 29, kế toán tiến hành hạch toán doanh thu bán hàng và các tài khoản liên quan khác như: 131, 1121, 33311

Quy trình nhập liệu tương tự với quy trình nhập của hóa đơn GTGT số 7

Số lượng	Đơn giá	Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VMD	Tổng tiền
casl - 1.000	9,148,148.00	9,148,148	8	33311	731,852	9,880,000

TT	TK Hàng ...	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	Chiết khấu
2	1561	PHUNG	Màu: ĐEN, Kích thước: 4K 55 inch 55P638	hàng	3.000	9.074.074	27,222,222	0	0
3					3.000	18,222,222	27,296,296	0	0

Tiền thuế: 2,183,704
Tổng T. toán: 29,480,000

Hình 2.10. Giao diện nhập hóa đơn GTGT số 29 trên phần mềm

➤ Giấy báo có

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT
Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số:
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016
của Bộ trưởng BTC)

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 21 tháng 11 năm 2025

Họ và tên người nộp tiền: TRƯỜNG TIÊU HỌC TRẦN QUANG ĐIỀU
Địa chỉ: Số 04 Trần Hoàng, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do nộp: Bán hàng theo hóa đơn số 29
Số tiền: 29.480.000 VND
Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng
Kèm theo: Hóa đơn GTGT số 29

Số: 29
Nợ: 1121
Có: 131

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày 21 tháng 11 năm 2025
NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng

Hình 2.11. Giấy báo có hóa đơn GTGT số 29

➤ **Số phụ tiền gửi**

140	21/11/2025 16:40:51	21/11/2025 16:40:51	FT25325DK784	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE TI LONG NH	15,400		69,777,955
141	26/11/2025 15:37:43	26/11/2025 15:37:43	FT25330Z5K3F\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Van phong Dang uy phuong Ngu Hanh SonThanh toan cho so chung tu: M251121 1144405 0168001		6,135,000	75,912,955
142	27/11/2025 11:33:09	27/11/2025 11:33:09	FEE.C251125040095603469	PHI T11/2025-040095603469-ALERT(22),IB ,QLTK	115,500		75,797,455
143	28/11/2025 16:04:49	28/11/2025 16:04:49	FT25332ZR9WN\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 KBNN Khu vuc XIII . PGD so 1Truong TH Tran quang Dieu chuyen tra mua DH,TV		29,480,000	105,277,455
144	30/11/2025 22:27:27	30/11/2025 22:27:27	040095603469-20251130	CHI LAI TK TIEN GUI 040095603469		4,343	105,281,798
145	04/12/2025 10:19:33	04/12/2025 10:19:33	FT25338JPC6M	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400		105,266,398
146	04/12/2025 10:19:33	04/12/2025 10:19:33	FT25338JPC6M	Thanh toan hang gia anh CKN 599045	51,240,000		54,026,398
147	04/12/2025 11:32:52	04/12/2025 11:32:52	FT253386T963\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Truong THCS Le LoiThanh toan cho so chung tu: 251202 1006435 0168003		10,810,000	64,836,398
148	05/12/2025 16:37:02	05/12/2025 16:37:02	FT2533941D64\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Truong THCS Le LoiThanh toan cho so chung tu: 251204 1006435 0168001		30,324,000	95,160,398
149	06/12/2025 07:33:14	06/12/2025 07:33:14	FT25340X12G1	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400		95,144,998

Hình 2.12. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 28/11/2025

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Nghệp vụ minh họa 3: Ngày 24/10/2025, xuất hóa đơn GTGT số 24, ký hiệu 1C25TDL cung cấp dịch vụ cho Trường Tiểu học Lê Lai.

Sửa chữa hệ thống điện phòng học theo hợp đồng số: 15/10/25 DSV HĐKT kí ngày 15 tháng 10 năm 2025

Giá trị chưa thuế GTGT: 41.666.667 đồng; Thuế GTGT (8%): 3.333.333 đồng

Tổng tiền thanh toán: 45.000.000 đồng

- Công ty vào phần mềm vin để tạo hóa đơn, các bước tạo hóa đơn tương tự như tài khoản 5111“ Doanh thu bán hàng hóa “ (phụ lục 6)

➤ **Hóa đơn GTGT số 24**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 24, kế toán tiến hành hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ và các tài khoản liên quan khác như: 131, 1121, 33311

Quy trình nhập liệu tương tự với quy trình nhập của tài khoản 5111

NHẬP PHÁT SINH

Loại ctừ: HDBR, Mã KH: 60210, Seri HD: 1C25TDL, Số HD: 24, Ngày HD: 24/10/25, HD VAT: R, SIT: 2

Số ctừ: 24, Ngày ctừ: 24/10/25

Diễn giải: Sửa chữa hệ thống điện, phòng học theo hợp đồng số: 15/10/25 DSV - HĐKT kí ngày 15 tháng 10 n

TK Nợ: 131, Phải thu của khách hàng, ĐTPH Nợ: 60210, TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI

TK Có: 5113, Doanh thu cung cấp dịch vụ, ĐTPH Có: 60210, TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI

HH Xuất:

	Số lượng	Đơn giá	Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
Gói	1.000	41,666,667.00	41,666,667	8	33311	3,333,333	45,000,000

TT	TK Hàng ...	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	Chiết khấu
3	1561		Sửa chữa hệ thống điện, phòng học theo hợp đồng	Gói	1.000	41,666,667	41,666,667	0	0
1					1.000	41,666,667	41,666,667	0	0

Tiền thuế: 3,333,333

Tổng T.toán: 45,000,000

Record 1 of 1

Buttons: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa, Lưu, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), In (Ctrl+I), Lưu (F12)

Hình 2.14. Giao diện nhập hóa đơn GTGT số 24 trên phần mềm

➤ Giấy báo có

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT
Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số:
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016
của Bộ trưởng BTC)

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Họ và tên người nộp tiền: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI

Địa chỉ: 87 Ngũ Hành Sơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do nộp: Sửa chữa hệ thống điện phòng học theo hợp đồng số : 15/10/25 DSV HDKT kí ngày 15 tháng 10 năm 2025

Số tiền: 45.000.000 VND

Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng

Kèm theo: Hóa đơn GTGT số 24

Số: 24

Nợ: 1121

Có: 131

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn mươi lăm triệu đồng

Hình 2.15. Giấy báo có hóa đơn GTGT số 24

➤ Sổ phụ ngân hàng

119	28/10/2025 12:34:47	28/10/2025	FEE.C251025040095603469	PHI T10/2025-040095603469-ALERT(9),IB, QLTK	115,500	12,929,491
120	28/10/2025 16:37:49	28/10/2025	FT25301VFLW0	Rút tiền CKN 474276	10,000,000	2,929,491
121	28/10/2025 16:37:49	28/10/2025	FT25301VFLW0	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400	2,914,091
122	30/10/2025 08:28:26	30/10/2025	FT2530318H75\BNK	Kho Bạc Nhà Nước Khu Vực XIII.Phong Giao Dịch Số 1 Trường Tiểu học Lê LaiThanh toán cho số chung tu: 251028 1072636 0168008	45,000,000	47,914,091
123	31/10/2025 23:04:21	31/10/2025	040095603469-20251031	CHI LAI TK TIEN GUI 040095603469	361	47,914,452
124	04/11/2025 16:15:36	04/11/2025	FT25308M9M72\BNK	Kho Bạc Nhà Nước Khu Vực XIII.Phong Giao Dịch Số 1 Trường Tiểu học Lê LaiThanh toán cho số chung tu: 251103 1072636 0168004	48,235,000	96,149,452
125	05/11/2025 10:41:38	05/11/2025	FT25309XXDSY	Thanh toán hóa đơn hiện suong CKN 770351	950,000	95,199,452
126	05/11/2025 10:41:38	05/11/2025	FT25309XXDSY	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400	95,184,052
127	06/11/2025 07:12:51	06/11/2025	FT2531089LF4	Rút tiền CKN 068342	60,000,000	35,184,052

Hình 2.16. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30/10/2025

Phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 511, Sổ chi tiết TK 5111, sổ chi tiết TK 5113.

Muốn xem sổ nhật ký chung trên phần mềm ta thực hiện các thao tác sau: Vào “ Sổ kế toán” sau đó chọn “ Sổ nhật ký chung ”.(phụ lục 7,8)

📊 Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
25/02/2025	HDBR.7	25/02/25	Bán hàng Loa Microlab B27		5.580.000	5.580.000
			Phải thu của khách hàng	131	5.580.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		5.072.760
			Thuế GTGT đầu ra	33311		507.240
...	...	...	...	...	...	...
27/02/2025	CTNH.000021/01	27/02/25	Trường TH Lê Lai thanh toán		5.580.000	5.580.000
			Sacombank	1121_SCB	5.580.000	
			Phải thu của khách hàng	131		5.580.000
...	...	...	...	...	...	...
24/10/2025	HDBR.24	24/10/25	Sửa chữa hệ thống điện phòng học theo hợp đồng số: 15/10/25 DSV - HĐKT kí ngày 15 tháng 10 năm 2025 Ngày: 24/10/2025		45.000.000	45.000.000
			Phải thu của khách hàng	131	45.000.000	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		41.666.667
			Thuế GTGT đầu ra	33311		3.333.333
...	...	...	...	...	...	...
30/10/2025	CTNH.000119/01	30/10/25	Trường TH Lê Lai thanh toán		45.000.000	45.000.000
			Sacombank	1121_SCB	45.000.000	
			Phải thu của khách hàng	131		45.000.000
...	...	...	...	...	...	...
21/11/2025	HDBR.29	21/11/25	Smart Tivi TCL 4K 55 inch 55P638 Ngày: 21/11/2025		29.480.000	29.480.000
			Phải thu của khách hàng	131	29.480.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		27.296.296
			Thuế GTGT đầu ra	33311		2.183.704
...	...	...	...	...	...	...
28/11/2025	CTNH.000141/01	28/11/25	Trường TH Trần Quang Diệu thanh toán		29.480.000	29.480.000
			Sacombank	1121_SCB	29.480.000	
			Phải thu của khách hàng	131		29.480.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1.345.619.550	1.345.619.550
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1.345.619.550	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.345.619.550
31/12/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113		434.464.832	434.464.832
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	434.464.832	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		434.464.832
...	...	...	...	...	...	...
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	135.835.083	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		135.835.083
			Tổng cộng		12.655.951.104	12.655.951.104

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Muốn xem sổ cái trên phần mềm ta thực hiện các thao tác sau: Vào “ Sổ kế toán ” chọn “ Sổ cái tài khoản ” sau đó điền “511” kích chọn “In” (phụ lục 9,10)

SỔ cái TK 511

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
16/01/25	HDBR.2	16/01/25	Doanh thu bán hàng vụ TM Mạch chính vi tính Gigabyte H610M H V2 DDR4 Ngày: 16/01/2025 - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ ĐÀ NẴNG	1111		1.818.182
...	...	...	...	...	...	...
25/02/25	HDBR.7	25/02/25	Bán hàng Loa Microlab B27	131		5.072.760
...	...	...	...	...	...	...
24/10/25	HDBR.24	24/10/25	Sửa chữa hệ thống điện phòng học theo hợp đồng số: 15/10/25 DSV - HĐKT kí ngày 15 tháng 10 năm 2025 Ngày: 24/10/2025	131		41.666.667
...	...	...	...	...	...	...
21/11/25	HDBR.29	21/11/25	Smart Tivi TCL 4K 55 inch 55P638 Ngày: 21/11/2025	131		27.296.296
02/12/25	HDBR.30	02/12/25	Sửa nguồn máy in Ngày: 02/12/2025	131		1.666.668
02/12/25	HDBR.30	02/12/25	Trống (Linh kiện cho máy in vi tính), nhãn hiệu Gantech, loại 48A/CF244, màu OEM Ngày: 02/12/2025	131		8.342.592
...	...	...	...	...	...	...
30/12/25	HDBR.54	30/12/25	Vỏ máy tính, nhãn hiệu ROSI, model: BC2W, có cổng USB và Audio, không nguồn, không quạt. Hàng mới 100% HĐ số: 54	131		32.407.409
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.345.619.550	
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	434.464.832	
			CỘNG PHÁT SINH		1.780.084.382	1.780.084.382
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.780.084.382	1.780.084.382

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.2. Sổ cái TK 511

Để mở sổ chi tiết tài khoản 5111 trên phần mềm ta thực hiện các thao tác sau: Vào “ Sổ kế toán ” nhấn chọn “ Sổ chi tiết tài khoản ” sau đó điền “5111” (phụ lục 11,12)

Sổ chi tiết TK 5111

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
16/01/25	HDBR.1	16/01/25	Doanh thu bán hàng vụ TM Chuột máy tính Dell Kit-Dell Optical Mouse MS116 Ngày: 16/01/2025 - TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI	1111		763.637
...	...	...	...	...	...	...
25/02/25	HDBR.7	25/02/25	Bán hàng Loa Microlab B27	131		5.072.760
26/02/25	HDBR.8	26/02/25	Bán hàng MÁY QUÉT ẢNH HOẶC TÀI LIỆU HP PRO 3000 S4-6FW07a	131		14.545.455
...	...	...	...	...	...	...
21/11/25	HDBR.29	21/11/25	Smart Tivi TCL 4K 55 inch 55P638 Ngày: 21/11/2025	131		9.148.148
21/11/25	HDBR.29	21/11/25	Máy ĐHKK Samsung AR09TYHQASiNSV Ngày: 21/11/2025	131		18.148.148
...	...	...	...	...	...	...
30/12/25	HDBR.54	30/12/25	Nguồn Máy Vi Tính CM NEX PN700 ELITE HĐ số: 54	131		1.064.815
30/12/25	HDBR.54	30/12/25	Vỏ máy tính, nhãn hiệu ROSI, model: BC2W, có cổng USB và Audio, không nguồn, không quạt. Hàng mới 100% HĐ số: 54	131		601.852
30/12/25	HDBR.54	30/12/25	Cáp dữ liệu Video HDMI 1.4 truyền âm thanh hình ảnh 10M Ugreen 10110 HĐ số: 54	131		379.630
30/12/25	HDBR.54	30/12/25	Tivi LG 65UA 7350PSB HĐ số: 54	131		16.481.481
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.345.619.550	
			Cộng phát sinh		1.345.619.550	1.345.619.550
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.3. Sổ chi tiết TK 5111

Tương tự như TK 5111 để mở sổ chi tiết TK 5113 nhấn chọn “ Sổ chi tiết tài khoản ” sau đó điền “5113”. (phụ lục 13,14)

Sổ chi tiết TK 5113

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
16/01/25	HDBR.1	16/01/25	Doanh thu bán hàng vụ TM Sửa main bo máy tính Ngày: 16/01/2025 - TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI	1111		1.111.112
16/01/25	HDBR.1	16/01/25	Doanh thu bán hàng vụ TM Sửa thiết bị âm thanh Ngày: 16/01/2025 - TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI	1111		1.648.148
...	...	...	...	...	...	...
24/10/25	HDBR.24	24/10/25	Sửa chữa hệ thống điện phòng học theo hợp đồng số: 15/10/25 DSV - HĐKT kí ngày 15 tháng 10 năm 2025 Ngày: 24/10/2025	131		41.666.667
24/10/25	HDBR.27	24/10/25	Sửa bo máy in canon Ngày: 24/10/2025	131		1.296.296
...	...	...	...	...	...	...
03/12/25	HDBR.31	03/12/25	Sửa chữa nâng cấp máy tính Ngày: 03/12/2025	131		12.703.712
03/12/25	HDBR.31	03/12/25	Sửa bo mạch máy chiếu Ngày: 03/12/2025	131		5.509.259
04/12/25	HDBR.32	04/12/25	nhân công lắp đặt sửa chữa Ngày: 04/12/2025	131		5.092.593
04/12/25	HDBR.32	04/12/25	Sửa chữa bo nguồn tivi phòng học Ngày: 04/12/2025	131		4.629.630
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	434.464.832	
			Cộng phát sinh		434.464.832	434.464.832
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.4. Sổ chi tiết TK 5113

2.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm 2025, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu.

2.4.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.4.3.1. Nội dung

Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng. Tuy nhiên, do số dư tiền gửi không lớn nên khoản thu này có giá trị thấp. Vì vậy, doanh thu từ hoạt động tài chính chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của công ty và không phải là nguồn thu chủ yếu.

2.4.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 515- “Doanh thu hoạt động tài chính”

2.4.3.3. Chứng từ sử dụng

Giấy báo có

Sổ phụ ngân hàng

2.4.3.4. Sổ sách sử dụng

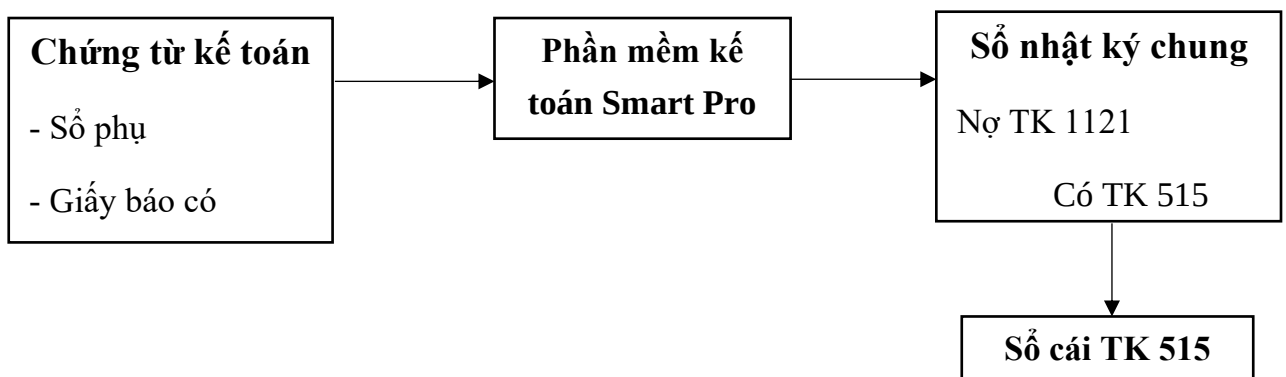
Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 515

Sổ chi tiết TK 515

2.4.3.5. Quy trình ghi sổ

Cuối tháng kế toán sẽ nhận sổ phụ kèm giấy báo nợ - giấy báo có từ ngân hàng về để tiến hành nhập liệu vào phần mềm.



Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Nghiệp vụ minh họa 4: Ngày 31/12/2025 Công ty nhận được sổ phụ của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – Chi nhánh Đà Nẵng trong đó có phát sinh về lãi tiền gửi tài khoản ngân hàng với số tiền 15.816 đồng.

➤ **Sổ phụ tiền gửi**

203	31/12/2025 19:57:41	31/12/2025	FT253657GMB1\BNK	Kho Bạc Nhà Nước Khu Vực XIII.Phong Giao Dịch Số 1 Trường THCS Lê LợiThành toán cho số chung tu: 251230 1006435 0168003	16,800,000	471,180,109
204	01/01/2026 01:36:37	31/12/2025	040095603469-20251231	CHI LẠI TK TIỀN GỬI 040095603469	15,816	471,195,925

Cộng phát sinh trong kỳ/ Total recorded amount:	1,288,007,519	1,719,280,010
Số dư cuối kỳ/ Ending balance:		471,195,925

Trong đó/ With:

Số dư (*): là số dư với các giao dịch thực tế đã được hạch toán và ghi nhận vào tài khoản của Quý khách

Actual Balance (*): the balance of actual transaction(s) which is credited or debited to your account

Ngày giao dịch (*): là ngày ghi nhận phát sinh giao dịch

Booking date (*): the date a transaction occurs (Used in recording transaction(s))

Ngày hiệu lực (*): Ngày hạch toán là ngày ghi giao dịch được ghi nhận hạch toán thật sự vào tài khoản của quý khách

Value date (*): the actual date a transaction is credited or debited to your account

Sổ phụ này được thể hiện song ngữ Việt Anh, trong trường hợp xảy ra bất cứ mâu thuẫn nào giữa bảng tiếng Anh và bảng tiếng Việt thì bảng Tiếng Việt được ưu tiên về mặt pháp lý

This statement is made in English and Vietnamese, in case of any conflict or inconsistency between the Vietnamese version and English version, the Vietnamese version shall prevail

Trần Vũ Thùy Trâm

Lữ Thị Ái Huyền

**NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
PHÒNG GIAO DỊCH
NGUYỄN VĂN LƯU**

Hình 2.17. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 31/12/2025

- Căn cứ vào sổ phụ nhận được từ Ngân hàng, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán Smart Pro.

Bước 1: Chọn loại chứng từ: Chứng từ ngân hàng (phụ lục 15)

Bước 2: Nhập liệu những thông tin trên sao kê (ngày tháng, diễn giải, số tiền,...)

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khắc 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại ctừ CTNH	Mã KH	Seri HD	Số HD	Ngày HD	HD VAT	STT	Số ctừ	Ngày	Thành tiền
Số ctừ 000192/01	Ngày ctừ 31/12/25			X	2				
Diễn giải Lãi									

TK Nợ	Tên	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
1121_SCB	Sacombank		0.00
ĐTPN Nợ			
YTCP Nợ			
TK Có	Tên	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
515	Doanh thu hoạt động tài chính		0.00
ĐTPN Có			

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
15,816		1331	0	15,816

Tỷ giá	Tiền USD
0.00	0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền
1			31/12/25	Lãi	1121	515	15,816		0	15,816
							15,816		0	15,816

Tiền thuế 0

Tổng T.toàn 15,816

Record 1 of 1

Hình 2.18. Giao diện nhập lãi tiền gửi trên phần mềm

Bước 3: Chọn lưu để lưu nghiệp vụ.

- Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515 và sổ chi tiết TK 515

Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/01/2025	PKT.000001/01	01/01/25	Kết chuyển lãi lỗ đầu năm		35.592.502	35.592.502
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4211	35.592.502	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		35.592.502
...	...	...	...	...	...	...
24/03/2025	CTNH.000034/01	24/03/25	Rút tiền CKN		10.000.000	10.000.000
			Tiền Việt Nam	1111	10.000.000	
			Sacombank	1121_SCB		10.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	CTNH.000192/01	31/12/25	Lãi		15.816	15.816
			Sacombank	1121_SCB	15.816	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		15.816
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		62.979	62.979
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	62.979	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		62.979
...	...	...	...	...	...	...
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	135.835.083	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		135.835.083
			Tổng cộng		12.655.951.104	12.655.951.104

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LUU THANH HUY

Bảng 2.5. Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	CTNH.000015/01	31/01/25	Lãi TK	1121_SCB		3.177
01/03/25	CTNH.000023/01	01/03/25	Chi lãi tiền gửi	1121_SCB		1.013
31/03/25	CTNH.000038/01	31/03/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		1.070
30/04/25	CTNH.000056/01	30/04/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		10.859
31/05/25	CTNH.000071/01	31/05/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		8.952
30/06/25	CTNH.000092/01	30/06/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		10.619
31/07/25	CTNH.000096/01	31/07/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		5.282
31/08/25	CTNH.000105/01	31/08/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		1.266
30/09/25	CTNH.000111/01	30/09/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		221
31/10/25	CTNH.000120/01	31/10/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		361
30/11/25	CTNH.000142/01	30/11/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		4.343
31/12/25	CTNH.000192/01	31/12/25	Lãi	1121_SCB		15.816
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	62.979	
			CỘNG PHÁT SINH		62.979	62.979
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		62.979	62.979

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.6. Sổ cái TK 515

Sổ chi tiết TK 515

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	CTNH.000015/01	31/01/25	Lãi TK	1121_SCB		3.177
01/03/25	CTNH.000023/01	01/03/25	Chi lãi tiền gửi	1121_SCB		1.013
31/03/25	CTNH.000038/01	31/03/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		1.070
30/04/25	CTNH.000056/01	30/04/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		10.859
31/05/25	CTNH.000071/01	31/05/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		8.952
30/06/25	CTNH.000092/01	30/06/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		10.619
31/07/25	CTNH.000096/01	31/07/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		5.282
31/08/25	CTNH.000105/01	31/08/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		1.266
30/09/25	CTNH.000111/01	30/09/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		221
31/10/25	CTNH.000120/01	31/10/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		361
30/11/25	CTNH.000142/01	30/11/25	Lãi tiền gửi	1121_SCB		4.343
31/12/25	CTNH.000192/01	31/12/25	Lãi	1121_SCB		15.816
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	62.979	
			Cộng phát sinh		62.979	62.979
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LUU THANH HUY

Bảng 2.7. Sổ chi tiết TK 515

2.4.4. Kế toán thu nhập khác

Trong năm 2025, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản thu nhập khác

2.4.5. Kế toán giá vốn hàng bán

2.4.5.1. Nội dung

Công ty quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và sử dụng Phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho (thời điểm được tính đến cuối ngày ghi sổ) để xác định giá xuất kho hàng hóa. Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập hàng phần mềm sẽ tự động tính và chạy lại giá xuất kho. Phương pháp này giúp ổn định giá vốn trước sự biến động giá từ các nhà cung cấp linh kiện.

2.4.5.2. Tài khoản sử dụng

TK 632- “ Giá vốn hàng bán”.

2.4.5.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho

Các chứng từ có liên quan khác

2.4.5.4. Sổ sách sử dụng

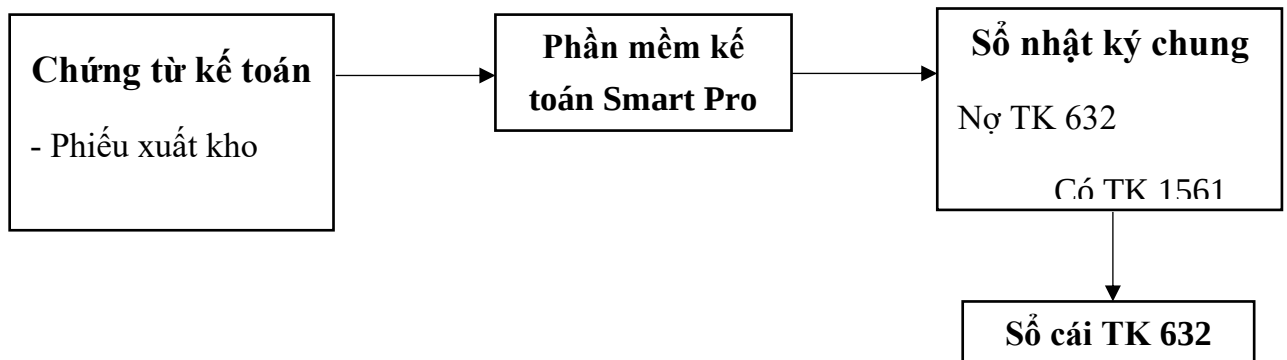
Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 632

Sổ chi tiết TK 632

2.4.5.5. Quy trình ghi sổ

Căn cứ theo hóa đơn GTGT được lập, kế toán tiến hành xuất phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT đã được hạch toán vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhật đơn giá lên sổ. Phiếu xuất kho được lập dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT đã được nhập.

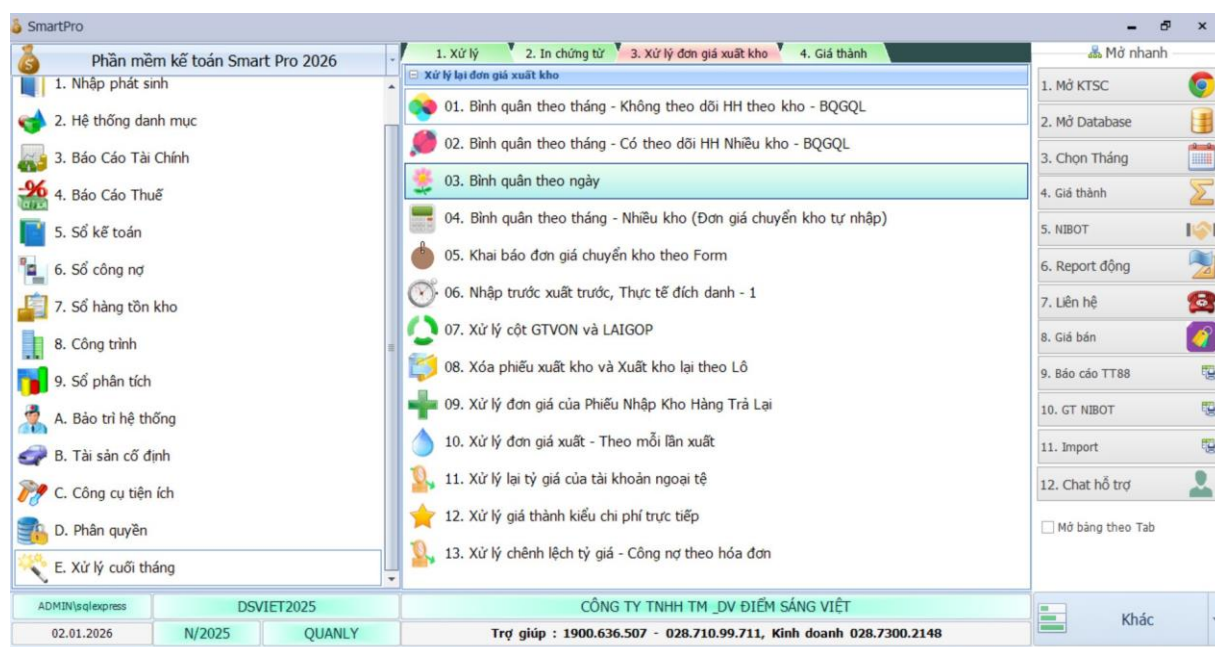


Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán giá vốn

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi chép các nghiệp vụ giá vốn hàng bán phát sinh vào phần mềm kế toán Smart Pro. Sau khi ghi chép các nghiệp vụ sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 632. Kế toán tiến hành in và rà soát sổ sách nhằm đối chiếu, kiểm tra và kịp thời phát hiện, điều chỉnh sai sót.

➤ Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán

Theo nghiệp vụ minh họa 1,2 ta nhập liệu doanh thu vào phần mềm xong, để thực hiện xuất kho giá vốn hàng bán bấm vào E. Xử lý cuối tháng => Xử lý đơn giá xuất kho => chọn mục 03. Bình quân theo ngày



Hình 2.19. Màn hình xử lý đơn giá xuất kho

Sau đó chọn xuất kho giá vốn cho các hóa đơn bán hàng trong tháng 2, 11 và nhấn xử lý phần mềm sẽ tự động cập nhật giá vốn của mặt hàng đã bán ra trong tháng.

Hình 2.20. Màn hình xuất kho giá vốn hàng bán ra trong tháng

- Kế toán sử dụng tài khoản 632 để hạch toán giá vốn hàng bán và các tài khoản liên quan khác như: 1561,...

➤ **Phiếu xuất kho**

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành

MST : 0402039504

Mẫu số : 02 - TT

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 7

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Nợ : 632

Có : 1561

Người nhận hàng : TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LẠI

Theo hóa đơn số : 7 Ngày : 25/02/25

Xuất tại kho : TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LẠI

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 7,25/02/25

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Loa Microlab B27	HH00292	Cái	9,00	272.727	2.454.545	
Tiền hàng						2.454.545	

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hình 2.21. Phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT số 7

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 11 năm 2025

Số : 29

Nợ : 632

Có : 1561

Người nhận hàng : **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG DIỆU**

Theo hóa đơn số : 29 Ngày : 21/11/25

Xuất tại kho : **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG DIỆU**

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 29,21/11/25

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Smart Tivi TCL 4K 55 inch 55P638	TIVI55P6	cái	1,00	6.610.000	6.610.000	
2	Máy ĐHKK Samsung AR09TYHQASiNSV	DHO9	bộ	2,00	5.727.273	11.454.546	
Tiền hàng						18.064.546	

Sổ chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 21 tháng 11 năm 2025

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hình 2.22. Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 29

- Hằng ngày kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi chép các nghiệp vụ giá vốn hàng bán phát sinh vào phần mềm kế toán SmartPro.

→ Sau khi ghi chép các nghiệp vụ sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632 và sổ chi tiết TK 632 . Kế toán thực hiện in và xem sổ sách để đối chiếu kiểm tra.

 **Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
25/02/2025	PNK.880	25/02/25	Nhập kho MÁY QUÉT ẢNH HOẶC TÀI LIỆU HP PRO 3000 S4-6FW07a		8.850.000	8.850.000
			Hàng hóa	1561	8.045.455	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	804.545	
			Tiền Việt Nam	1111		8.850.000
25/02/2025	PXK.7	25/02/25	Xuất kho theo HĐ số : 7,25/02/25		2.454.545	2.454.545
			Giá vốn hàng bán	632	2.454.545	
			Hàng hóa	1561		2.454.545
...	...	...	...	...	...	...
21/11/2025	PXK.29	21/11/25	Xuất kho theo HĐ số : 29,21/11/25		18.064.546	18.064.546
			Giá vốn hàng bán	632	18.064.546	
			Hàng hóa	1561		18.064.546
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		746.007.244	746.007.244
			Xác định kết quả kinh doanh	911	746.007.244	
			Giá vốn hàng bán	632		746.007.244
31/12/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635		30.800	30.800
			Xác định kết quả kinh doanh	911	30.800	
			Chi phí tài chính	635		30.800
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		1.169.944.400	1.169.944.400
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.169.944.400	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		1.169.944.400
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		135.835.083	135.835.083
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	135.835.083	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		135.835.083
			Tổng cộng		12.655.951.104	12.655.951.104

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.8. Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
16/01/25	PXK.2	16/01/25	Xuất kho theo HD số : 2,16/01/25	1561	1.454.545	
16/01/25	PXK.1	16/01/25	Xuất kho theo HD số : 1,16/01/25	1561	1.511.662	
21/01/25	PXK.4	21/01/25	Xuất kho theo HD số : 4,21/01/25	1561	15.008.045	
21/01/25	PXK.5	21/01/25	Xuất kho theo HD số : 5,21/01/25	1561	21.467.057	
25/02/25	PXK.7	25/02/25	Xuất kho theo HD số : 7,25/02/25	1561	2.454.545	
26/02/25	PXK.8	26/02/25	Xuất kho theo HD số : 8,26/02/25	1561	8.045.455	
...	...	...	...	...	...	...
21/11/25	PXK.29	21/11/25	Xuất kho theo HD số : 29,21/11/25	1561	18.064.546	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HD số : 30,02/12/25	1561	4.397.120	
...	...	...	...	...	...	...
30/12/25	PXK.54	30/12/25	Xuất kho theo HD số : 54,30/12/25	1561	24.844.100	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		746.007.244
			CỘNG PHÁT SINH		746.007.244	746.007.244
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		746.007.244	746.007.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.9. Sổ cái TK 632

Sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
...	...	...	...	...	...	...
25/02/25	PXK.7	25/02/25	Xuất kho theo HĐ số : 7,25/02/25	1561	2.454.545	
26/02/25	PXK.8	26/02/25	Xuất kho theo HĐ số : 8,26/02/25	1561	8.045.455	
...	...	...	...	...	...	...
21/11/25	PXK.29	21/11/25	Xuất kho theo HĐ số : 29,21/11/25	1561	6.610.000	
21/11/25	PXK.29	21/11/25	Xuất kho theo HĐ số : 29,21/11/25	1561	11.454.546	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	758.939	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	420.000	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	60.000	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	526.177	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	72.727	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	8.182	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	318.182	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	82.912	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	45.455	
02/12/25	PXK.30	02/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 30,02/12/25	1561	2.104.546	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		746.007.244
			Cộng phát sinh		746.007.244	746.007.244
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LUU THANH HUY

Bảng 2.10. Sổ chi tiết TK 632

❖ **Kế toán giá vốn cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt**

Giá vốn cung cấp dịch vụ chủ yếu là chi phí nhân công, doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh không thường xuyên mà lương của nhân viên thì chấm công theo ngày công. Kế toán công ty không xác định được cụ thể chi phí nhân công cho việc bảo dưỡng, sửa chữa, nên đưa thẳng vào TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.4.6. Kế toán chi phí tài chính

2.4.6.1. Nội dung

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi phí lãi hàng tháng của ngân hàng

2.4.6.2. Tài khoản sử dụng

TK 635- “ Chi phí tài chính ”

2.4.6.3. Chứng từ sử dụng

Sao kê tài khoản

Giấy báo nợ

Hợp đồng vay tín dụng

2.4.6.4. Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 635 - “ Chi phí tài chính ”

Sổ chi tiết TK 635 - “ Chi phí tài chính ”

2.4.6.5. Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ minh họa 5: Ngày 30/9/2025 Công ty nhận được sổ phụ của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – Chi nhánh Đà Nẵng trong đó có phát sinh về phí chuyển khoản ngân hàng với số tiền 15.400 đồng.

➤ Sổ phụ ngân hàng

110	29/09/2025 16:52:07	29/09/2025	FT25272P7G34\BNK	CONG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC APU APU TTT NẠP MỤC IN, THAY ONG, GAT, VE SINH MÁY IN TỪ 06.06.2025 31.07.25 THEO PDNTT 26.09.25	3,000,000	
111	30/09/2025 15:14:46	30/09/2025	FT25273FH3ZF	PHI MB - CK NHANH NGOẠI HỆ THỐNG NH	15,400	8,2
112	30/09/2025 15:14:46	30/09/2025	FT25273FH3ZF	Cong ty diem sang viet thanh toan hd CKN 794905	7,640,000	565
113	30/09/2025 23:27:17	30/09/2025	040095603469-20250930	CHI LAI TK TIEN GUI 040095603469		221 566,19
114	20/10/2025 11:10:47	20/10/2025	FT25293LVMSF\BNK	CONG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC APU APU TTT MUA BỘ ĐIỀU KHIỂN FOMARTER CHO MÁY IN CANON 241D THAY CHO MÁY IN NHÀ CHUYÊN GIA THEO PDNTT 15.10.25	1,400,000	1,966,191
115	22/10/2025 08:27:45	22/10/2025	FT252951SW2C	LUU THANH HUY chuyen tien vao tk ct CKN 746503 - MBBANK IBFT - Ngân hàng TMCP Quân Đội	21,000,000	22,966,191
116	22/10/2025 08:30:01	22/10/2025	FT25295N5JF1	PHI MB - CK NHANH NGOẠI HỆ THỐNG NH	15,400	22,950,791
117	22/10/2025 08:30:01	22/10/2025	FT25295N5JF1	Thanh toan hd gia anh CKN 520949	22,474,800	475,991
118	27/10/2025 15:22:40	27/10/2025	FT25300HXW8Q\BNK	Kho Bạc Nhà Nước Khu Vực XIII.Phong Giao Dịch Số 1 Trường Tiểu học Lê Văn HiếnThanh toán cho số chung tư: 251025 1014647 0168002	12,569,000	13,044,991
119	28/10/2025 12:34:47	28/10/2025	FEE.C251025040095603469	PHI T10/2025-040095603469-ALERT(9),IB, QLTk	115,500	12,929,491
120	28/10/2025 16:37:49	28/10/2025	FT25301VFLW0	Rut tien CKN 474276	10,000,000	2,929,491
121	28/10/2025 16:37:49	28/10/2025	FT25301VFLW0	PHI MB - CK NHANH NGOẠI HỆ THỐNG NH	15,400	2,914,091
122	30/10/2025 08:28:26	30/10/2025	FT2530318H75\BNK	Kho Bạc Nhà Nước Khu Vực XIII.Phong Giao Dịch Số 1 Trường Tiểu học Lê LaiThanh toán cho số chung tư: 251028 1072636 0168008	45,000,000	47,914,091
123	31/10/2025 23:04:21	31/10/2025	040095603469-20251031	CHI LAI TK TIEN GUI 040095603469		361 47,914,452
124	04/11/2025 16:15:36	04/11/2025	FT25308M9M72\BNK	Kho Bạc Nhà Nước Khu Vực XIII.Phong Giao Dịch Số 1 Trường Tiểu học Lê LaiThanh toán cho số chung tư: 251103 1072636 0168004	48,235,000	96,149,452
125	05/11/2025 10:41:38	05/11/2025	FT25309XXDSY	Thanh toan hoa don hien suong CKN 770351	950,000	95,199,452

Hình 2.23. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30/9/2025

- Căn cứ vào sổ phụ nhận được từ Ngân hàng, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán Smart Pro.

Bước 1: Chọn loại chứng từ: Chứng từ ngân hàng

Bước 2: Nhập liệu những thông tin trên sao kê (ngày tháng, diễn giải, số tiền,...)

NHẬP PHÁT SINH

Loại chữ: CTNH Mã KH: Seri HD: Số HD: Ngày HD: HD VAT: X SIT: 2

Số chữ: 000110/01 Ngày chữ: 30/09/25

Diễn giải: Phí chuyển khoản

TK Nợ	Chi phí tài chính	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
635			0.00
ĐTPH Nợ			
YTCP Nợ			
TK Có	1121_SCB Sacombank		0.00
ĐTPH Có			

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
15,400		1331	0	15,400

Tỷ giá: 0.00 Tiền USD: 0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền
1				Phí chuyển khoản	635	1121	15,400	0	0	15,400
							15,400		0	15,400

Tiền thuế: 0

Tổng T.toán: 15,400

Record 1 of 1

Tiếp | Mở KTSC | Mở | Sửa dòng | Lưu dòng | List | Phóng to | Khác | View (Ctrl+F) | In (Ctrl+I) | Lưu (F12)

Hình 2.24. Giao diện nhập phí chuyển khoản trên phần mềm

Bước 3: Chọn lưu để lưu nghiệp vụ.

- Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635 và sổ chi tiết TK 635

 **Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/01/2025	PKT.000001/01	01/01/25	Kết chuyển lãi lỗ đầu năm		35.592.502	35.592.502
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4211	35.592.502	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		35.592.502
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	CTNH.000110/01	30/09/25	Phí chuyển khoản		15.400	15.400
			Chi phí tài chính	635	15.400	
			Sacombank	121_SC		15.400
30/09/2025	CTNH.000111/01	30/09/25	Lãi tiền gửi		221	221
			Sacombank	121_SC	221	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		221
...	...	...	...	...	...	...
			Xác định kết quả kinh doanh	911	30.800	
			Chi phí tài chính	635		30.800
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		1.169.944.400	1.169.944.400
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.169.944.400	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		1.169.944.400
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		135.835.083	135.835.083
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	135.835.083	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		135.835.083
			Tổng cộng		12.655.951.104	12.655.951.104

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LUU THANH HUY

Bảng 2.11. Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :635 - Chi phí tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
02/04/25	CTNH.000040/01	02/04/25	Phí chuyển khoản	121_SC	15.400	
30/09/25	CTNH.000110/01	30/09/25	Phí chuyển khoản	121_SC	15.400	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		30.800
			CỘNG PHÁT SINH		30.800	30.800
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		30.800	30.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.12. Sổ cái TK 635

Sổ chi tiết TK 635

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỀM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 635-Chi phí tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
02/04/25	CTNH.000040/01	02/04/25	Phí chuyển khoản	1121_SCB	15.400	
30/09/25	CTNH.000110/01	30/09/25	Phí chuyển khoản	1121_SCB	15.400	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		30.800
			Cộng phát sinh		30.800	30.800
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LUU THANH HUY

Bảng 2.13. Sổ chi tiết TK 635

2.4.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.4.7.1. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh ở công ty chỉ có chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: chi phí lương nhân viên, thuế môn bài, phí chuyển khoản, phí quản lý tài khoản và các chi phí mua ngoài khác...

2.4.7.2. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 642- “Chi phí quản lý kinh doanh” và theo dõi chi phí theo từng tài khoản chi tiết cấp 2

Sử dụng TK 6422- “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

2.4.7.3. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Sổ phụ ngân hàng

Phiếu chi

Bảng chấm công

Bảng tính lương

Phiếu kế toán

Bảng tính và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ

2.4.7.4. Sổ sách sử dụng

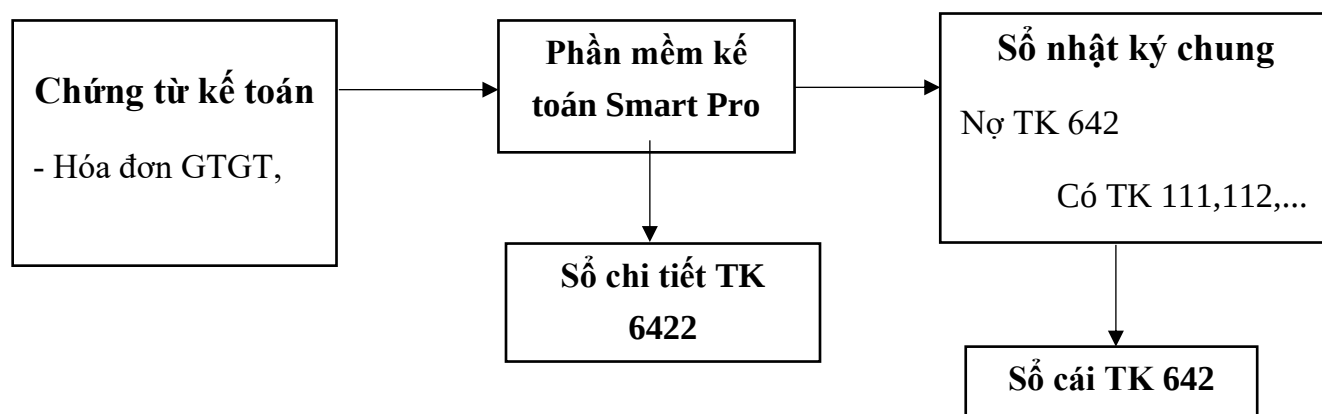
Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 642

Sổ chi tiết TK 6422

2.4.7.5. Quy trình ghi sổ

- Hằng ngày kế toán nhận chứng từ từ các bên liên quan để tiến hành nhập liệu vào phần mềm.



Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Nghiệp vụ minh họa 6 : Ngày 20/01/2025, công ty nộp lệ phí môn bài cho nhà nước là 2.000.000 đồng.

➤ Sổ phụ tiền gửi

SỔ PHỤ TK TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN
ACCOUNT STATEMENT

 Từ ngày: 01/01/2025 Đến ngày: 31/12/2025
 From: 01/01/2025 To: 31/12/2025

SMA service

Ngày/Date: 09/01/2026 16:20:32

Số tài khoản/
 Account no: **040095603469**
 Tên khách hàng/
 Account holder: **CONG TY TNHH TM & DV DIEM SANG VIET**
 Số dư (*) đầu kỳ/
 Opening balance: **39,923,434**
 Mã tiền tệ/
 Currency: **VND**

STT No	Ngày GD Booking date (*)	Ngày HL Value date (*)	Số GD Txn ID	Diễn giải Description	Số tiền rút Debit	Số tiền gửi Credit	Số dư Balance (*)
1	03/01/2025 14:03:33	03/01/2025	FT25003LN8VF\BNK	CTY TNHH FCA LOGISTICS CTY FCA THANH TOAN CONG NO CHO DIEM SANG VIET		2,430,000	42,353,434
2	06/01/2025 15:39:37	06/01/2025	FT25006DRV\BNK	Truong Tieu Hoc Le Ba Trinh 2570110300148823Thanh toan cho so chung tu: M250103 1041383 0165001		3,335,000	45,688,434
3	14/01/2025 14:44:36	14/01/2025	FT25014JNCF	NTDT+KB:0165-KBNN Ngu Hanh Son - Da nang+NgayNT:14012025+MST:04020395 04+DBHC:494HH+TKNS:7111+CQT:10543 27+LThue:01 (C:755-TM:2863-KT:00/CN/2025-ST:2 000000-GChu:) (C:755-TM:1701-KT:00/Q3/2024-ST:1 3688155-GChu:)	15,688,155		30,000,279
4	14/01/2025 14:48:30	14/01/2025	FT25014JTCZL	NTDT+KB:0165-KBNN Ngu Hanh Son - Da nang+NgayNT:14012025+MST:04020395 04+DBHC:494HH+TKNS:7111+CQT:10543 27+LThue:01 (C:755-TM:4931-KT:00/Q3/2024-ST:3 03877-GChu:Tien cham nop thue GTGT quy 3)	303,877		29,696,402
5	17/01/2025 14:38:46	17/01/2025	FT25017RF0C1\BNK	Truong Tieu Hoc Le Lai 2570110301261799Thanh toan cho so chung tu: M250116 1072636 0165003		5,405,000	35,101,402
6	20/01/2025 08:07:05	20/01/2025	FT250208GT4X	NTDT+KB:0165-KBNN Ngu Hanh Son - Da nang+NgayNT:20012025+MST:04020395 04+DBHC:494HH+TKNS:7111+CQT:10543 27+LThue:01 (C:755-TM:2863-KT:00/CN/2025-ST:2 000000-GChu:Le phi mon bai 2025)	2,000,000		33,101,402
7	20/01/2025 11:41:28	20/01/2025	TT250202R39P\SO3	PHI IN SAO KE	264,000		32,837,402
8	22/01/2025 11:48:17	22/01/2025	FT25022C1C6J\BNK	Truong THCS Huynh Ba Chanh 2570110301791522Thanh toan cho so chung tu: M250121 1006566 0165004		22,790,000	55,627,402
9	22/01/2025 16:13:00	22/01/2025	FT25022H46JF\BNK	Truong THCS Huynh Ba Chanh 2570110301957778Thanh toan cho so chung tu: M250122 1006566 0165005		38,830,000	94,457,402

Hình 2.25. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 20/1/2025

- Căn cứ vào sổ phụ nhận được từ Ngân hàng, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán Smart Pro.

Bước 1: Chọn loại chứng từ: Phiếu kế toán (phụ lục 16)

Bước 2: Nhập liệu những thông tin trên sao kê (ngày tháng, diễn giải, số tiền,...)

Hình 2.26. Giao diện hạch toán phí môn bài trên phần mềm

Bước 3: Chọn lưu để lưu nghiệp vụ.

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIẾT						
Địa chỉ :251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
Mã số thuế : 0402039504						
						Số : 000002/01
PHIẾU KẾ TOÁN						
<i>Ngày 31 tháng 1 năm 2025</i>						
Số	TK	ĐTPN	TK	ĐTPN	Diễn Giải	Thành
TT	Nợ	Nợ	Có	Có		Tiền
1	6422		3339		Hạch toán phí môn bài	2.000.000
Tổng cộng						2.000.000
				<i>Ngày 31 tháng 1 năm 2025</i>		
				Kế toán trưởng		
				Người lập		

Hình 2.27. Phiếu kế toán

Nghiệp vụ minh họa 7 : Ngày 30/12/2025 Ngân hàng Sacombank thu phí quản lý tài khoản với số tiền 115.500 đồng, được trừ thẳng vào tài khoản ngân hàng Sacombank của công ty.

➤ **Sổ phụ tiền gửi**

189	29/12/2025 11:17:24	29/12/2025	FT25363LRKHV\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Van phong Dang uy phuong Ngu Hanh SonThanh toan cho so chung tu: M251224 1144405 0168009	2,188,000	304,390,409
190	29/12/2025 11:17:33	29/12/2025	FT25363QH55\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Van phong Dang uy phuong Ngu Hanh SonThanh toan cho so chung tu: M251224 1144405 0168008	2,446,000	306,836,409
191	29/12/2025 11:17:33	29/12/2025	FT2536368KJ6\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Van phong Dang uy phuong Ngu Hanh SonThanh toan cho so chung tu: M251224 1144405 0168010	3,100,000	309,936,409
192	29/12/2025 16:15:33	29/12/2025	FT25363484Y3\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Truong Tieu hoc To Hien ThanhThanh toan cho so chung tu: 251225 1053037 0168004	70,000,000	379,936,409
193	29/12/2025 16:15:34	29/12/2025	FT2536328F2Z\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Truong Tieu hoc Le Van HienThanh toan cho so chung tu: 251226 1014647 0168003	7,800,000	387,736,409
194	29/12/2025 16:15:42	29/12/2025	FT25363PDTH0\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Truong Tieu hoc To Hien ThanhThanh toan cho so chung tu: 251225 1053037 0168008	9,890,000	397,626,409
195	30/12/2025 03:31:26	30/12/2025	FEE.C251225040095603469	PHI T12/2025-040095603469-ALERT(42),IB ,QLTK	115,500	397,510,909
196	30/12/2025 09:15:40	30/12/2025	FT25364K8FX6	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400	397,495,509
197	30/12/2025 09:15:40	30/12/2025	FT25364K8FX6	Ck a my CKN 388268	22,000,000	375,495,509
198	30/12/2025 10:15:38	30/12/2025	FT25364C8WWT	Ck gia anh CKN 425498	66,100,000	309,395,509
199	30/12/2025 10:15:38	30/12/2025	FT25364C8WWT	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	15,400	309,380,109
200	30/12/2025 17:04:12	30/12/2025	FT25364S9047\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Truong Tieu hoc To Hien ThanhThanh toan cho so chung tu: 251227 1053037 0168004	19,000,000	328,380,109
201	31/12/2025 19:53:07	31/12/2025	FT25365BJYX4\BNK	Kho Bac Nha Nuooc Khu Vuc XIII.Phong Giao Dich So 1 Truong THCS Huynh Ba ChanhThanh toan cho so chung tu: M251228 1065555 0168008	76,000,000	404,380,109

Hình 2.28. Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30/12/2025

- Căn cứ vào sổ phụ nhận được từ Ngân hàng, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán Smart Pro.

Bước 1: Chọn loại chứng từ: Phiếu kế toán

Bước 2: Nhập liệu những thông tin trên sao kê (ngày tháng, diễn giải, số tiền,...)

NHẬP PHÁT SINH

Loại chữ: CTNH Mã KH: Seri HD: Số HD: Ngày HD: HD VAT: X STT: 2

Số chữ: 000184/01 Ngày chữ: 30/12/25

Diễn giải: Phí QLTK

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ			
YTCP Nợ			
TK Có	1121_SCB Sacombank		0.00
ĐTPN Có			

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
115,500		1331	0	115,500

Tỷ giá: 0.00 Tiền USD: 0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ
1				Phí QLTK	6422	1121...	115,500		0	115,500	

Tiền hàng: 115,500
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 115,500

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 2.29. Màn hình hạch toán phí quản lý tài khoản

Bước 3: Chọn lưu để lưu nghiệp vụ.

❖ Chi phí lương

Nghiệp vụ minh họa 8 : Ngày 31/01/2025, Công ty chi lương tháng 01/2025 cho nhân viên văn phòng với số tiền 92.485.000 đồng. Công ty thanh toán bằng tiền mặt

- Kế toán lập bảng tính và thanh toán tiền lương ở trên phần mềm EXCEL dựa trên bảng chấm công hàng ngày của nhân viên văn phòng trong tháng 01/2025.

➤ **Bảng chấm công tháng 1/2025**

CÔNG TY TNHH TM &DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
MST:0402039504
ĐC:251 Trần Đại Nghĩa, P Hòa Hải, Q Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG CHẤM CÔNG

THÁNG 01 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TC	P
1	Lưu Thanh Huy	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
2	Biện Ngọc Hoàng Lan	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
3	Nguyễn Văn Nam	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
4	Nguyễn Xuân Phương	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
5	Phan Văn Khương	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
6	Nguyễn Tấn Thịnh	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
7	Nguyễn Văn Nhựt	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
8	Nguyễn Văn Tĩnh	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
9	Nguyễn Vi Khoa	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
10	Lưu Thị Thu Hiền	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	
11	Nguyễn Anh Tuấn	NV	NL	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	26	

NL: Nghỉ lễ
NB: Nghỉ bù Lễ
P: Phép thường niên
CĐ: Nghỉ chế độ
CT: Công tác
Ô: nghỉ ốm
O: Nghỉ không lương

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 01 năm 2025
Giám Đốc

Bảng 2.14. Bảng chấm công nhân viên văn phòng tháng 01/2025

➤ **Bảng tính và thanh toán tiền lương tháng 1/2025**

CÔNG TY TNHH TM &DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
MST:0402039504
ĐC:251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TÍNH LƯƠNG NHÂN VIÊN
Tháng 01 năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	PHỤ CẤP				Ngày công	Thưởng L13+ Tết	Tổng cộng	Trích BH trừ vào chi phí DN			Trích BH trừ vào lương nhân viên			Tiền lương thực lãnh	Ký nhận
				Tiền ăn ca	Đồng phục	Tiền xăng	Phụ cấp tiền ĐT				BHXH	BHYT	BHTN	BHXH	BHYT	BHTN		
											17,5%	3,0%	1,0%	8,0%	1,5%	1,0%		
1	Lưu Thanh Huy	NV	4.500.000	730.000	400.000	1.800.000	1.300.000	26	500.000	9.230.000	787.500	135.000	45.000	360.000	67.500	45.000	8.757.500	
2	Biền Ngọc Hoàng Lan	NV	4.500.000	730.000	400.000	1.800.000	1.300.000	26	500.000	9.230.000	787.500	135.000	45.000	360.000	67.500	45.000	8.757.500	
3	Nguyễn Văn Nam	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
4	Nguyễn Xuân Phương	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
5	Phan Văn Khương	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
6	Nguyễn Tấn Thịnh	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
7	Nguyễn Văn Nhứt	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
8	Nguyễn Văn Tinh	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
9	Nguyễn Vi Khoa	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
10	Lưu Thị Thu Hiền	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
11	Nguyễn Anh Tuấn	NV	4.500.000	730.000		1.800.000	1.300.000	26		8.330.000							8.330.000	
CỘNG			49.500.000	8.030.000	800.000	19.800.000	14.300.000	286	1.000.000	93.430.000	1.575.000	270.000	90.000	720.000	135.000	90.000	92.485.000	-

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2025
Người lập biểu

Bảng 2.15. Bảng tính và thanh toán tiền lương tháng 01/2025

Dựa vào bảng lương kế toán sẽ nhập liệu vào phần mềm:

Bước 1: Chọn loại chứng từ: Phiếu kế toán

Bước 2: Nhập liệu những thông tin trên sao kê (ngày tháng, diễn giải, số tiền,...)

Hình 2.30. Màn hình hạch toán lương tháng 1

Bước 3: Chọn lưu để lưu nghiệp vụ.

❖ Các khoản trích theo lương



Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 595/QĐ-BHXH
ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam)

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP ĐÀ NẴNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN NGŨ
HÀNH SƠN
THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN
Tháng 01 năm 2025

Kính gửi : Công ty TNHH TM & DV Điểm Sáng Việt
Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Mã đơn vị: TE1108E
Bảo hiểm xã hội quận Ngũ Hành Sơn
Địa chỉ: 02 Đinh Gia Khánh, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3961877
Số TK ngân hàng:
Tại ngân hàng:
Số TK kho bạc:
Tại kho bạc:

Thông báo kết quả đóng BHYT, BHTN, BHXH, BHTNLĐ - BNN của đơn vị như sau :

STT	NỘI DUNG	BHXH	BHYT	BHTN	BHTNLĐ	CỘNG
A	B	1	2	3	4	5 = 1+2+3+4
A	Kỳ trước mang sang					
1	Số lao động	2	2	2	2	
2	Phải đóng					
2.1	Thừa					
2.2	Thiếu					
3	Thiếu lãi					
B	Phát sinh trong kỳ	2.250.000	405.000	180.000	45.000	2.880.000
1	Số lao động					
1.1	Tăng					
1.2	Giảm					
2	Quỹ lương	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	
2.1	Tăng					
2.2	Giảm					
3	Phải đóng	2.250.000	405.000	180.000	45.000	2.880.000
3.1	Tăng					
3.2	Giảm					
4	Điều chỉnh phải đóng kỳ trước					
4.1	Tăng					
	Trong đó: Năm trước					
4.2	Giảm					
	Trong đó: Năm trước					
4.3	Điều chỉnh					
5	Lãi					
5.1	Số tiền tính lãi					
5.2	Tỷ lệ tính lãi	0,644	0,986	0,644		
5.3	Tổng tính lãi					
6	2% bắt buộc để lại					

C	Số tiền đã nộp trong kỳ					
D	Phân bổ tiền đóng					
1	Phải đóng					
2	Tiền lãi					
Đ	Chuyển kỳ sau	2.250.000	405.000	180.000	45.000	2.880.000
1	Số lao động	2	2	2	2	
2	Phải đóng					
2.1	Thừa					
2.2	Thiếu	2.250.000	405.000	180.000	45.000	2.880.000
3	Thiếu lãi					

- a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH cho 2 lao động đến hết tháng 12/2024.
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT cho 2 lao động đến hết tháng 12/2024.
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLD, BNN cho 2 lao động đến hết tháng 12/2024.
d) Tổng số nợ thiếu là 2.880.000 đồng. Đề nghị đơn vị nộp cho cơ quan BHXH trước ngày 24/01/2025.
đ) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất yêu cầu đến cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Ngũ Hành Sơn để kiểm tra và điều chỉnh trước ngày 24/01/2025. Quá thời hạn trên, nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Cán bộ thu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2025
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Hình 2.31. Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTNLD

Dựa vào kết quả đóng BHXH kế toán sẽ nhập liệu vào phần mềm:

Bước 1: Chọn loại chứng từ: Phiếu kế toán

Bước 2: Nhập liệu những thông tin trên sao kê (ngày tháng, diễn giải, số tiền,...)

Hình 2.32. Màn hình hạch toán các khoản trích theo lương

➤ Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

Địa chỉ :251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Số : 000015/01

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 21 tháng 01 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	6422		3383		Hạch toán BHXH tháng 01	2.295.000
2	6422		3384		Hạch toán BHYT tháng 01	405.000
3	6422		3385		Hạch toán BHYT tháng 01	180.000
Tổng cộng						2.880.000

Ngày 21 tháng 01 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Hình 2.33. Phiếu kế toán tháng 1/2025

Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642 và sổ chi tiết TK 6422

Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...		...	...	...	...	...
21/01/2025	CTNH.000205/01	21/01/25	Thanh toán BHYT tháng 1		2.880.000	2.880.000
			Bảo hiểm xã hội	3383	2.295.000	
			Bảo hiểm y tế	3384	405.000	
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385	180.000	
			Sacombank	1121_SCB		2.880.000
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025	PKT.000002/01	31/01/25	Hạch toán phí môn bài		2.000.000	2.000.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2.000.000	
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3339		2.000.000
31/01/2025	PKT.000003/01	31/01/25	Hạch toán lương tháng 1		92.485.000	92.485.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	92.485.000	
			Phải trả người lao động	334		92.485.000
...	...	...	...	...	...	...
30/12/2025	CTNH.000184/01	30/12/25	Phí QLTK		115.500	115.500
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	115.500	
			Sacombank	1121_SCB		115.500
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		1.169.944.400	1.169.944.400
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.169.944.400	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		1.169.944.400
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		135.835.083	135.835.083
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	135.835.083	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		135.835.083
			Tổng cộng		12.655.951.104	12.655.951.104

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.16. Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
20/01/25	CTNH.000006/01	20/01/25	Phí in sao kê	1121_SCB	264.000	
21/01/25	PKT.000015/01	21/01/25	Hạch toán BHXH tháng 1	3383	2.295.000	
21/01/25	PKT.000015/01	21/01/25	Hạch toán BHYT tháng 1	3384	405.000	
21/01/25	PKT.000015/01	21/01/25	Hạch toán BHTN tháng 1	3385	180.000	
...	...	...	...	...	...	
31/01/25	PKT.000002/01	31/01/25	Hạch toán phí môn bài	3339	2.000.000	
31/01/25	PKT.000003/01	31/01/25	Hạch toán lương tháng 1	334	92.485.000	
...	...	...	...	...	...	
30/12/25	CTNH.000184/01	30/12/25	Phí QLTK	1121_SCB	115.500	
30/12/25	CTNH.000185/01	30/12/25	Phí CK	1121_SCB	15.400	
30/12/25	CTNH.000187/01	30/12/25	Phí CK	1121_SCB	15.400	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.169.944.400
			CỘNG PHÁT SINH		1.169.944.400	1.169.944.400
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.169.944.400	1.169.944.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.17. Sổ cái TK 642

Sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
20/01/25	CTNH.000006/01	20/01/25	Phí in sao kê	1121_SCB	264.000	
21/01/25	PKT.000015/01	21/01/25	Hạch toán BHXH tháng 1	3383	2.295.000	
21/01/25	PKT.000015/01	21/01/25	Hạch toán BHYT tháng 1	3384	405.000	
21/01/25	PKT.000015/01	21/01/25	Hạch toán BHTN tháng 1	3385	180.000	
...	...	...	...	...	...	
31/01/25	PKT.000002/01	31/01/25	Hạch toán phí môn bài	3339	2.000.000	
31/01/25	PKT.000003/01	31/01/25	Hạch toán lương tháng 1	334	92.485.000	
...	...	...	...	...	...	
30/12/25	CTNH.000184/01	30/12/25	Phí QLTK	1121_SCB	115.500	
30/12/25	CTNH.000185/01	30/12/25	Phí CK	1121_SCB	15.400	
30/12/25	CTNH.000187/01	30/12/25	Phí CK	1121_SCB	15.400	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.169.944.400
			Cộng phát sinh		1.169.944.400	1.169.944.400
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.18. Sổ chi tiết TK 6422

2.4.8. Kế toán chi phí khác

Trong năm 2025, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản chi phí khác.

2.4.9. Kế toán chi phí thuế TNDN

2.4.9.1. Nội dung

Cuối kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để xác định số thuế TNDN phải nộp.

Do trong năm 2025 Công ty kinh doanh lỗ 135.835.083 nên Công ty không phải hạch toán và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.4.9.2. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.4.9.3. Chứng từ sử dụng

Tờ phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh (Tờ 03-1A/TNDN)

Tờ khai Quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)

2.4.9.4. Quy trình ghi sổ

Cuối kỳ kế toán, sau khi kiểm tra dữ liệu và hoàn thành báo cáo tài chính kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sau khi kiểm tra đúng kế toán vào phần mềm HTKK đăng nhập.(phụ lục 17)

Sau khi đăng nhập vào phần mềm HTKK, sau đó chọn **“Thuế thu nhập Doanh nghiệp”** và chọn **“Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)”** để kê khai. (phụ lục 18,19)

Sau khi các số liệu được nhập trên HTKK chọn ghi để lưu lại thông tin đã nhập tại tờ khai, sau đó **“Kết xuất XML”** để lưu file vào máy với định dạng XML.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

[03] Mã số thuế: 0402039504

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	1.780.084.382
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	62.979
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	62.979
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	1.915.951.644
a	Giá vốn hàng bán	[13]	746.007.244
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.169.944.400
5	Chi phí tài chính	[16]	30.800
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	30.800
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(135.835.083)
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(135.835.083)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 26 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

LUU THANH HUY

Ghi chú: Số liệu chi tiêu [22] được tổng hợp vào chi tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

[07] Mã số thuế: 0402039504

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(135.835.083)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(135.835.083)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(135.835.083)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(135.835.083)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

Hình 2.35. Tờ khai Quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021) năm 2025

4	Thu nhập tính thuế (TN TT) ($C4 = C1 - C2 - C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TN TT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6 = C4 - C5 = C7 + C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9 = (C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3 = D1 - D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TN TT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5 = D3 - D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8 = D6 - D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E = E1 + E2 + E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2 = E3 + E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

2/3

Hình 2.36. Tờ khai Quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021) năm 2025

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 26 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

LƯU THANH HUY

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kê thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

2.5.1. Nội dung

Cuối năm, kế toán tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định lãi lỗ trong quá trình hoạt động kinh doanh

2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”

2.5.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu kết chuyển

2.5.4. Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

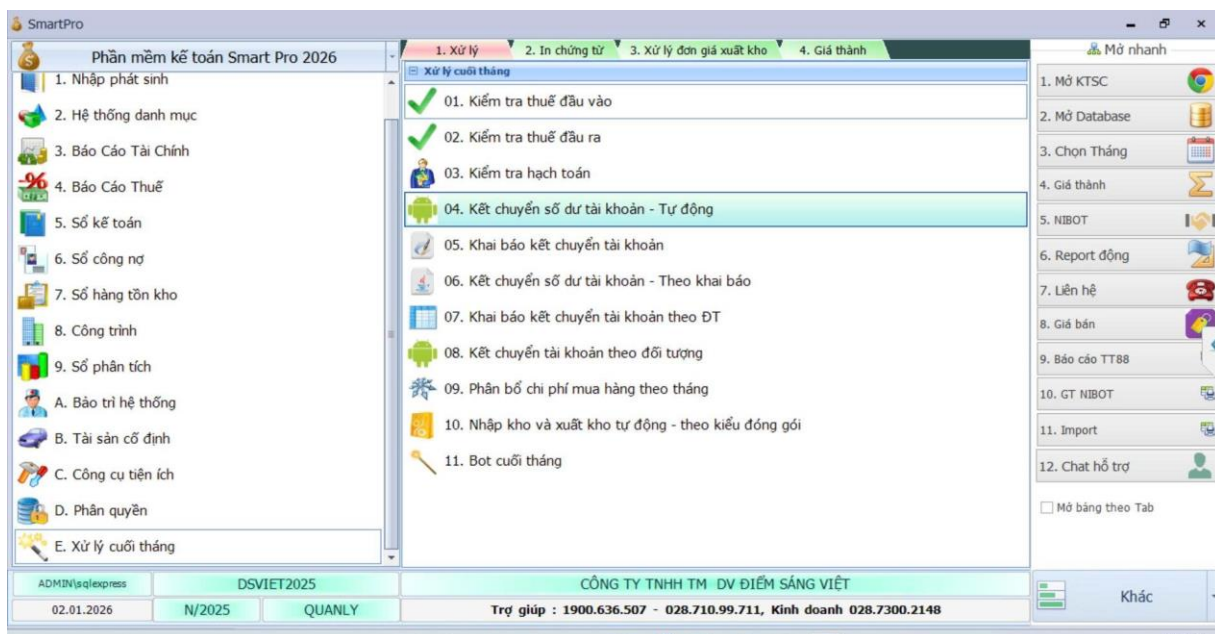
Sổ cái TK 911

Sổ chi tiết TK 911

2.5.5. Quy trình ghi sổ

Sau khi đã nhập đầy đủ tất cả các chứng từ và nghiệp vụ phát sinh trong năm vào phần mềm kế toán thực hiện kết chuyển theo từng quý với trình tự sau:

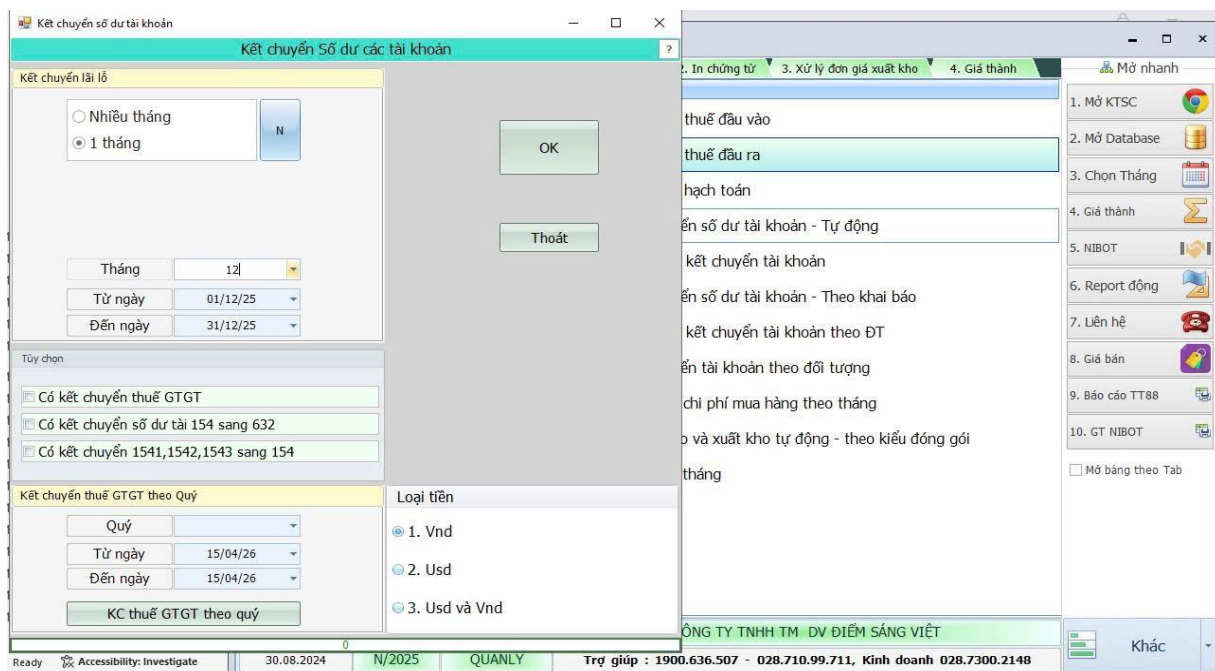
Bước 1: Vào "E. Xử lý cuối tháng" →kích chọn "04. Kết chuyển số dư tài khoản – Tự động" →"Q1" sau đó kích chọn "OK"



Hình 2.38. Giao diện kết chuyển số dư cuối kỳ

Bước 2: Chọn 1 tháng sau đó chọn tháng 12

Bước 3: Chọn OK và phần mềm sẽ tự động kết chuyển Số dư các tài khoản sang tháng 12



Hình 2.39. Màn hình thực hiện các bút toán kết chuyển

Căn cứ vào các định khoản theo sơ đồ đã lập, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Cụ thể, kế toán kết chuyển toàn bộ doanh thu vào bên Nợ TK 911 và kết chuyển các khoản chi phí vào bên Có TK 911, sau đó thực hiện kết chuyển từ TK 911 sang TK 4212 để xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

Sau khi hoàn tất các bút toán kết chuyển, số liệu được hệ thống phần mềm SmartPro tự động cập nhật vào phiếu kết chuyển, đồng thời ghi nhận vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 911 và sổ chi tiết TK 911 , đảm bảo tính chính xác và đồng bộ trong công tác kế toán.

Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/01/2025	PKT.000001/01	01/01/25	Kết chuyển lãi lỗ đầu năm		35.592.502	35.592.502
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4211	35.592.502	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		35.592.502
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1.345.619.550	1.345.619.550
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1.345.619.550	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.345.619.550
31/12/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113		434.464.832	434.464.832
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	434.464.832	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		434.464.832
31/12/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		62.979	62.979
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	62.979	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		62.979
31/12/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		746.007.244	746.007.244
			Xác định kết quả kinh doanh	911	746.007.244	
			Giá vốn hàng bán	632		746.007.244
31/12/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635		30.800	30.800
			Xác định kết quả kinh doanh	911	30.800	
			Chi phí tài chính	635		30.800
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		1.169.944.400	1.169.944.400
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.169.944.400	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		1.169.944.400
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		135.835.083	135.835.083
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	135.835.083	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		135.835.083
			Tổng cộng		12.655.951.104	12.655.951.104

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.19. Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402039504

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1.345.619.550
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113		434.464.832
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		62.979
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	746.007.244	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	635	30.800	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	1.169.944.400	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		135.835.083
			CỘNG PHÁT SINH		1.915.982.444	1.915.982.444
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.915.982.444	1.915.982.444

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THANH HUY

Bảng 2.20. Sổ cái TK 911

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
[03] Mã số thuế: 0402039504

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.780.084.382	1.194.800.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.780.084.382	1.194.800.979
4. Giá vốn hàng bán	11		746.007.244	484.303.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.034.077.138	710.497.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		62.979	19.549
7. Chi phí tài chính	22		30.800	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.169.944.400	755.259.800
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(135.835.083)	(44.743.251)
10. Thu nhập khác	31		0	1.600.000
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	1.600.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(135.835.083)	(43.143.251)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(135.835.083)	(43.143.251)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Luu Thanh Huy

Hình 2.40. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B01a-

CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT

3.1. Nhận xét công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

3.1.1. Ưu điểm

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt, có thể nhận thấy công ty đã đạt được những kết quả tích cực đáng ghi nhận trong việc tổ chức và thực hiện công tác kế toán.

Về tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, phù hợp với quy mô hoạt động của một doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, đây là hình thức phổ biến và phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu, kiểm tra số liệu kế toán. Việc phân công công việc giữa các nhân viên kế toán khá rõ ràng, đảm bảo tính chuyên nghiệp trong xử lý nghiệp vụ.

Về việc tuân thủ chế độ kế toán và hệ thống tài khoản

Công ty thực hiện công tác kế toán theo đúng quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC – chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hệ thống tài khoản được sử dụng đúng theo quy định: TK 511 cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, TK 515 cho doanh thu hoạt động tài chính, TK 632 cho giá vốn hàng bán, TK 635 cho chi phí tài chính, TK 642 cho chi phí quản lý kinh doanh, và TK 911 cho xác định kết quả kinh doanh. Điều này thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật kế toán của doanh nghiệp.

Về ứng dụng phần mềm kế toán

Công ty đã ứng dụng phần mềm kế toán Smart Pro vào công tác quản lý và hạch toán, giúp tự động hóa quá trình ghi sổ, tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính và kê khai thuế. Việc sử dụng phần mềm giúp tiết kiệm thời gian, giảm thiểu sai sót thủ công, đồng thời đảm bảo dữ liệu được cập nhật đồng bộ vào sổ nhật ký chung, sổ cái và các sổ chi tiết có

liên quan. Ngoài ra, công ty còn sử dụng phần mềm HTKK để kê khai và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thể hiện sự hiện đại hóa trong công tác quản lý tài chính.

Về công tác ghi nhận doanh thu và chi phí

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí quản lý kinh doanh đều được ghi nhận đầy đủ, kịp thời và có chứng từ hợp lệ kèm theo. Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra, sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan được lưu trữ có hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu và thanh kiểm tra khi cần thiết.

Về công tác xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán, công ty thực hiện đầy đủ các bút toán kết chuyển từ TK 511, TK 515 sang TK 911, và từ TK 632, TK 635, TK 642 sang TK 911 để xác định lãi lỗ. Kết quả kinh doanh được phần mềm Smart Pro tự động tổng hợp và phản ánh chính xác vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo mẫu B01a-DNN ban hành kèm theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Quy trình kết chuyển được thực hiện có hệ thống theo từng quý, đảm bảo tính liên tục và nhất quán của số liệu kế toán.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục và hoàn thiện:

Hạn chế trong việc xác định giá vốn cung cấp dịch vụ

Đây là hạn chế nổi bật nhất trong công tác kế toán của công ty. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa, chi phí nhân công phát sinh không được xác định và tách bạch riêng biệt vào giá vốn cung cấp dịch vụ (TK 632), mà toàn bộ chi phí lương nhân viên được hạch toán vào TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh. Điều này dẫn đến việc giá vốn hàng bán không phản ánh đúng thực chất chi phí bỏ ra để tạo ra doanh thu dịch vụ, từ đó ảnh hưởng đến tính chính xác của chỉ tiêu lợi nhuận gộp và kết quả kinh doanh của từng mảng hoạt động.

Về khoản trích lập dự phòng

Công ty chưa thực hiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC. Đây là một thiếu sót có thể ảnh hưởng đến tính thận trọng trong kế toán và dẫn đến việc ghi nhận doanh thu, tài sản cao hơn thực tế trong trường hợp có khách hàng mất khả năng thanh toán.

Hạn chế trong công tác phân tích tài chính định kỳ

Công ty chưa thực hiện đều đặn công tác phân tích tình hình tài chính, phân tích biến động doanh thu và chi phí theo tháng, quý. Việc thiếu các báo cáo phân tích quản trị nội bộ khiến ban lãnh đạo khó có cơ sở để đánh giá kịp thời nguyên nhân thua lỗ, từ đó chưa đưa ra được các biện pháp điều chỉnh phù hợp. Đây là một trong những nguyên nhân góp phần dẫn đến tình trạng kinh doanh lỗ kéo dài mà không có biện pháp khắc phục sớm.

Về công tác kế toán

Việc sử dụng và hạch toán một số tài khoản các nghiệp vụ phát sinh còn chưa hợp lý làm ảnh hưởng đến nội dung báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

- **Nghiệp vụ minh họa 5:** Ngày 30/9/2025 Công ty nhận được sổ phụ của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – Chi nhánh Đà Nẵng trong đó có phát sinh về phí chuyển khoản ngân hàng với số tiền 15.400 đồng. Kế toán đã hạch toán sai tài khoản:

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại ctừ CTNH Mã KH Seri HD Số HD Ngày HD HD VAT STT

Số ctừ 000110/01 Ngày ctừ 30/09/25

Diễn giải Phí chuyển khoản

TK Nợ	Chi phí tài chính	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPH Nợ			0.00
YTCP Nợ			
TK Có	1121_SCB Sacombank		0.00
ĐTPH Có			

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
15,400		1331	0	15,400

Tỷ giá Tiền USD 0.00 0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền
1				Phí chuyển khoản	635	1121	15,400	0	0	15,400
							15,400		0	15,400

Tiền thuế 0

Tổng T.toán 15,400

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+F) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

10:51 SA 31/03/2026

Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản phí ngân hàng phục vụ hoạt động thanh toán thông thường không mang bản chất của chi phí vốn hay hoạt động đầu tư tài chính. Do đó, tài khoản hạch toán đúng phải là: TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Nghiệp vụ minh họa 8 :** Ngày 31/01/2025, Công ty chi lương tháng 01/2025 cho nhân viên văn phòng với số tiền 92.485.000 đồng. Công ty thanh toán bằng tiền mặt. Kế toán ghi nhận sai số tiền

NHẬP PHÁT SINH

Loại ctử: PKT Mã KH: Seri HD: Số HD: Ngày HD: 31/01/25 HD VAT: X STT: 2

Số ctử: 000003/01 Ngày ctử: 31/01/25

Nội dung: Hạch toán lương tháng 1

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
6422			0
DTPN Nợ			
YTCP Nợ			
TK Có	Phải trả người lao động		0
DTPN Có			

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
92,485,000		1331	0	92,485,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	DTPN Nợ
1			31/01/25	Hạch toán lương tháng 1	6422	334	92,485,000		0	92,485,000	
1							92,485,000		0	92,485,000	

Tiền hàng: 92,485,000
Tiền thuế: 0
Tổng T.toán: 92,485,000

Dựa vào Bảng tính và thanh toán tiền lương tháng 1/2025, kế toán đã căn cứ vào số tiền lương thực lĩnh của nhân viên văn phòng là 92.485.000 đồng để ghi nhận bút toán Nợ TK 642/Có TK 334. Tuy nhiên, theo nguyên tắc kế toán, chi phí tiền lương phải được ghi nhận theo tổng tiền lương phải trả trước khi khấu trừ các khoản bảo hiểm và các khoản trích theo lương. Do đó, số liệu đúng cần hạch toán là 93.430.000 đồng theo tổng cộng bảng lương. Việc ghi nhận theo số thực lĩnh có thể dẫn đến phản ánh thiếu chi phí quản lý doanh nghiệp và ảnh hưởng đến tính chính xác của báo cáo tài chính.

❖ Các khoản trích theo lương

Qua quá trình tìm hiểu thực tế chứng từ và sổ sách kế toán tháng 01/2025, đơn vị đang hạch toán gộp toàn bộ các khoản trích theo lương (bao gồm cả phần trích trừ vào lương của người lao động) vào chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty không thực hiện bút toán khấu trừ phần bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm đóng của người lao động vào thu nhập của họ.

NHẬP PHÁT SINH

Mã KH: [] Seri HD: [] Số HD: [] Ngày HD: 21/01/25 HD VAT: X STT: 4

Loại ctừ: PKT Số ctừ: 000015/01 Ngày ctừ: 21/01/25

Diễn giải: Hạch toán BHXH tháng 1

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
DTPN Nợ			
YTCP Nợ			
TK Có	Bảo hiểm xã hội		
DTPN Có			

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
2,295,000		1331	0	2,295,000

Tỷ giá	Tiền USD
0.00	0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ
1			21/01/25	Hạch toán BHXH tháng 1	6422	3383	2,295,000		0	2,295,000	
2			21/01/25	Hạch toán BHYT tháng 1	6422	3384	405,000		0	405,000	
3			21/01/25	Hạch toán BHYT tháng 1	6422	3385	180,000		0	180,000	
6							2,880,000		0	2,880,000	

Tiền hàng: 2,880,000
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 2,880,000

Record 3 of 3

Tiếp | Mở KTSC | Sửa dòng | Lưu dòng | List | Phóng to | Khác | View (Ctrl+F) | In (Ctrl+I) | Lưu (F12)

Việc hạch toán sai tỷ lệ trích nộp này dẫn đến việc làm tăng ảo chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642), từ đó làm sai lệch kết quả kinh doanh trong kỳ làm cho mức lỗ của công ty tăng lên so với thực tế. Đồng thời, điều này vi phạm nguyên tắc phù hợp và các quy định về trích nộp bảo hiểm theo pháp luật lao động hiện hành.

3.2. Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt

Trên cơ sở phân tích thực trạng và nhận diện các hạn chế còn tồn tại, người viết xin đề xuất một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt như sau

Xây dựng cơ chế trong việc xác định giá vốn cung cấp dịch vụ

Để khắc phục hạn chế trong việc xác định giá vốn cung cấp dịch vụ, công ty cần xây dựng một hệ thống theo dõi ngày công lao động theo từng loại hoạt động: hoạt động bán hàng, hoạt động dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và công việc quản lý văn phòng. Cụ thể, bảng chấm công cần được thiết kế chi tiết hơn với các cột phân loại theo tính chất công việc, từ đó kế toán có căn cứ để tính và phân bổ chi phí nhân công vào TK 632 (đối với nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ) và TK 642 (đối với nhân viên quản lý). Biện pháp

này giúp phản ánh đúng giá vốn theo từng mảng hoạt động, từ đó xác định chính xác hơn lợi nhuận gộp của từng loại hình kinh doanh, phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị doanh nghiệp.

Thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC về hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng, công ty cần rà soát các khoản phải thu khách hàng (TK 131) và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Kế toán cần theo dõi danh sách công nợ phải thu theo từng khách hàng, xác định tuổi nợ và mức độ rủi ro để có cơ sở trích lập dự phòng phù hợp. Bút toán trích lập dự phòng: Nợ TK 642 / Có TK 2293. Việc này giúp báo cáo tài chính phản ánh đúng giá trị thực của tài sản theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, đồng thời cho phép công ty được khấu trừ chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN.

Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ và tăng cường phân tích tài chính định kỳ

Để nâng cao hiệu quả quản trị, công ty nên xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ hàng tháng, bao gồm: báo cáo so sánh doanh thu thực tế với kế hoạch, báo cáo phân tích biến động chi phí theo từng khoản mục, và báo cáo tỷ suất lợi nhuận gộp theo từng nhóm hàng hóa và dịch vụ. Bộ phận kế toán cần phối hợp với ban giám đốc để định kỳ hàng quý tổ chức họp đánh giá tình hình tài chính, phân tích nguyên nhân thua lỗ và xây dựng kế hoạch khắc phục cụ thể. Hệ thống báo cáo quản trị này sẽ là công cụ hữu ích giúp ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn, đặc biệt trong giai đoạn công ty đang gặp khó khăn về tài chính

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán

Công ty cần khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên kế toán thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật mới về kế toán, thuế và tài chính, đặc biệt là các thông tư, nghị định có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán viên cần được đào tạo thêm về các kỹ năng phân tích tài chính, sử dụng các công cụ phần mềm hỗ trợ quản trị, cũng như nắm vững các nghiệp vụ kế toán đặc thù của ngành thương mại dịch vụ. Việc đầu tư vào nguồn nhân lực kế toán sẽ mang lại lợi ích lâu dài, giúp nâng cao chất

lượng thông tin tài chính và hỗ trợ hiệu quả hơn cho công tác ra quyết định của doanh nghiệp.

Về công tác kế toán

Nghiệp vụ minh họa 5: Hạch toán phí chuyển khoản ngày 30/9/2025, ta hoàn thiện như sau:

Kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm ghi Nợ TK 6422/ Có TK 1121_SCB, sau đó nhấn lưu để lưu nghiệp vụ

Loại chữ	Mã KH	Seri HD	Số HD	Ngày HD	HD VAT	STT	Số chữ	Ngày	Thành tiền		
CTNH					X	2					
Số chữ	000110/01			30/09/25							
Diễn giải	Phí chuyển khoản										
TK Nợ	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp		Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng						
ĐTPH Nợ											
YTCP Nợ											
TK Có	1121_SCB	Sacombank									
ĐTPH Có											
Tiền Vnd	15,400	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền						
			1331	0	15,400						
Tỷ giá	Tiền USD										
0.00	0.00										
TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	Tiền thuế
1				Phí chuyển khoản	6422	1121	15,400	0	0	15,400	0
							15,400		0	15,400	
Record 1 of 1											Tổng T.toán
											15,400

Hình 3.1. Màn hình hoàn thiện hạch toán phí chuyển khoản

Việc phân định rõ ràng giúp cho chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo tài chính cuối năm của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điểm Sáng Việt phản ánh đúng bản chất của các khoản chi phí phát sinh từ hoạt động vốn, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa công tác kiểm soát nội bộ và phục vụ giải trình số liệu một cách minh bạch.

Nghiệp vụ minh họa 8 : Ngày 31/01/2025, Công ty chi lương tháng 01/2025 cho nhân viên văn phòng, ta hoàn thiện như sau:

Ghi nhận chi phí lương phải trả theo tổng bảng lương:

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp : 93.430.000 đồng

Có TK 334 – Phải trả người lao động: 93.430.000 đồng

Kế toán tiến hành điều chỉnh và nhập lại số tiền chính xác trên phần mềm Smart Pro

Loại c.từ	Mã KH	Seri HD	Số HD	Ngày HD	HD VAT	STT	Số c.từ	Ngày	Thành tiền
PKT				31/01/25	X	2			
Số c.từ	000003/01	Ngày c.từ	31/01/25						
Nội dung	Hạch toán lương tháng 1								
TK Nợ	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp		Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng				
DTPN Nợ					0				
YTCP Nợ									
TK Có	334	Phải trả người lao động			0				
DTPN Có									

Tỷ giá	Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
0.00	93,430,000		1331	0	93,430,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	DTPN Nợ
1			31/01/25	Hạch toán lương tháng 1	6422	334	93,430,000		0	93,430,000	

Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng T. toán
93,430,000	0	93,430,000

Hình 3.2. Màn hình hoàn thiện hạch toán lương tháng 1

❖ Các khoản trích theo lương

Kế toán tiến hành điều chỉnh và nhập lại số tiền chính xác trên phần mềm Smart Pro bằng cách tách bạch rõ ràng phần trích tính vào chi phí doanh nghiệp (21,5%) và phần trích khấu trừ trực tiếp vào lương của người lao động (10,5%)

Ghi nhận phần trích bảo hiểm do doanh nghiệp đóng (21,5%):

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh: 1.935.000

Có TK 3383 – BHXH: 1.575.000

Có TK 3384 – BHYT: 270.000

Có TK 3385 – BHTN: 90.000

NHẬP PHÁT SINH

Loại c.từ: PKT Mã KH: Seri HD: Số HD: Ngày HD: 21/01/25 HD VAT: X STT: 4

Số c.từ: 000015/01 Ngày c.từ: 21/01/25

Diễn giải: Hạch toán BHXH tháng 1

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
6422			0.00
DTPN Nợ			
YTCP Nợ			

TK Có	Bảo hiểm xã hội	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
3383			0.00
DTPN Có			

Tỷ giá	Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
0.00	1,935,000		1331	0	1,935,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	DTPN Nợ
1			21/01/25	Hạch toán BHXH tháng 1	6422	3383	1,575,000		0	1,575,000	
2			21/01/25	Hạch toán BHYT tháng 1	6422	3384	270,000		0	270,000	
3			21/01/25	Hạch toán BHTN tháng 1	6422	3385	90,000		0	90,000	
4							1,935,000		0	1,935,000	

Tiền hàng: 1,935,000
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 1,935,000

Record 3 of 3

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+P) Lưu (F12)

Hình 3.3. Màn hình hoàn thiện hạch toán các khoản trích theo lương

Ghi nhận phần trích bảo hiểm do người lao động đóng (10,5%) :

Nợ TK 334 – Phải trả người lao động: 945.000 đồng

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3383, 3384, 3385): 945.000 đồng

Việc hạch toán đúng và đầy đủ như trên đảm bảo chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương được phản ánh chính xác vào TK 642, đồng thời công nợ với người lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội được theo dõi đúng qua TK 334 và TK 338, đảm bảo tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành kế toán quan trọng, phản ánh trực tiếp hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua việc ghi nhận, tổng hợp và phân tích các thông tin về doanh thu và chi phí, công tác kế toán giúp ban lãnh đạo có đủ cơ sở thông tin để đánh giá kết quả hoạt động, nhận diện các điểm mạnh, điểm yếu và đưa ra những quyết định chiến lược phù hợp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điềm Sáng Việt, đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Đồng thời, phân tích thực trạng công tác kế toán tại công ty thông qua các nghiệp vụ thực tế, quy trình hạch toán trên phần mềm Smart Pro và hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán đang áp dụng. Trên cơ sở đó, đánh giá những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Do giới hạn về thời gian thực tập và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý và hướng dẫn từ phía giảng viên hướng dẫn cũng như Hội đồng bảo vệ để khóa luận được hoàn thiện hơn. Xin trân trọng cảm ơn TS. Phạm Thị Bích Vân đã tận tình hướng dẫn và hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện khóa luận, cảm ơn Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điềm Sáng Việt đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Các chứng từ, sổ sách và tài liệu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điềm Sáng Việt.
3. Tham khảo các trang website:
 - Thư viện pháp luật: <https://thuvienphapluat.vn>
 - Bộ tài chính: <https://mof.gov.vn>
 - Kế toán thiên ung: <https://ketoanthienung.net>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ
NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi,, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....
.....
.....

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

-
-
-
- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**
-
-
-

Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

○ ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0402039504
Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 05 năm 2020

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính
251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng,
Việt Nam
Điện thoại:
Email:
Fax:
Website:

3. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng.
Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu
Họ và tên: LƯU THANH HUY
Giới tính: Nam
Sinh ngày: 10/03/1991 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 205531138
Ngày cấp: 18/02/2020 Nơi cấp: CA. Tỉnh Quảng Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cang Đông, Xã Quế Châu, Huyện Quế Sơn,
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Chỗ ở hiện tại: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành
phố Đà Nẵng, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Phụ lục 1: Giấy phép kinh doanh

* **Họ và tên:** LƯU THANH HUY **Giới tính:** Nam
Chức danh: Giám đốc
Sinh ngày: 10/03/1991 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 205531138
Ngày cấp: 18/02/2020 **Nơi cấp:** CA. Tỉnh Quảng Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cang Đông, Xã Quế Châu, Huyện Quế Sơn,
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Chỗ ở hiện tại: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành
phố Đà Nẵng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Việt Tiến

Phụ lục 2: Giấy phép kinh doanh

Giải pháp hóa đơn điện tử toàn diện

Đơn vị hàng đầu cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử



visnam
save time save money

- VIN-HOADON** Giải pháp hóa đơn điện tử toàn diện
- VIN-THUE** Giao dịch bảo hiểm điện tử
- CHANG-CA** Chữ ký số hàng đầu Việt Nam
- VIN-THUE** Phần mềm tem vé điện tử
- VIN-THUE** Phần mềm biên lai điện tử
- VIN-THUE** Phần mềm bán hàng điện tử

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM
ĐƠN VỊ T-VAN
Được Tổng Cục Thuế cấp phép truyền nhận HĐĐT
Hotline: 1900 6134 - <https://www.visnam.com/>

Số tài khoản: 0041.000.224.725
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

TỔNG ĐÀI HỖ TRỢ 24/7

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM

Trụ sở: 33 Hải Hồ, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.

VPMB: P706-707 Tòa nhà Telcom, Lô 18, Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

VPMN: 11B Hồng Hà, Phường 02, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Hotline: 1900 6134 | Website: <https://visnam.com/> | Email: info@visnam.com

Đăng nhập

Mã số thuế:*

0402039504

Tên đăng nhập:*

KT|

Mật khẩu:*

☐ Ghi nhớ đăng nhập

Đăng nhập

[Quên mật khẩu?](#)



Phụ lục 3: Giao diện đăng nhập phần mềm Vin (dành cho mục 2.4.1.5)

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT

Mã số thuế: 0402039504

Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1 - C25TDL

Số: 55

Ngày lập * 25/02/2025

Mã số thuế	0400260210	Tên người mua	Tên người mua	E-mail	Email
Tên đơn vị *	TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI			Số điện thoại	Số điện thoại
Địa chỉ *	87 Ngũ hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				Mã QHNS
Phương thức TT	Tiền mặt/Chuyển khoản	TK người bán	040095603469	Ngân hàng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín _ CN
Tiền tệ	VND - Việt Nam Đồng	TK người mua	Tài khoản người mua	Ngân hàng	
Ghi chú		CCCD		Hộ chiếu	
Số biên bản *		Ngày biên bản *		Biên bản *	Chọn file + Tạo mới

F2: thêm dòng; Enter: xuống dòng; Alt + Enter: xuống dòng tên hàng hóa

Xuất file

Nhập file

STT	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	
1	Hàng hóa	Loa Microlab B27	Cái	9	563.640	5.072.760	10%	507.240	

Tổng cộng: 1

1 25

Chiết khấu sau thuế

	Tổng tiền hàng	5.072.760
	Tổng tiền trước thuế 10%	5.072.760
	10%	507.240
	Tổng tiền thuế	507.240
	Tổng tiền thanh toán	5.580.000
	Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng	

- Văn bản thỏa thuận không được để trống!
- Ngày ký văn bản thỏa thuận không được để trống!
- Số biên bản không được để trống!

Phụ lục 4: Giao diện tạo hóa đơn GTGT số 7 (dành cho mục 2.4.1.5)

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
Mã số thuế: 0402039504
Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
1 - C25TDL
Số: 55
Ngày lập * 21/11/2025

Mã số thuế

0400260299

Tên người mua

Tên người mua

E-mail

Email

Tên đơn vị *

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG DIỆU

+

Số điện thoại

Số điện thoại

Địa chỉ *

Số 04 Trần Hoàng, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã QHNS

Phương thức TT

Tiền mặt/Chuyển khoản

TK người bán

040095603469

Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín _ CN

Tiền tệ

VND - Việt Nam Đồng

TK người mua

Tài khoản người mua

+

Ngân hàng

Chỉ chủ

CCCD

Hộ chiếu

Số biên bản *

Ngày biên bản *

Biên bản *

Chọn file

Tạo mới

F2: thêm dòng, Enter: xướng dòng, Alt + Enter: xướng dòng tên hàng hóa

Xuất file

Nhập file

STT	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	
1	Hàng hóa	Smart Tivi TCL 4K 55 inch 55P638	Cái	1	9.148.148	9.148.148	8%	731.852	
2	Hàng hóa	Máy ĐHKK Samsung AR09TYHQASINSV	Bộ	2	9.074.074	18.148.148	8%	1.451.852	

Tổng cộng: 2

1

15

Chiết khấu sau thuế

Tổng tiền hàng	27.296.296
Tổng tiền trước thuế 8%	27.296.296
8%	2.183.704
Tổng tiền thuế	2.183.704
Tổng tiền thanh toán	29.480.000

• Văn bản thỏa thuận không được để trống!

• Ngày ký văn bản thỏa thuận không được để trống!

• Số biên bản không được để trống!

Hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng

Phụ lục 5: Giao diện tạo hóa đơn GTGT số 29 (dành cho mục 2.4.1.5)

CÔNG TY TNHH TM & DV ĐIỂM SÁNG VIỆT
Mã số thuế: 0402039504
Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
1 - C25TDL
Số: 55
Ngày lập: 24/10/2025

Mã số thuế

0400260210

🔍

Tên người mua

Tên người mua

+

E-mail

Email

Tên đơn vị *

TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LẠI

+

Số điện thoại

Số điện thoại

Địa chỉ *

87 Ngũ hành Sơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã QHNS

Phương thức TT

Tiền mặt/Chuyển khoản

▼

TK người bán

040095603469

▼

Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín _ CN

Tiền tệ

VND - Việt Nam Đồng

▼

TK người mua

Tài khoản người mua

▼

Ngân hàng

Ghi chú

CCCD

Hộ chiếu

Số biên bản *

Ngày biên bản *

Biên bản *

Chọn file

+ Tạo mới

F2: thêm dòng; Enter: xuống dòng; Alt + Enter: xuống dòng tên hàng hóa

Xuất file

Nhập file

STT	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	
1	Hàng hóa	Sửa chữa hệ thống điện phòng học theo hợp đồng số: 15/10/25 DSV HĐKT kí ngày 15 tháng 10 năm 2025	Gói	1	41.666.667	41.666.667	8%	3.333.333	

Tổng cộng: 1

15

Chiết khấu sau thuế

Tổng tiền hàng

41.666.667

Tổng tiền trước thuế 8%

41.666.667

8%

3.333.333

Tổng tiền thuế

3.333.333

Tổng tiền thanh toán

45.000.000

Bốn mươi lăm triệu đồng

* Văn bản thỏa thuận không được để trống!

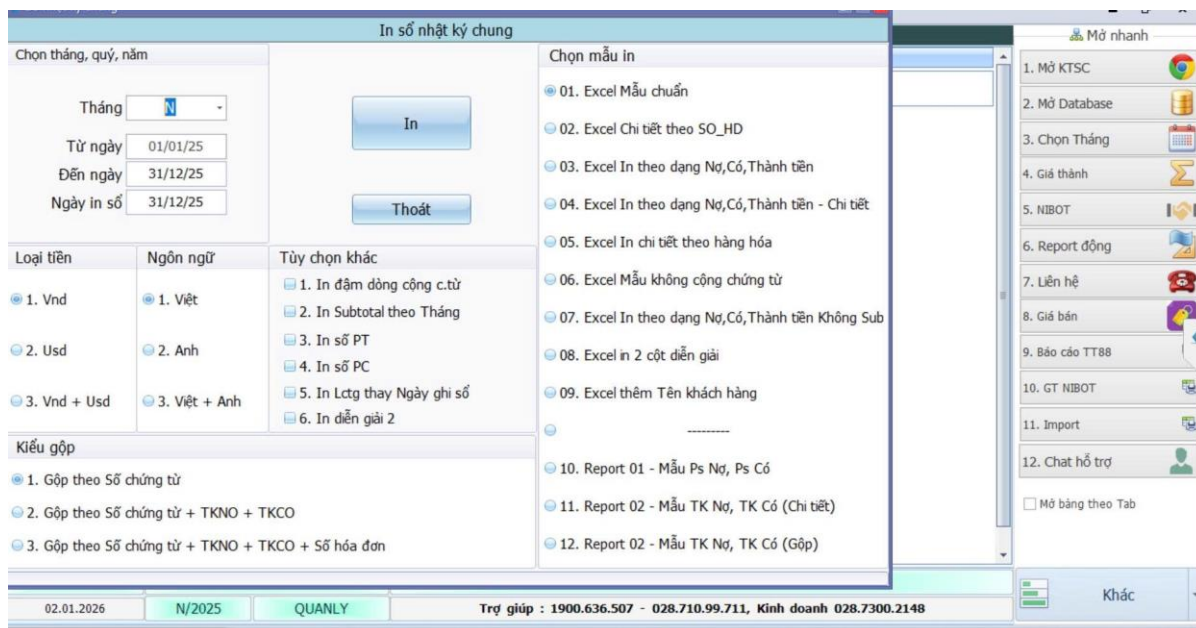
* Ngày ký văn bản thỏa thuận không được để trống!

* Số biên bản không được để trống!

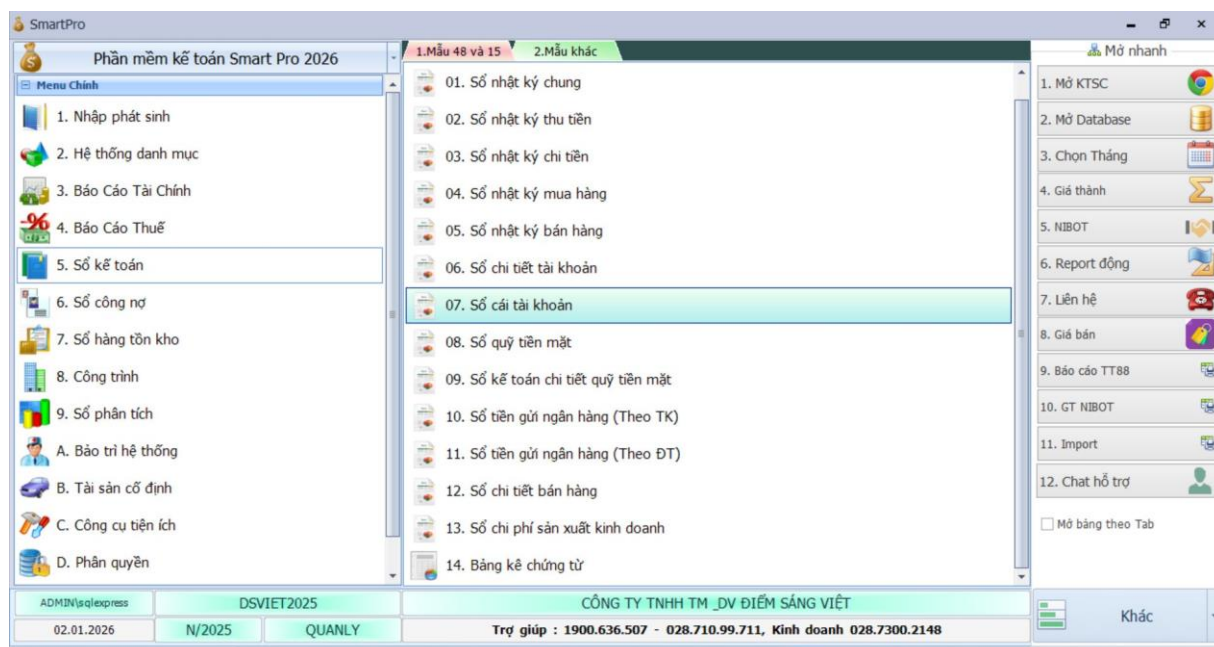
Phụ lục 6: Giao diện tạo hóa đơn GTGT số 24 (dành cho mục 2.4.1.5)

The screenshot displays the SmartPro accounting software interface. The main menu on the left lists various accounting functions, including 'Sổ nhật ký chung' (Common Receipt Book). The central pane shows a list of 14 items for the 'Sổ nhật ký chung' function. The right sidebar contains a 'Mở nhanh' (Quick Open) section with icons for opening files, databases, and reports. The bottom status bar shows the user 'ADMIN@salespress', the company 'CÔNG TY TNHH TM_DV ĐIỂM SÁNG VIỆT', and the date '02.01.2026'.

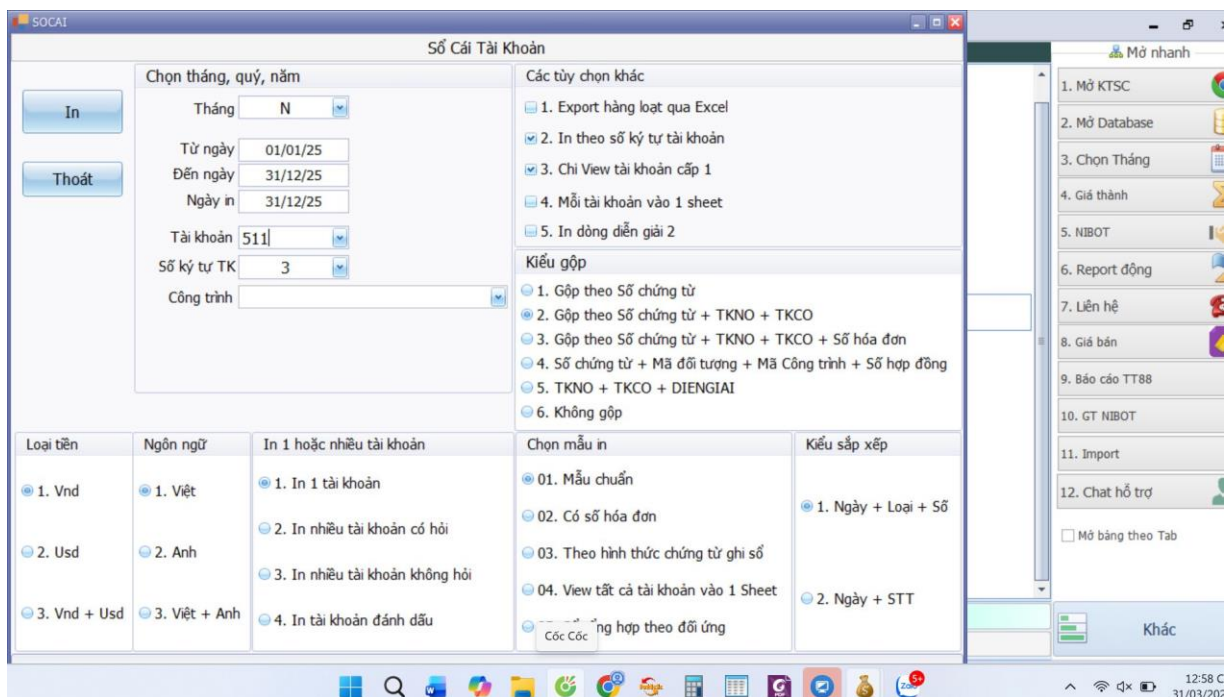
Phụ lục 7 : Giao diện vào sổ nhật ký chung (dành cho mục 2.4.1.5)



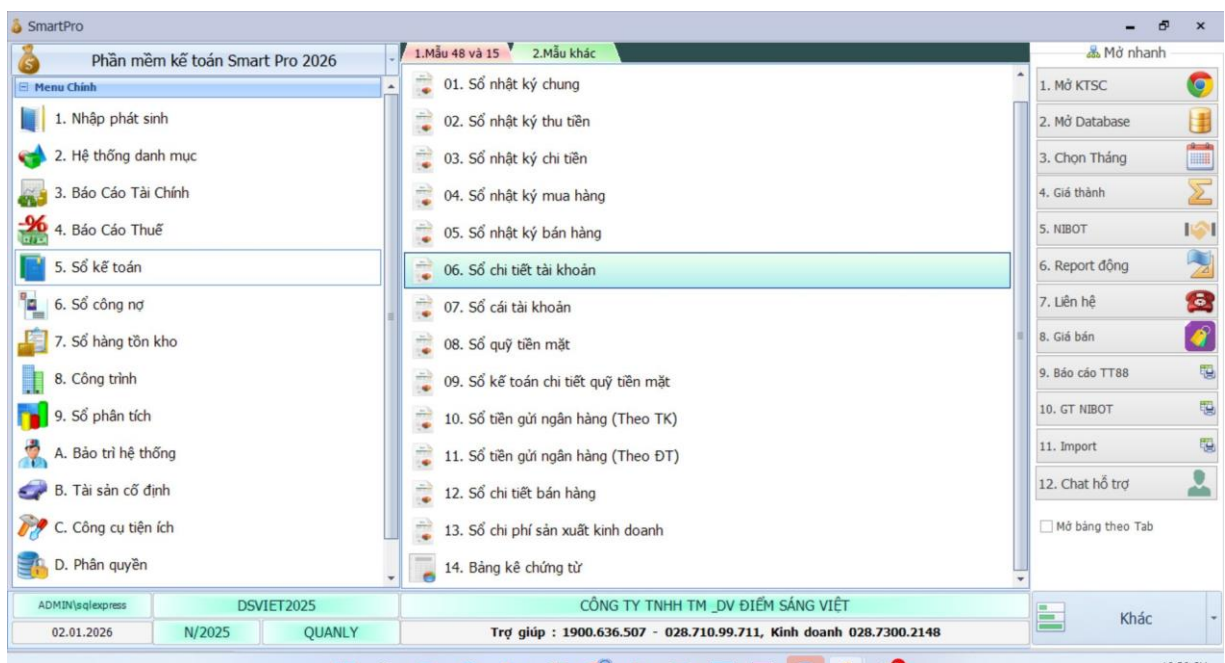
Phụ lục 8 : Giao diện mở sổ nhật ký chung (dành cho mục 2.4.1.5)



Phụ lục 9: Giao diện vào sổ cái (dành cho mục 2.4.1.5)



Phụ lục 10 : Giao diện mở sổ cái TK 511 (dành cho mục 2.4.1.5)



Phụ lục 11 : Giao diện vào sổ chi tiết tài khoản (dành cho mục 2.4.1.5)

SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng:
Từ ngày:
Đến ngày:
Ngày in:
Tài khoản:

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chỉ in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Loại tiền	Ngôn ngữ	In 1 hoặc nhiều tài khoản
☒ 1. Vnd	☒ 1. Việt	☒ 1. In 1 tài khoản
☐ 2. Usd	☐ 2. Anh	☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
☐ 3. Vnd + Usd	☐ 3. Việt + Anh	☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
		☐ 4. In tài khoản đánh dấu
		☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Chọn mẫu in

- ☒ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HĐ, Ngày HĐ, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Phụ lục 12 : Giao diện mở sổ chi tiết tài khoản 5111 (dành cho mục 2.4.1.5)

SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng:
Từ ngày:
Đến ngày:
Ngày in:
Tài khoản:

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chỉ in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Loại tiền	Ngôn ngữ	In 1 hoặc nhiều tài khoản
☒ 1. Vnd	☒ 1. Việt	☒ 1. In 1 tài khoản
☐ 2. Usd	☐ 2. Anh	☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
☐ 3. Vnd + Usd	☐ 3. Việt + Anh	☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
		☐ 4. In tài khoản đánh dấu
		☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Chọn mẫu in

- ☒ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HĐ, Ngày HĐ, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Phụ lục 13 : Giao diện mở sổ chi tiết tài khoản 5113 (dành cho mục 2.4.1.5)

CÔNG TY TNHH TM & DV
ĐIỂM SÁNG VIỆT
Số: 24/2025/BBNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU SỬA CHỮA

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 hiện hành;

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số: 15/10/25 DSV - HDKT kí ngày 15 tháng 10 năm 2025 giữa hai bên;

- Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên và kết quả kiểm tra công việc hoàn thành thực tế.

Hôm nay, ngày 24 tháng 10 năm 2025. Tại: Văn phòng Trường Tiểu học Lê Lai, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Chúng tôi gồm:

I. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Bên A)

TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LAI

- Mã số thuế: 0400260210
- Địa chỉ: 87 Ngũ Hành Sơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Đại diện: Bà Phạm Thị Thanh Minh Chức vụ: Hiệu trưởng

II. BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ (Bên B)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐIỂM SÁNG VIỆT

- Mã số thuế: 0402039504
- Địa chỉ: 251 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: 0918368139 Email: diemsangviet504@gmail.com
- Đại diện: Ông Lưu Thanh Huy Chức vụ: Giám đốc

Các bên cùng tiến hành nghiệm thu công việc sửa chữa hệ thống điện phòng học với các nội dung chi tiết sau:

III. NỘI DUNG CÔNG VIỆC NGHIỆM THU

1. Nội dung công việc thỏa thuận:

1.1 Nội dung yêu cầu sửa chữa: Sửa chữa, cải tạo và khắc phục toàn bộ hệ thống trục điện chính, hệ thống aptomat cấp nguồn và các bảng điện phân phối phụ tải tại các phòng học của Trường Tiểu học Lê Lai theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

1.2 Căn cứ yêu cầu sửa chữa: Theo đúng điều khoản thi công, xử lý kỹ thuật phát sinh và cam kết bảo hành chất lượng dịch vụ được quy định tại Hợp đồng dịch vụ số 15/10/25 DSV - HDKT ký ngày 15/10/2025.

2. Nội dung công việc hoàn thành thực tế:

2.1 Mô tả khối lượng hoàn thành: Bên B đã hoàn tất việc thi công và xử lý kỹ thuật đúng khối lượng công việc bao gồm thay thế vật tư phụ, đấu nối tủ điện an toàn, kiểm tra tải và đo điện trở cách điện toàn hệ thống. Hệ thống điện tại các phòng học sau khi sửa chữa vận hành ổn định, đảm bảo công suất hoạt động, đạt tiêu chuẩn an toàn điện trường học và bàn giao đúng thời gian.

2.2 Thỏa thuận về giá trị thanh toán

STT	Hạng mục nội dung chi phí	Thuế suất	Giá trị thanh toán (VND)
1	Giá trị công việc đã hoàn thành (Chưa bao gồm thuế GTGT)	-	41.666.667
2	Thuế giá trị gia tăng (Thuế GTGT phát sinh)	8%	3.333.333
3	Tổng cộng giá trị nghiệm thu thanh toán (Đã bao gồm thuế)	-	45.000.000

- Tổng số tiền nghiệm thu bằng chữ: *Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn.*

2.3 Nghĩa vụ của các bên sau khi bàn giao: Bên B chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo trì và bảo hành kỹ thuật toàn bộ hệ thống điện đã sửa chữa trong vòng 12 tháng kể từ ngày bàn giao. Bên A có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục phê duyệt chứng từ kế toán và thanh toán toàn bộ giá trị 45.000.000 VND cho Bên B theo đúng điều khoản quy định tại Hợp đồng dịch vụ.

3. Kết luận chung: Các bên thống nhất nghiệm thu toàn bộ khối lượng công việc sửa chữa điện phòng học trên thực tế và đồng ý nhận bàn giao công trình để đưa vào khai thác sử dụng phục vụ công tác dạy học. Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý tương đương, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ kế toán gốc lưu trữ sổ sách kế toán doanh nghiệp và cơ quan.

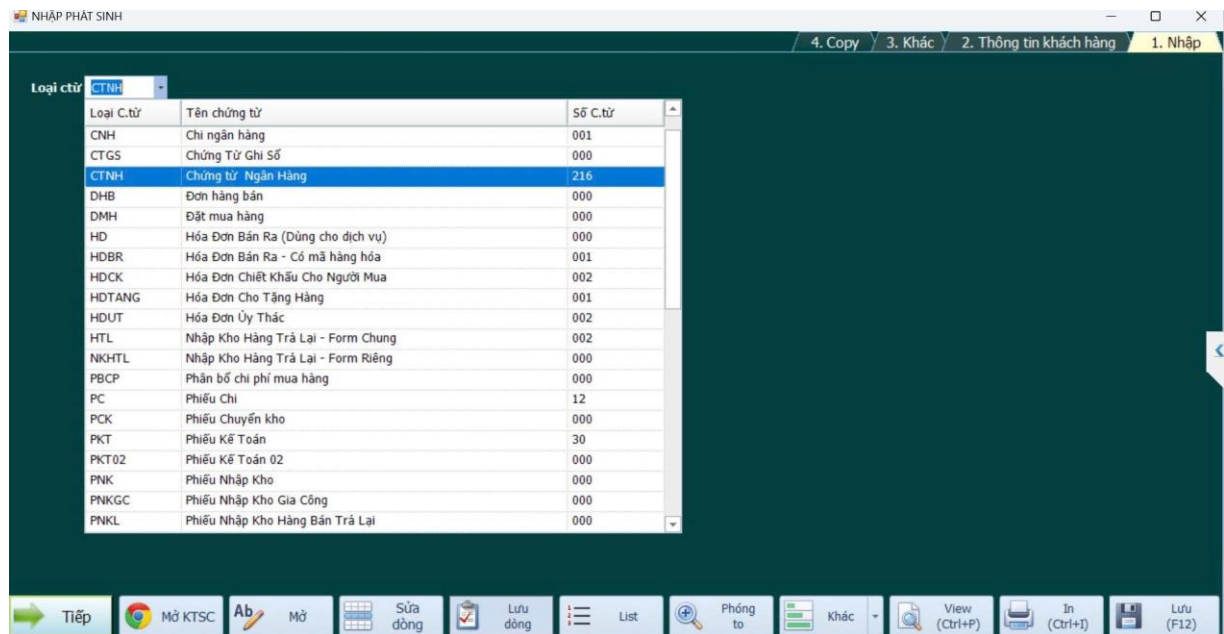
ĐẠI DIỆN BÊN A
HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Phạm Thị Thanh Minh

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Lưu Thanh Huy

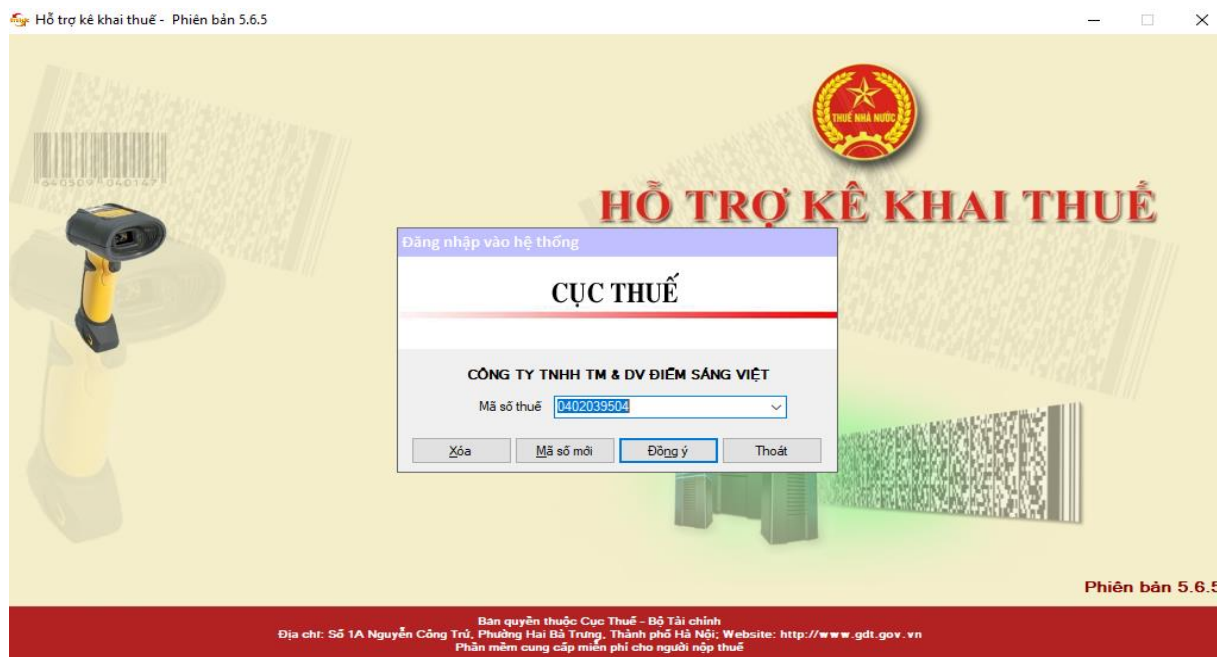
Phụ lục 14 : Biên bản nghiệm thu dịch vụ sửa chữa hóa đơn GTGT số 24 (dành cho mục 2.4.1.5)



Phụ lục 15: Giao diện chứng từ ngân hàng (dành cho mục 2.4.3.5)



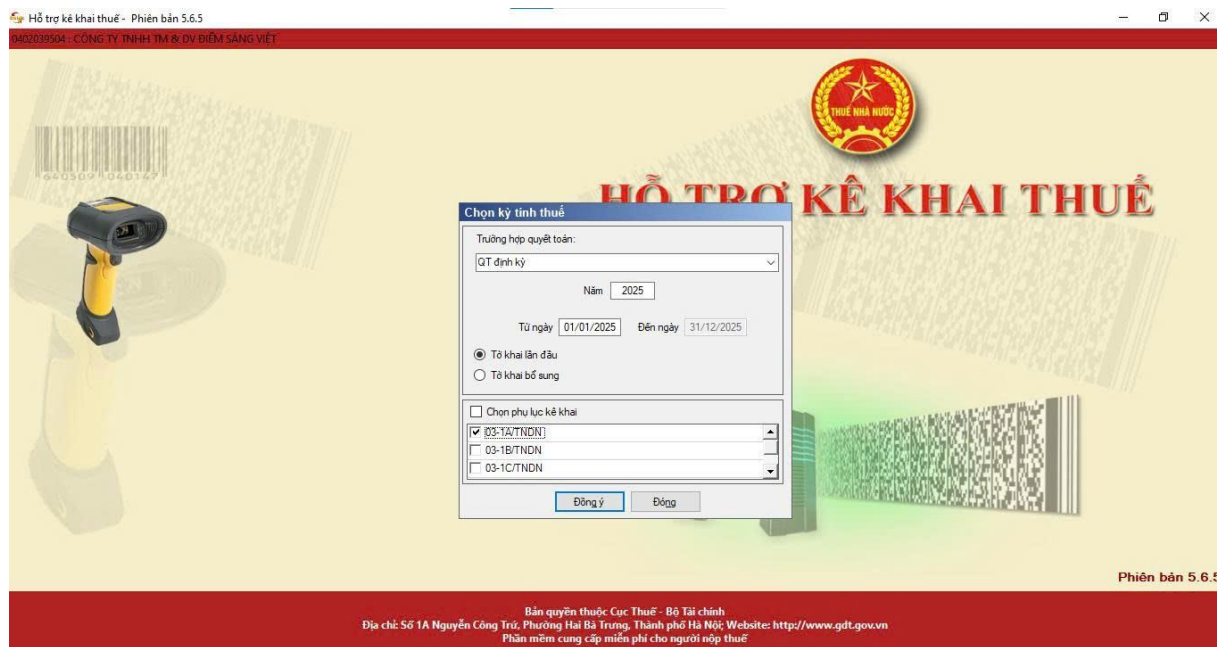
Phụ lục 16: Giao diện chứng từ phiếu kế toán (dành cho mục 2.4.7.5)



Phụ lục 17: Giao diện đăng nhập phần mềm HTKK (dành cho mục 2.4.9.4)



Phụ lục 18: Giao diện phần mềm HTKK (dành cho mục 2.4.9.4)



Phụ lục 19: Giao diện chọn tờ khai để kê khai thuế trên HTKK (dành cho mục 2.4.9.4)